

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình: **Ngôn ngữ Anh**  
Trình độ đào tạo: **Đại học**  
Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**  
Mã số: **7220201**

*(Ban hành theo Quyết định số 190/QĐ-ĐHHD ngày 05/02/2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội; đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về ngôn ngữ và văn hóa Anh, có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt và có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản đạt bậc 6 *Khung trình độ quốc gia Việt Nam* về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, kinh tế chính trị; có kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Anh để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là công tác biên phiên dịch.

Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật để làm việc độc lập với tư cách là một biên, phiên dịch viên, nhân viên giao dịch quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh để nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

##### **1.2.2. Kỹ năng**

**1.2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ:** Có năng lực sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 Khung NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam trong những công việc có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là biên phiên dịch.

**1.2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp:** Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ Anh, lý luận và phương pháp dịch thuật vào giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếng Anh và công tác biên, phiên dịch; lập và thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

##### **1.2.2.3. Kỹ năng khác**

**Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề:** Có kỹ năng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

*Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu:* Có kỹ tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

*Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn:* Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế.

*Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thứ 2:* Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

*Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ:* Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

### 1.2.3. Thái độ

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước, các qui chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, của nhà trường; có ý chí vươn lên trong học tập; tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường đại học và cộng đồng xã hội.

### 1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

### 1.2.5. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận được các vị trí:

- Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các NXB, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí,...

- Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý, v.v., trong các công ty có sử dụng tiếng Anh;

- Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn;

- Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.

### 1.2.6. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

- + Thạc sĩ Tiếng Anh;
- + Thạc sĩ Ngôn ngữ học;
- + Tiến sĩ Tiếng Anh;
- + Tiến sĩ Ngôn ngữ học;

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Kiến thức

Vận dụng được kiến thức về lí luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật vào thực tiễn cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp;

Sử dụng kiến thức tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam để giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch hoặc làm các công việc có sử dụng tiếng Anh. Vận dụng kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về nghiệp vụ để thực hiện công tác biên dịch, phiên dịch trong môi trường hội nhập quốc tế;

Phân tích, đánh giá được những giá trị văn hóa, ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, những vấn đề về kinh tế chính trị để hoạt động có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như biên phiên dịch hoặc các công việc liên quan đến sử dụng tiếng Anh;

Áp dụng kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật, tiếp cận và vận dụng được kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ trong thực tiễn hoạt động biên, phiên dịch tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân.

Vận dụng tốt các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh, các kỹ năng mềm và kỹ năng xây dựng, quản lý dự án trong nghề nghiệp tương lai và cuộc sống.

## **2.2. Kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ:**

Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam trong giao tiếp và trong những công việc như giảng dạy, biên phiên dịch hoặc các công việc liên quan đến sử dụng tiếng Anh.

Đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; viết các dạng bài viết một cách chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

Nghe hiểu được những bài nghe, các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, chi tiết kỹ thuật, các sản phẩm và dịch vụ không quen thuộc; diễn đạt trôi chảy, linh hoạt và hiệu quả, làm chủ và sử dụng thành thạo vốn từ vựng phong phú; sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp.

### **2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp**

- Dịch được các văn bản, diễn ngôn ở nhiều dạng thức khác nhau như dịch theo chủ đề, dịch theo thể loại văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

- Viết báo cáo, trình bày bài thuyết trình hoặc biên tập các bài báo, các văn bản hoặc các ấn phẩm dịch thuật.

### **2.2.3. Kỹ năng khác**

#### **a. Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề**

Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân một cách chủ động, có hệ thống; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp.

#### **b. Khả năng nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ**

- Hình thành giả thuyết, thu thập và phân tích, xử lý thông tin hoặc tham gia nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa Anh.

- Thuyết trình, giao tiếp tốt, làm việc độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả.

#### **c. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

- Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác.

- Tổ chức được các hoạt động chuyên môn khác, đảm bảo tính khả thi, sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

d. Năng lực sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Giao tiếp được bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

e. Vận dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

### 2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 120 Tín chỉ (không kể GDTC và GDQP)

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

**6. Cách thức đánh giá:** Theo quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

### 7. Nội dung chương trình:

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>							
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	Người học vận dụng được những khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào giải quyết các vấn đề trong đời sống xã hội. Sử dụng được những kiến thức về triết học trong khoa học liên ngành.	21	18	0	90	
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	Người học vận dụng được kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động.	32	26	0	135	
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	Người học hiểu biết sâu sắc về đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên một số lĩnh vực cơ bản như: chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, đối ngoại.	32	26	0	135	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Người học trình bày được kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; xây dựng Đảng, Nhà nước, CNXH, quá độ lên CNXH, đoàn kết dân tộc và quốc tế, dân chủ.	21	18	0	90	
5	Pháp luật đại cương	Người học vận dụng được những kiến thức về pháp luật để giải quyết những vấn đề liên quan đến pháp luật nơi làm việc cũng như trong cộng đồng xã hội; phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong	18	24	0	90	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		đời sống hàng ngày; tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ cương xã hội.					
6	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>						
a	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp	Người học đạt trình độ bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam: sử dụng được vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng Pháp; hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hàng ngày bằng tiếng Pháp; nói, viết những câu đơn giản và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Pháp.	36	24	24	180	
b	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc	Người học đạt trình độ bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam: sử dụng được vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng Trung Quốc; hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hàng ngày bằng tiếng Trung Quốc; nói, viết những câu đơn giản và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung Quốc.	36	24	24	180	
7	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>						
a	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	Người học nắm vững được kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp. Phát âm chuẩn từng âm, từng từ và cụm từ, câu. Người học vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày, v.v.	27	18	18	135	
b	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc	Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.	27	18	18	135	
8	<i>Chọn 1 trong 2 HP</i>						
a	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp	Người học nắm vững kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ. Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc,	27	18	18	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		trường học, giải trí...; có thể xử lý hầu hết các tình huống có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc.					
b	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc	Người học có thể sử dụng tương đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.	27	18	18	135	
9	Tin học	Người học vận dụng được những tính năng cơ bản của công nghệ thông tin vào giải quyết công việc. Sử dụng được các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, xử lý bảng tính và mạng Internet.	10	0	40	90	
10	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Người học vận dụng được những kiến thức liên quan đến văn hóa Việt Nam trong cuộc sống hàng ngày, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.	18	24	0	90	
11	Môi trường và con người	Người học vận dụng được những kiến thức về môi trường và con người trong việc bảo vệ môi trường sống, thực hiện đúng các chính sách môi trường của Việt Nam.	18	24	0	90	
12	PP NC khoa học chuyên ngành tiếng Anh	Người học có thể tiến hành các nghiên cứu trong giáo dục. Ngoài ra, sinh viên phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu.	18	12	12	90	
13	Tâm lý học đại cương	Người học vận dụng được những kiến thức liên quan đến tâm lý con người để hình thành nhân cách chuẩn mực, và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống cá nhân, công việc và các mối quan hệ xã hội.	18	20	4	90	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>							
14	Ngữ pháp	Người học nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp cơ bản như: động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, đại từ, giới từ, câu, mệnh đề và chấm câu...	27	36	0	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
15	Ngữ âm - âm vị học	Người học phân biệt được các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm; vận dụng những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, tự hoàn thiện khả năng phát âm của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm - Âm vị học.	18	12	12	90	
16	Ngữ pháp nâng cao	Người học nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp như lịch sử nghiên cứu, trường phái, đơn vị ngữ pháp, chức năng cú pháp, từ loại.	27	36	0	135	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>							
17	Lý thuyết dịch	Người học vận dụng các khái niệm, nguyên lý, kỹ thuật dịch trong việc thực hiện dịch một văn bản Việt – Anh hoặc Anh – Việt và đánh giá bản dịch.	28	14	0	90	
18	Biên dịch 1	Sinh viên có thể dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, dịch nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng, các giao dịch kinh doanh, thương mại.	18	12	12	90	
19	Biên dịch 2	Sinh viên có thể dịch được đúng và đủ ý các câu, văn bản ngắn khoảng 100 từ, từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các chủ đề thông thường của cuộc sống; có các kỹ năng làm việc theo nhóm, theo cặp để dịch một văn bản hoàn thiện nhất.	18	12	12	90	
20	Biên dịch 3	Sinh viên có thể dịch đúng, đủ, đảm bảo văn phong phù hợp các văn bản có độ dài nhiều hơn 200 từ thuộc nhiều chủ đề khác nhau.	18	12	12	90	
21	Biên dịch 4	Sinh viên có thể dịch chính xác về mặt nội dung, văn phong và hàm ý của tác giả các văn bản tiếng Anh và tiếng Việt với độ dài không giới hạn.	18	12	12	90	
22	Phiên dịch 1	Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phạm vi 2-5 câu tiếng Anh và tiếng Việt, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích	18	12	12	90	
23	Phiên dịch 2	Người học tóm tắt được ngôn bản tiếng Anh và tiếng Việt bằng ngôn	18	12	12	90	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		ngữ đích, trong đó phân biệt được ý chính, ý phụ và chi tiết minh họa. Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phỏng vấn, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích.					
24	Phiên dịch 3	Người học hoàn thiện kỹ năng dịch đuổi (nhANH, chính xác, đủ ý, hiểu hàm ý của người nói) các bài phát biểu, bài giảng tại hội thoại, lớp tập huấn.	27	18	18	135	
25	Kỹ năng Nghe Nói 1	Người học nghe hiểu và sử dụng được từ vựng và cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu về bản thân, về gia đình; miêu tả danh lam thắng cảnh, miêu tả sự vật hiện tượng, phong tục tập quán, dùng được các cấu trúc chấp nhận hoặc từ chối lời mời v.v. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
26	Kỹ năng Đọc Viết 1	Người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu và kỹ năng đọc hiểu để có thể đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc; có thể viết một đoạn văn mô tả, quá trình vận hành, hoạt động của máy móc, nêu ví dụ, ý kiến, tường thuật. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
27	Kỹ năng Nghe Nói 2	Người học sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như biết cách thông báo về thời tiết, nói về tình bạn, công việc của mình. Sử dụng được các cấu trúc để thể hiện thái độ hoặc ý kiến của mình khi đưa ra hoặc chấp nhận lời khuyên; miêu tả được và đưa ra nhận xét về các phát minh, các môn thể thao, v.v. Kết thúc học phần, người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
28	Kỹ năng Đọc Viết 2	Người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu và kỹ năng đọc hiểu để có thể đọc hiểu các bài đọc ở mức độ tiền trung cấp; có thể viết bài luận ngắn văn mô tả, ý kiến,	25	20	18	135	



TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		tường thuật, so sánh và đối chiếu, nguyên nhân và kết quả. Kết thúc học phần, người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.					
29	Kỹ năng Nghe Nói 3	Người học hiểu được và sử dụng được từ vựng, các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như diễn đạt được cảm xúc, cảm giác (vui, buồn, ngạc nhiên, thất vọng...); so sánh các sự vật hiện tượng (phương pháp học tập, tiện ích của công nghệ, tiến bộ của y học...); biết trình bày quan điểm và đưa ra nhận xét về cách lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Kết thúc học phần, người học đạt tiền bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
30	Kỹ năng Đọc Viết 3	Người học có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự ở mức độ tiền B2; có thể viết một bài luận hoặc một báo cáo, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
31	Kỹ năng Nghe Nói 4	Người học nghe hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại nội dung các chủ đề đã học; hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ; theo dõi được bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các vấn đề xã hội khi bài nói có cấu trúc rõ ràng; giao tiếp độc lập, có lập luận và cấu trúc khá mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần, người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
32	Kỹ năng Đọc Viết 4	Người học hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự ở mức độ trung cấp; viết bài luận năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim... Kết thúc	25	20	18	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		học phần, người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.					
33	Kỹ năng Nghe Nói 5	Người học nghe hiểu được nội dung chính các bài thuyết trình khá dài khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn. Có thể thuyết trình về một chủ đề nhất định, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần, người học đạt tiên bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
34	Kỹ năng Đọc Viết 5	Người học đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật; mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp. Kết thúc học phần người học đạt tiên bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
35	Kỹ năng Nghe Nói 6	Người học hiểu được các bài giảng hay những bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói tự nhiên, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc. Hiểu được những vấn đề tinh tế, phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi như pháp luật, tài chính; truyền đạt chính xác các sắc thái ý nghĩa tinh tế với độ chính xác cao. Thay đổi được cách diễn đạt để tránh gặp khó khăn khi giao tiếp và thể hiện một cách trôi chảy đến mức người đối thoại khó nhận ra điều đó. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
36	Kỹ năng Đọc Viết 6	Người học hiểu được các loại văn bản dài, phức tạp, xác định được các chi tiết tinh tế như thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng, có thể tóm tắt các đoạn văn bản dài, khó; có thể mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ, viết bài luận, viết thư trang trọng, không trang trọng ở mức độ nâng cao. Kết thúc học phần người	25	20	18	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		học đạt bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.					
37	Công nghệ trong dịch thuật	Người học nắm vững được kiến thức căn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật. Thực hiện được các thao tác với văn bản nói, viết như: lồng tiếng trong file audio, chèn âm thanh và hình ảnh trong file video thông qua ứng dụng các phần mềm. Ứng dụng các phần mềm trực tuyến và không trực tuyến như Ginger, Babylon vv... để hỗ trợ công tác dịch thuật. Biết thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện như dịch cabin vv...	18	12	12	90	
38	Kỹ năng thuyết trình	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản môn học vào giải quyết các vấn đề trong quá trình chuẩn bị và trình bày bài thuyết trình, thực hiện được những bài thuyết trình ngắn có liên quan đến ngành học một cách thuyết phục, có hiệu quả.	18	12	12	90	
<b>2.3. Kiến thức bổ trợ</b>							
39	Văn hoá Anh - Mỹ	Người học vận dụng được những khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào giải quyết các vấn đề trong đời sống xã hội. Sử dụng được những kiến thức về triết học trong khoa học liên ngành.	18	24	0	90	
40	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	Người học phân tích được cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh; Phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ; Phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ	18	24	0	90	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		trong giao tiếp một cách hiệu quả.					
41	Văn hóa doanh nghiệp	Người học nắm vững các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, giao tiếp liên văn hoá và vận dụng được những kiến thức này trong việc giao tiếp khi làm việc với các cá nhân đến từ các quốc gia hoặc nền văn hoá khác.	28	14	0	90	
42	Ngữ dụng học	Người học vận dụng được các phạm trù của ngữ dụng học như: tiền giả định, nguyên tắc hợp tác trong hội thoại, vào các phương châm hội thoại của Grice, để phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, hiểu được nghĩa hàm ngôn, v.v...trong sử dụng ngôn ngữ.	18	24	0	90	
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>						
a	Ngôn ngữ học tri nhận	Người học nắm vững được những kiến thức nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận. Có tư duy phản biện để đánh giá những vấn đề môn học đặt ra.	18	24	0	90	
b	Phân tích diễn ngôn	Người học nắm được những kiến thức cơ bản về diễn ngôn, các đường hướng nghiên cứu diễn ngôn để nghiên cứu các vấn đề về việc sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.	18	24	0	90	
44	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>						
a	Giao thoa văn hoá	Người học có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Biết cách điều tiết trong giao tiếp như: chào hỏi, tự giới thiệu, hiểu rõ về cấu trúc hội thoại của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại của người Việt Nam, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi.	18	24	0	90	
b	Giao tiếp liên văn hoá	Người học nắm vững được các nội dung cơ bản của học phần và vận dụng được vào việc sử dụng và nghiên cứu ngôn ngữ, vận dụng được các bình diện như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp vv... vào giao tiếp của bản thân.	18	24	0	90	
44	Thực tập tốt nghiệp	- Người học có thể dịch Anh - Việt, Việt - Anh ở môi trường công việc thực tế sử dụng ngôn ngữ Anh.	0	0	10 5		

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có cái nhìn tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động và quản lý tại một công ty, doanh nghiệp.</li> <li>- Người học được khả năng tư duy, phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, chủ động vận dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu của công việc.</li> <li>- Người học có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả.</li> <li>- Người học có điều kiện tiếp xúc với cán bộ lãnh đạo và công nhân viên của đơn vị thực tập để học hỏi kinh nghiệm làm việc. Trên cơ sở đó xác định, xây dựng cho mình một quan điểm về nghề nghiệp, vun đắp lòng yêu nghề và tinh thần tận tụy phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.</li> <li>- Người học có thể định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường. Chương trình thực tập là cầu nối sinh viên với công việc tiềm năng.</li> </ul>					
45	Khóa luận TN	Người học vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện một vấn đề nghiên cứu nhằm kiểm chứng lại lý thuyết và góp phần nghiên cứu giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành học. Trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức đã học gắn với thực tế công việc, tự nghiên cứu, học hỏi để củng cố thêm lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.	0	0	13 0		
46	Học phần thay thế KLTN ( <i>Chọn 2 trong 6 học phần</i> )						
a	Văn học Anh - Mỹ	Người học hiểu được những phong cách viết của một số nhà văn Anh, Mỹ để đánh giá được giá trị của các tác phẩm. Phân tích được một số tác phẩm thuộc các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.	27	36	0	135	
b	Ngôn ngữ học đối chiếu	Người học so sánh đối chiếu được một số phạm trù trong tiếng Anh và tiếng Việt và thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nhận biết được những	27	36	0	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.					
c	Phong cách học	Người học nắm vững được kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Anh đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi khả năng hiểu biết về phong cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.	27	36	0	135	
d	Ngôn ngữ học xã hội	Người học hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội, ngôn ngữ và văn hóa. Có khả năng nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ thay đổi theo bối cảnh, giới tính, địa vị xã hội, quyền lực. Có thể sử dụng kiến thức môn học vào cuộc sống và dạy học ngoại ngữ.	27	36	0	135	
e	Tiếng Anh kinh tế	Người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế trong giao tiếp cơ bản và xử lý các văn bản tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	27	36	0	135	
f	Tiếng Anh du lịch	Người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực du lịch cơ bản để xử lý các văn bản tiếng Anh thuộc lĩnh vực du lịch như: hợp đồng du lịch, giới thiệu các điểm du lịch, biên phiên dịch phục vụ các đoàn khách du lịch, giới thiệu được danh thắng du lịch, quảng bá các món ăn, đặc sản của địa phương và của quốc gia.	27	36	0	135	

## 8. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
<b>A</b>	<b>KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>32</b>							
<b>I</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>12</b>							
1	196045	Những nguyên lý cơ bản của CNML 1	2	21	18	0	90		1	Nguyên lý
2	196046	Những nguyên lý cơ bản của CNML 2	3	32	27	0	135	1	2	Nguyên lý

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
3	198025	Đường lối CM của ĐCS VN	3	32	27	0	135	1	4	Đường lối
4	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	0	90	1	3	Tư tưởng và PL
5	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		3	Tư tưởng và PL
<b>II</b>	<b>Ngoại ngữ II</b>		<b>10</b>							
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133000	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp 1	4	36	24	24	180		4	NNKC
b	133000	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc 1	4	36	24	24	180		4	NNKC
7	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	3	27	18	18	135	6	5	NNKC
b	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc	3	27	18	18	135	6	5	NNKC
8	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp	3	27	18	18	135	7	6	NNKC
b	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc	3	27	18	18	135	7	6	NNKC
<b>III</b>	<b>Tin học, KHXH, Môi trường</b>		<b>10</b>							
9	173080	Tin học	2	10		40	90		2	Tin học UD
10	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24		90		1	Ngôn ngữ học
11	125105	Môi trường và con người	2	18	24		90		1	Địa lý
12	132001	PP NCKH chuyên ngành tiếng Anh	2	18	12	12	90	23,24	6	NN VH – PPGD
13	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	20	4	90	1	2	TLGD
<b>IV</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>4</b>							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	0	40			0		LL&PPG D GDTC
	191005	Giáo dục thể chất 2								
	<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>									
a	191031	Bóng chuyền	2	0	0	60				Điện kinh -TD
b	191032	Thể dục Aerobic	2	0	0	60				Điện kinh -TD
c	191033	Bóng đá	2	0	0	60				Bóng
d	191034	Bóng rổ	2	0	0	60				Bóng
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	0	0	60				Bóng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
<b>V</b>	<b>Giáo dục quốc phòng</b>		<b>165t</b>							
a	Đường lối quân sự của Đảng		3	37	8					
b	Công tác quốc phòng, an ninh		3	37	8					
c	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)		5	33	0	45				
<b>B</b>	<b>KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>88</b>							
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>8</b>							
14	131076	Ngữ pháp	3	27	36	0	135	0	1	NN-VH-PPGD
15	123100	Ngữ âm- âm vị học	2	18	12	12	90	0	2	NN-VH-PPGD
16	132034	Ngữ pháp nâng cao	3	18	24	0	135	20	3	NN- VH-PPGD
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>57</b>							
17	132022	Lý thuyết dịch	2	28	14	0	90	25,26	3	NN-VH-PPGD
18	132011	Biên dịch 1	2	18	12	12	90	13	4	NN-VH-PPGD
19	132014	Biên dịch 2	2	18	12	12	90	14	5	NN-VH-PPGD
20	132023	Biên dịch 3	2	18	12	12	90	15	6	NN-VH-PPGD
21	132055	Biên dịch 4	2	18	12	12	90	15	8	NN-VH-PPGD
22	132030	Phiên dịch 1	2	18	12	12	90	13	5	NN-VH-PPGD
23	132031	Phiên dịch 2	2	18	12	12	90	17	6	NN-VH-PPGD
24	132033	Phiên dịch 3	3	27	18	18	135	18	7	NN-VH-PPGD
25	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	25	20	18	135		1	PTKN
26	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	25	20	18	135		1	PTKN
27	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	25	20	18	135	23	2	PTKN
28	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	25	20	18	135	24	2	PTKN
29	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	25	20	18	135	25	3	PTKN
30	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	25	20	18	135	26	3	PTKN
31	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	25	20	18	135	27	4	PTKN
32	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4	3	25	20	18	135	28	4	PTKN
33	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	25	20	18	135	29	5	PTKN
34	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	25	20	18	135	30	5	PTKN
35	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6	3	25	20	18	135	31	6	PTKN
36	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6	3	25	20	18	135	32	6	PTKN



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
37	131053	Công nghệ trong dịch thuật	2	18	12	12	90	25, 26	7	NN-VH-PPGD
38	132067	Kỹ năng thuyết trình	2	18	12	12	90	29,30	7	NN-VH-PPGD
<b>III</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>12</b>							
39	131090	Văn hoá Anh -Mỹ	2	18	24	0	90	29,30	5	NN-VH-PPGD
40	123069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	2	18	24	0	90	0	7	NN-VH-PPGD
41	131054	Văn hóa doanh nghiệp	2	28	14	0	90	0	7	NN-VH-PPGD
42	132065	Ngữ dụng học	2	18	24	0	90	29,30	7	NN-VH-PPGD
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	132024	Ngôn ngữ học tri nhận	2	18	24	0	90	29,30	8	NN-VH-PPGD
b	132063	Phân tích diễn ngôn	2	18	24	0	90	29,30	8	NN-VH-PPGD
44	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	132052	Giao thoa văn hoá	2	18	24	0	90	29,30	7	NN-VH-PPGD
b	132053	Giao tiếp liên văn hoá	2	18	24	0	90	29,30	7	NN-VH-PPGD
<b>IV</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>11</b>							
45	132010	Thực tập tốt nghiệp	5	0	0	105			8	
46	132068	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	0	130			8	Khoa NN
47	<i>Học phần thay thế khóa luận</i>		6							
	<i>Chọn 2 trong 6 học phần</i>									
a	132058	Văn học Anh -Mỹ	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
b	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
c	132027	Phong cách học	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
d	132028	Ngôn ngữ học xã hội	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
e	132065	Tiếng Anh kinh tế	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
f	132060	Tiếng Anh du lịch	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
	<b>Tổng</b>		<b>120</b>							

## **9. Đề cương học phần**

### **1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1**

- Số tín chỉ: 2 (21, 18, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, khoa Lý luận chính trị - Luật, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học. Chương trình học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1 được chia thành 3 chương trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về lĩnh vực triết học. Thông qua những quan điểm về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử, học phần trình bày một cách khái quát những nguyên lý, những quy luật cơ bản nhất của sự tồn tại, vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào giải quyết các vấn đề trong đời sống xã hội. Sử dụng được những kiến thức về triết học trong khoa học liên ngành.

#### **2. Mục tiêu học phần**

##### **2.1. Mục tiêu về kiến thức**

- Trình bày, phân tích, lấy được ví dụ về những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.
- Giải thích được về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.
- Trình bày được những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.
- Giải thích được các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

##### **2.2. Mục tiêu về kỹ năng**

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.
- Vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.
- Vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

##### **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

#### **3. Nội dung chi tiết học phần**

##### **CHƯƠNG MỞ ĐẦU: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN**

###### **I. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin**

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành
2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

###### **II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin**

1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu
2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

# **PHẦN THỨ 1: THỂ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN**

## **Chương 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG**

### **I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng**

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử.

**II. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.**

1. Vật chất.

2. ý thức

3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

## **Chương 2: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT**

### **I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật**

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

2. Phép biện chứng duy vật

### **II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật**

1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

2. Nguyên lý về sự phát triển

### **III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật**

1. Cái chung và cái riêng

2. Bản chất và hiện tượng

3. Tất nhiên và ngẫu nhiên

4. Nguyên nhân và kết quả

5. Nội dung và hình thức

6. Khả năng và hiện thực

### **IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật**

1. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

3. Quy luật phủ định của phủ định

### **V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng vật**

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức

2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

## **Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**

**I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất**

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng SX

### **II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng**

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

**III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội**

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

**IV. Hình thành kinh tế- xã hội và quá trình lịch sử, xã hội của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội**

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội

2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.

#### **V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng**

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp.

#### **VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân**

1. Con người và bản chất của con người

2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2012.

2. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2012.

##### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

3. *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20; tập 42*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 2000.

4. *Lênin toàn tập, tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41*; Nxb Tiến bộ Matxcova, 1980.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011.

## 2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 2

- Số tín chỉ: 3 (32, 27, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin, khoa Lý luận chính trị - Luật, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin 1

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Phần thứ nhất trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cụ thể là làm rõ các phạm trù, các quy luật kinh tế cơ bản thông qua các học thuyết như : học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Phần thứ hai bao gồm những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mac -Lênin về chủ nghĩa xã hội, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Qua đó, chỉ rõ xu thế tất yếu của sự ra đời phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa và các giai đoạn phát triển của nó cũng như những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN như: xây dựng nền dân chủ, nhà nước và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động.

### 2. Mục tiêu học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được một cách hệ thống những học thuyết kinh tế cơ bản nhất của chủ nghĩa Mac - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Trình bày được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học mở rộng và nâng cao nhận thức khoa học về các vấn đề kinh tế, chính trị-xã hội hiện nay.

- Vận dụng được kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN THỨ 2: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

##### Chương 4: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

#### I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá
2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

#### II. Hàng hoá

1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá
2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá
3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.

#### III. Tiền tệ

1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ
2. Chức năng của tiền tệ

#### **IV. Quy luật giá trị**

1. Nội dung của quy luật giá trị
2. Tác động của quy luật giá trị

#### *Chương 5: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ*

##### **I. Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản**

1. Công thức chung của tư bản
2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản
3. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

##### **II. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư**

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư
2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến
3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch
5. Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.
6. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

##### **III. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản**

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản
2. Tích tụ và tập trung tư bản
3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

##### **IV. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư**

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất
3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

#### *Chương 6: HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC*

##### **I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền**

1. Sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang CNTB độc quyền
2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền
3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

##### **II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước**

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
2. Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

##### **III. Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản**

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội
2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

#### **PHẦN THỨ 3: LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

#### *Chương 7: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA*

##### **I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó
2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
3. Vai trò của đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

##### **II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa**

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó
2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

### **III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa**

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.
2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

## **Chương 8: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

### **I. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN**

1. Xây dựng nền dân chủ XHCN
2. Xây dựng nhà nước XHCN

### **II. Xây dựng nền văn hoá XHCN**

1. Khái niệm nền văn hoá XHCN
2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá XHCN

### **III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo**

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc
2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

## **Chương 9: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG**

### **I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực**

1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới.
2. Sự ra đời của hệ thống các nước XHCN và những thành tựu của nó

### **II. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết và nguyên nhân của nó**

1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết
2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết

### **III. Triển vọng của CNXH**

1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người
2. CNXH - tương lai của loài người

### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

2. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin Mác-Lênin* (dùng cho khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2012.

3. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2010.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

4. Bộ GD&ĐT, *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà nội, 2008.

5. ĐH Quốc gia Hà Nội, *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN 1986, 1991, 1996, 2001, 2006.



### 3. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 3 (32, 27, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 & 2

#### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Sự ra đời và trưởng thành của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ CMDTDCND tiến lên CMXHCN, từ việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu để chỉ đạo thực tiễn.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên hiểu biết sâu sắc về đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên một số lĩnh vực cơ bản như: chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, đối ngoại.

#### 2. Mục tiêu học phần:

##### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ cách mạng DTDCND đến cách mạng XHCN, đặc biệt là đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ đó, sinh viên nhận thức được đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ và nhất là thành tựu bước đầu trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay.

##### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra trong từng lĩnh vực cụ thể theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

##### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

#### 3. Nội dung chi tiết học phần

### CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

#### I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu
  - a) Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
  - b) Đối tượng nghiên cứu môn học
2. Nhiệm vụ nghiên cứu

#### II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

1. Phương pháp nghiên cứu
  - a) Cơ sở phương pháp luận
  - b) Phương pháp nghiên cứu
2. Ý nghĩa của học tập môn học.

### Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

#### I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX
  - a) Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó.
  - b) Chủ nghĩa Mác-Lênin
  - c) Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản

2. Hoàn cảnh trong nước
  - a) Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp
  - b) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX
  - c) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

## **II. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

1. Hội nghị thành lập Đảng
  - a) Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam
  - b) Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng
2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)
  - a) Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam
  - b) Lực lượng cách mạng
  - c) Lãnh đạo cách mạng
  - d) Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới
3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

### *Chương 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)*

#### **I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939**

1. Trong những năm 1930-1935
  - a) Luận cương Chính trị tháng 10-1930
  - b) Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng
2. Trong những năm 1936-1939
  - a) Hoàn cảnh lịch sử
  - b) Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

#### **II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945**

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng
  - a) Tình hình thế giới và trong nước
  - b) Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
  - c) Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền
  - a) Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần
  - b) Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa.
  - c) Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

### *Chương 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)*

#### **I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954)**

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)
  - a) Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám
  - b) Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng
  - c) Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)
  - a) Hoàn cảnh lịch sử
  - b) Quá trình hình thành và nội dung đường lối
3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
  - a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối

b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

## **II. Đường lối kháng chiến chống mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)**

1. Giai đoạn 1954-1964

a) Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954

b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

2. Giai đoạn 1965-1975

a) Hoàn cảnh lịch sử

b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi

b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

### **Chương 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ**

#### **I. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới**

1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

a) Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa

b) Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

#### **II. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới**

1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

a) Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986

b) Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X

2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

a) Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá

b) Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

a) Nội dung

b) Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

### **Chương 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN**

#### **I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường**

1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

a) Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

b) Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

a) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII

b) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X

#### **II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta**

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

a) Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường

b) Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- c) Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- 2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
  - a) Kết quả và ý nghĩa
  - b) Hạn chế và nguyên nhân

**Chương 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

**I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985)**

- 1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị
  - a) Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân
  - b) Hệ thống chuyên chính vô sản
- 2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
  - a) Kết quả và ý nghĩa
  - b) Hạn chế và nguyên nhân

**II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới**

- 1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị
  - a) Cơ sở hình thành đường lối
  - b) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị
- 2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.
  - a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị
  - b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị
- 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
  - a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa
  - b) Hạn chế và nguyên nhân

**Chương 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá**

- 1. Thời kỳ trước đổi mới
  - a) Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới
  - b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
- 2. Trong thời kỳ đổi mới
  - a) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá
  - b) Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá
  - c) Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá
  - d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

**II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội**

- 1. Thời kỳ trước đổi mới
  - a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội
  - b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
- 2. Trong thời kỳ đổi mới
  - a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội
  - b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội
  - c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội
  - d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

**Chương 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI**

**I. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975-1985)**

- 1. Hoàn cảnh lịch sử
  - a) Tình hình thế giới
  - b) Tình hình trong nước

2. Chủ trương đối ngoại của Đảng
  - a) Nhiệm vụ đối ngoại
  - b) Chủ trương đối ngoại với các nước
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
  - a) Kết quả và ý nghĩa
  - b) Hạn chế và nguyên nhân

## **II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.**

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối
  - a) Hoàn cảnh lịch sử
  - b) Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối
2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
  - a) Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo
  - b) Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
  - a) Thành tựu và ý nghĩa
  - b) Hạn chế và nguyên nhân

### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. BGD&ĐT, 2013, *Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN*, NXB chính trị - quốc gia.
2. BGD&ĐT, 2010, *Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN*, NXB chính trị - quốc gia

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

3. BGD&ĐT, 2008, *Đường lối cách mạng của ĐCSVN*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2005, *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB chính trị - quốc gia.

## 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Số tín chỉ: 2 (21, 18, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1&2

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Khái niệm Tư tưởng HCM, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Các nội dung chủ yếu của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

*Năng lực đạt được:* Người học trình bày được kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; xây dựng Đảng, Nhà nước, CNXH, quá độ lên CNXH, đoàn kết dân tộc và quốc tế, dân chủ.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Cung cấp kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam: Về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng, Nhà nước, về CNXH, và quá độ lên CNXH, về đoàn kết dân tộc và quốc tế, về dân chủ, những kiến thức về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; xây dựng nền tảng đạo đức con người mới XHCN.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Có năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, khả năng vận dụng vào thực tiễn, giải quyết tốt những vấn đề biến đổi trong thực tiễn đặt ra. Luôn biết gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

**2.3. Mục tiêu về thái độ:** Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

*Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*

#### I. Đối tượng nghiên cứu

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.
3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### II. Phương pháp nghiên cứu:

1. Cơ sở phương pháp luận.
2. Các phương pháp cụ thể.

#### III. ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp học tập, công tác.
2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

*Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh*

#### I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Cơ sở khách quan
2. Nhân tố chủ quan

#### II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.
2. Thời kỳ từ năm 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc.
3. Thời kỳ từ năm 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng VN.

4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường CM.
5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

### **III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh**

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc.
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

#### **Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc**

##### **I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc**

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.
2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

##### **II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc**

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
3. Cách mạng giải phóng DT trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.
5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.
6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

#### **Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

##### **I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.
3. Quan điểm Hồ Chí Minh về động lực của CNXH ở Việt Nam.

##### **II. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam**

1. Con đường.
2. Biện pháp.

#### **Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam**

##### **I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng CSVN**

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.
4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

##### **II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng CSVN trong sạch, vững mạnh**

1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.
2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

#### **Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế**

##### **I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc**

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.
2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc.
3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

##### **II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.**

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế.
2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế.
3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

#### **Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân**

## **I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ**

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ
2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội.
3. Thực hành dân chủ.

## **II. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân**

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.
2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.
3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.
4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả.

## **Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới**

### **I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa**

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

### **II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức**

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.
2. Sinh viên học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh.

### **III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới**

1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người.
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”.

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2012.
2. Hội đồng Trung ương biên soạn, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội. 2005

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. “Tư tưởng Hồ Chí Minh” Tài liệu phục vụ dạy và học, Nxb ĐHKQT, Hà Nội 2008.
2. “Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh”, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội 2008.
3. “Học tập tám gương đạo đức Bác Hồ”, Nxb Thanh niên 2007.



## 5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị - Luật.
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng của nhà nước và pháp luật. Hiện tượng pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, thực hiện pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Các quy định của Pháp luật về cơ cấu, tổ chức, vị trí, tính chất, chức năng bộ máy Nhà nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực kinh tế - Chính trị - Văn hoá, giáo dục... Quyền và nghĩa vụ của cán bộ công chức, thế nào là quản lý hành chính, vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính, những quan hệ dân sự. Tội phạm và hình phạt theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Các quy định của luật lao động.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề liên quan đến pháp luật nơi làm việc cũng như trong cộng đồng xã hội; phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ cương xã hội.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Trình bày và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Đồng thời trang bị cho người học những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Vận dụng được những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

##### Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

##### I. Nguồn gốc nhà nước.

1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.
2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

##### II. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

1. Bản chất của nhà nước.
  - a. Tính giai cấp
  - b. Tính xã hội.
2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
  - a. Khái niệm
  - b. Những dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
3. Chức năng của nhà nước.
  - a. Khái niệm

b. Các chức năng của nhà nước

### **III. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.**

1. Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam.

a. Khái niệm

b. Bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam

2. Chức năng của nhà nước ta.

### **Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT**

#### **I. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.**

1. Nguồn gốc của pháp luật.

2. Bản chất của pháp luật.

a. Tính giai cấp

b. Tính xã hội

#### **II. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật.**

1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật

2. Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

#### **III. Hình thức pháp luật.**

1. Khái niệm

2. Các hình thức pháp luật.

#### **IV. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.**

1. Quy phạm pháp luật.

a. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật.

b. Cơ cấu của quy phạm pháp luật.

2. Văn bản quy phạm pháp luật XHCN.

a. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.

b. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật.

#### **V. Quan hệ pháp luật.**

1. Khái niệm quan hệ pháp luật.

2. Thành phần của quan hệ pháp luật.

#### **VI. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.**

1. Thực hiện pháp luật.

a. Khái niệm.

b. Các hình thức thực hiện pháp luật.

2. Vi phạm pháp luật.

a. Khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.

b. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.

c. Các loại vi phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm pháp lý.

a. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý. ý

b. Các loại trách nhiệm pháp lý

#### **VII. Pháp chế XHCN.**

1. Khái niệm.

2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.

3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN

### **Chương 3: LUẬT HIẾN PHÁP**

#### **I. Khái quát chung về luật hiến pháp.**

1. Định nghĩa Luật hiến pháp.

2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

#### **II. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.**

1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn Việt Nam

- a. Khái niệm
- b. Phân loại hệ thống các cơ quan nhà nước
- 2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta
  - a. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
  - b. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo
  - c. Nguyên tắc tập trung, dân chủ
  - d. Nguyên tắc pháp chế XHCN
  - e. Nguyên tắc đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc
- 3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước
  - a. Vị trí, tính chất
  - b. Chức năng

### **III. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.**

- 1. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về kinh tế - xã hội
- 2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về chính trị
- 3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về văn hóa, giáo dục
- 4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về tự do dân chủ và tự do cá nhân

## **Chương 4: LUẬT HÀNH CHÍNH**

### **I. Khái quát chung về luật hành chính.**

- 1. Định nghĩa Luật hành chính
- 2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

### **II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính**

- 1. Quan hệ pháp luật hành chính
- 2. Trách nhiệm hành chính

### **II. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính**

- 1. Định nghĩa vi phạm hành chính
- 2. Xử lý vi phạm hành chính
  - a. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính
  - b. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính
  - c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

### **III. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.**

- 1. Khái niệm cán bộ, công chức
- 2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

## **Chương 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

### **I. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng**

- 1. Khái niệm tham nhũng
- 2. Đặc điểm của tham nhũng
- 3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

### **II. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng**

- 1. Nguyên nhân khách quan
- 2. Nguyên nhân chủ quan

### **III. Tác hại của tham nhũng**

- 1. Chính trị
- 2. Kinh tế
- 3. Xã hội

### **IV. Các biện pháp phòng chống tham nhũng**

- 1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng
- 2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

## **Chương 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

### **A. Luật dân sự.**

## **I. Khái quát chung về luật dân sự.**

1. Định nghĩa luật dân sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

## **II. Nội dung cơ bản của luật dân sự.**

1. Quyền sở hữu
  - a. Khái niệm quyền sở hữu
  - b. Nội dung quyền sở hữu
2. Thừa kế.
  - a. Khái niệm thừa kế
  - b. Người để lại di sản thừa kế
  - c. Người hưởng thừa kế
  - d. Hình thức thừa kế
3. Hợp đồng dân sự.
  - a. Khái niệm hợp đồng dân sự
  - b. Hình thức hợp đồng dân sự
  - c. Nội dung hợp đồng dân sự
4. Trách nhiệm dân sự
  - a. Khái niệm trách nhiệm dân sự
  - b. Các hình thức trách nhiệm dân sự

## **B. Luật hôn nhân và gia đình**

### **I. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.**

1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

### **II. Nội dung cơ bản.**

1. Kết hôn.
  - a. Khái niệm kết hôn
  - b. Điều kiện kết hôn
2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
  - a. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
  - b. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con
3. Chấm dứt hôn nhân.
  - a. Khái niệm
  - b. Các trường hợp chấm dứt hôn nhân
  - c. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hôn nhân

## **Chương 7: LUẬT HÌNH SỰ**

### **I. Khái quát chung về luật hình sự.**

1. Định nghĩa Luật hình sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

### **II. Tội phạm.**

1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.
  - a. Khái niệm
  - b. Đặc điểm
2. Phân loại tội phạm.

### **III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.**

1. Hình phạt.
  - a. Khái niệm
  - b. Các loại hình phạt
2. Các biện pháp tư pháp khác

## **Chương 8: LUẬT LAO ĐỘNG**

## **I. Khái quát chung về luật lao động.**

1. Định nghĩa luật lao động
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

## **II. Những nội dung cơ bản.**

1. Hợp đồng lao động.
  - a. Khái niệm
  - b. Hình thức
  - c. Nội dung
2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.
  - a. Quyền, nghĩa vụ của người lao động
  - b. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động.
3. Công đoàn.
  - a. Khái niệm
  - b. Vị trí, tính chất, chức năng của Công đoàn
4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
  - a. Thời giờ làm việc
  - b. Thời giờ nghỉ ngơi
5. Tiền lương và phụ cấp
  - a. Tiền lương
  - b. Phụ cấp
6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.
  - a. Kỷ luật lao động
  - b. Trách nhiệm vật chất

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

### **Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Lê Minh Tâm (chủ biên) (2015). *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB CAND.
2. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2011). *Giáo trình pháp luật đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia.
3. *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2008* (sửa đổi, bổ sung năm 2013)

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên) (2009). *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

## 6a. NGOẠI NGỮ II – 1: TIẾNG PHÁP 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp, học phần tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu. Học phần gồm các đoạn hội thoại về giao tiếp hàng ngày.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Sinh viên có khả năng hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản và cụ thể liên quan đến đời sống hàng ngày bằng tiếng Pháp. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Pháp một cách chậm rãi. Người học có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng pháp. Người học đạt trình độ sơ cấp tương đương bậc 2 theo khung NLNN Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

+ Về Ngữ Âm: Người học phát âm chuẩn từng âm, từng từ và cụm từ, câu. Từ đó nói được những câu ngắn thông dụng trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Pháp.

+ Về Ngữ Pháp: Người học chia các động từ cơ bản trong tiếng pháp ở các thì đơn giản như Hiện tại, quá khứ khệp, tương lai...Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản để có thể sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp.

+ Về Từ vựng: Người học có thể sử dụng được hệ thống từ vựng cơ bản về các chủ đề thường gặp: gia đình, đồ vật, công sở, hành chính...trong các bài viết và đọc hiểu tiếng Pháp.

+ Về Văn hóa văn minh Pháp: Người học hiểu và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày ... Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

- Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.
- Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, vv... ngoài giờ học trên lớp.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### 1. Dire ce qu'on a fait

##### 1.1. La disparition

1.1.1 De retour du salon Passe compose

1.1.2 Situer un événement dans le passe ; Disparition, expression du temps.

1.1.3 Toulouse, une entreprise Dire ce qu'on fait

1.1.4 Interroger/ répondre d'un emploi du temps

1.1.5 S'informer sur un emploi du temps passe

##### 1.2. La disparition 2

- 1.2.1.La surprise du matin lundi
- 1.2.1.Passe compose avec des verbes “être”
- 1.2.3.Surprise, ordinateur...
- 1.2.4. la Disparition 3

### **1.3. Decouvrir la relation entre mot Savoir s’informer**

- 1.3.1.Faire des mots avec des mots
- 1.3.2.Point info La passe compose
- 1.3.3.Interrogation indirecte Bilan 6

### **1.4.Acheter**

- 1.4.1.La fete, un cadeau pour Julien
- 1.4.2.Expression de la ressemblance et different
- 1.4.3.Idee, cadeau, reveil...

### **1.5. Manger et boire**

- 1.5.1. la fete- un cocktail
- 1.5.2. Comment mangez-vous L’article partitif
- 1.5.3.Nourriture et poisson
- 1.5.4.Continuité de l’action: encore, toujours... Cocktail...

### **2.Organiser une fête**

- 2.1. La France fait la fête
- 2.2.Bilan 6
- 2.3. Occasion, action, façon...Parler des activité festives
- 2.4.la confidence
- 2.5. Pronoms complément directs et indirects

### **3.caractériser une personne : aspect physique et caractère**

- 3.1. l’astrologie relève votre caractère
- 3.2. la révélation 3 - Conseils
- 3.3. Proposition complétives: Féminin des adjectifs

### **4.Anoncer un événement, exprimer un souhait, merci**

- 4.1.Parler des personnes et Donner des instructions
- 4.2. Petits messages entre amis
- 4.3. Le gout des autres ou la difficulté de ... utiliser les pronoms
- 4.4. éviter les répétitions

### **5. Parler de la famille**

- 5.1. Les members de la famille
- 5.2. utiliser la forme pronominale: sens réfléchi et sens réciproque
- 5.3.La famille en France et à travers le cinéma

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:**Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

## **Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu giáo trình**

#### ***Tài liệu bắt buộc***

1. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur (2014), *Campus I. - Méthode de français*. CLE International/ VUEF. Tours, France. (D1)
2. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur (2014) , *Campus I. – Cahier d'exercice* .CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

#### ***Tài liệu tham khảo***

1. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot (2012), *Grammaire progressive du français avec 400 exercices*, CLE International, Paris
2. Y. De Latour, D. Jennepin, M.Léon-Dufour, A.Mattlé,B.Tessier (2013), *Grammaire - 350 exercices Niveau moyen*, Hachette, Pari



## 6b. NGOẠI NGỮ II – 1: TIẾNG TRUNG QUỐC 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Học phần gồm các nội dung về luyện tập từ ngữ, cách chào hỏi, xưng hô, miêu tả về gia đình, bạn bè. Kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Trung Quốc, học phần tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Sinh viên có khả năng hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hằng ngày bằng tiếng Trung Quốc. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Trung Quốc với tốc độ chậm một cách chậm rãi. Người học đạt trình độ sơ cấp tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần

#### 2.1. Mục tiêu chung về kiến thức

Học xong học phần này, người học có khả năng biểu đạt ý mình muốn nói, trình bày các tình huống, chủ đề trong giao tiếp hàng ngày, miêu tả địa điểm, con người biết viết và nghe những câu đơn giản trên cơ sở nắm vững được vốn từ vựng, hệ thống ngữ âm và ngữ pháp cơ bản của tiếng Trung Quốc hiện đại.

#### 2.1. Mục tiêu về kỹ năng

Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, biết cách làm việc với người khác như làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

Hiểu biết về lịch sử, văn hóa ... của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### 1- 第一课: 你好!

- 生词: 介绍和解释十一个生词

二-课文: 你好

三-语音

(一) 声母

(二) 韵母

(三) 拼音

(四) 声调

四-注释:

(一) 汉语音节的组成。

(二) 发音要领。

(三) 书写规则

(四) 声调

(五) 变调

(六) 音节和汉字

## 2-第二课:汉语不太难

一-生词介绍和解释十四个生词

二-课文: 汉语不太难

三-语音

(一) 韵母

(二) 拼音

四-注释:

(一) 元音的读法

(二) 轻声

(三) 半三声

## 3-第三课:谢谢

一-生词: 介绍和解释十三个生词

二-课文:

(一) 谢谢

(二) 明天见

三-语音

(一) 声母

(二) 韵母

(三) 拼音

四-注释:

(一) 发音要领

(二) 书写规则

(三) “不”的变调

## 4-第四课:你去哪儿

一-生词: 介绍和解释十四个生词

二-课文: 你去哪儿

三-语音

- (一) 声母
- (二) 韵母
- (三) 拼音

#### **四-注释：**

- (一) 发音要领
- (二) 韵母
- (三) 儿化韵

### **5- 第五课：这是什么书**

#### **一-生词：**

介绍和解释十四个生词

#### **二-课文：这是什么书**

#### **三-语音**

- (一) 声母
- (二) 韵母
- (三) 拼音

#### **四-注释：**

- (一) 发音要领
- (二) 韵母

### **6- 第六课：复习一**

#### **一-生词：**

介绍和解释十一个生词

#### **二-课文：这是王老师**

#### **三-语音：复习**

- (一) 声母
- (二) 韵母
- (三) 声调

#### **四-注释：**

- (一) 书写规则
- (二) “不”的变调
- (三) 三声变调

### **7- 第七课：我学习汉语**

#### **一-生词：**

介绍和解释四十一个生词

**二-课文：我学习汉语**

**三-语音：词重音**

**四-注释：**

(一) 中国人的姓名

(二) 贵姓

**8 - 第八课：你吃什么**

**一-生词：**介绍和解释十七个生词

**二-课文：你吃什么**

**三-注释：**“一”的变调

**9 - 第九课：苹果一斤多少钱**

**一-生词：**

介绍和解释二十三个生词

**二-课文：苹果一斤多少钱**

**三-语音：词重音 (2)**

**三-注释：**吧

**10- 第十课：我换人民币**

**一-生词：**介绍和解释十八个生词

**二-课文：我换人民币**

**三-语音**

三个三声的读法

**三-注释：**

(一) 先生，小姐

(二) 请等一会

**11 - 第十一课：他住哪儿**

**一-生词：**介绍和解释十六个生词

**二-课文：他住哪儿**

**三-注释：**

(一) 请问

(二) 他在家呢。

(三) 您

(四) “0”

#### 四-语法

- (一) 汉语句子的语序
- (二) 动词谓语句
- (三) 号码的读法

#### 12- 第十二课：复习二

一-生词：介绍和解释十四个生词

二-课文：

- (一) 您身体好吗
- (二) 我买铅笔

三-注释：好久不见了

四-复习语法：

- (一) 汉语句子的语序
- (二) 动词谓语句

#### 13. - 第十三课：我们都是留学生

一-生词：介绍和解释三十二个生词

二-课文：

- (一) 我们都是留学生
- (二) 你也是中国人吗？
- (三) 这位是白教授

三-注释： 我先介绍一下

四-语法

- (一) 怎么问：----- 吗？
- (二) 壮语
- (三) 副词“也”和“都”

五-语音

- (一) 句重音 (1)
- (二) 语调 (1)

#### 14-第十四课：你在哪儿学习

一-生词：介绍和解释二十六个生词

二-课文：

- (一) 你在哪儿学习
- (二) 你们的老师是谁

### 三-语法

- (一) 疑问代词
- (二) 定语和结构助词“的”
- (三) 介词“在”和“给”

### 四-语音

- (一) 句重音 (2)
- (二) 语调 (2)

### 3.15 - 第十五课：这个箱子很重

一-生词：介绍和解释二十八个生词

二-课文：

- (一) 这个箱子很重
- (二) 这是不是中药

三-注释：这是一些药

### 四-语法

- (一) 形容词谓语句
- (二) 正反问句
- (三) “的”字词组

### 五-语音

- (一) 词重音 (3)
- (二) 语调 (3)

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### 9. Học liệu:

#### 9.1. Học liệu bắt buộc

1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch) - Giáo trình Hán ngữ, tập 1 quyển thượng, NXB ĐH sư phạm, năm 2014.

2. Băng cassette hoặc đĩa ghi âm tập 1, quyển thượng

9.2. *Học liệu tham khảo*

3. Trần Thị Thanh Liêm ( biên dịch ) - Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 1, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội – Năm 2010

4. Hàng Ngọc Hoa- 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, NXB Khoa học xã hội – Năm 2017

5. Ngữ pháp tiếng Hán Hiện đại – NXB Trẻ – Năm 1999

## 7a. NGOẠI NGỮ II – 2: TIẾNG PHÁP 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 1

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* gồm hệ thống từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp, các cấu trúc câu cơ bản phù hợp trong các tình huống của từng bài học. Bài nghe hiểu và đọc hiểu được thiết kế bằng các bài báo, truyện tranh, các bài hội thoại diễn đạt các tình huống giao tiếp hàng ngày như : Giới thiệu, miêu tả, kể chuyện, giao tiếp nơi công cộng, trao đổi thư từ cá nhân, tìm hiểu và cung cấp thông tin, tìm việc, xin việc, thể hiện cảm xúc, đưa ra ý kiến của mình về một số vấn đề ...

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm vững được kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp. Phát âm chuẩn từng âm, từng từ và cụm từ rồi từng câu. Từ đó nói được những câu Sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày ... Sinh viên còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

### 2. Mục tiêu của học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Người học nắm vững được kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp. Chia được các động từ cơ bản trong tiếng pháp ở các thì đơn giản như. Hiện tại, quá khứ khệp, tương lai...Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản để có thể sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp. Hiểu được và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày ... Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.
- Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm ngoài giờ học trên lớp.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

1. Faire un projet de réalisation: exprimer un besoin, préciser les étapes d'une réalisation

1.1. parler du futur

1.2. Reportage: Comment on fabrique un journal: L'Est Républicain

1.3.. une jeune entreprise

1.4.A la recherche de partenaires

1.4.1.- Pronom "en"

1.4.2.- Vocabulaire de l'entreprise, un quotidien français

1.4.3- Quelques entreprises européennes

1.4.4.Presenter une entreprise, ses activités et des servives,

1.4.5-le son [oe] dans le suffixe eux- euse

1.4.6.-enchainement et liaisons le pronom "en"

2- parler de l'entreprise: Questions pour le XXIe siècle



- 2.1.- le Futur
- 2.2.- situation dans le futur
- 2.3.Changements et evolutions
  - 2.3.1.Aspects de la modernité [f]/ [v]
  - 2.3.2.Parler du future
  - 2.3.3.Faire desprojets
  - 2.3.4- utiliser le pronom “en”
- 2.4. une jeune entreprise
- 3. faire un projet de realisation
  - 3.1. rapporter les paroles des quelqu’un
  - 3.2.une jeune entreprise
  - 3.3.Qu’est-ce qu’il dit?
  - 3.4.-Rapporter des paroles
  - 3.5.-Discours rapport au present
  - 3.6.Une entreprise multimedia
  - 3.7.-Rapporter des paroles formulées au présent
    - 3.7.1.- préciser le moment d’une action
    - 3.7.2. - exposer le projet en présentant les étapes de son déroulement
- 9.6. Des idées en or
  - 3.7.3. Bilan 9 - entreprendre, réaliser un projet
  - 3.7.4. - Passé recent et present progressif
  - 3.7.5. - quelques idées pour trouver des idées L’esprit d’entreprise presenter brièvement un projet en le justifiant
  - 3.7.6. + exprimer un beaoin, un manqué
- 4. Comparer des qualités
  - 4.1.. La decision 1- Que choisir ? Exprimer une opinion, un jugement en faisant des comparaisons
  - 4.2.- Constructions comparatives avec les adjectifs et des adverbes
  - 4.3.- Voiture, moteur, dimensions, volue coffre, vitesse...
  - 4.4.Comportement et mentalité (de droit, de gauche- bourgeois/bohème)
  - 4.5.Comparer des quantités et des actions
  - 4.6. La decision 2 ; partir ou rester ?
  - 4.7.Caractériser en faisant des comparaisons sur des quantités ou sur des actions
  - 4.8.- comparaisons des quantités, expression de la restriction
  - 4.9.- la population, habitant, accueillant, ...
  - 5.Exprimer la ressemblance ou la difference
    - 5.1. Lynda lemay
    - 5.2.La decision 3 : Que faire de la plante verte
    - 5.3.Comparer en exprimant les ressemblances et les différences.
      - 5.3.1.- Les superlatifs
      - 5.3.2.- une ressemblance, un record, aldult, fonctionnaire, militaire, commune...
      - 5.3.3.La Québec, province francophone du Canada
      - 5.3.4.Faire des suppositions
      - 5.3.5.Demander de l’aide, Répondre à une demande de l’aide, Raisonner expliquer en faisant des suppositions
      - 5.3.6.- expressions de suppositions
      - 5.3.7.- apporter, emporter, porter...
  - 6.Comparer des lieux Lettre de voyage
    - 6.1.Ecire une carte postale ou une courte lettre de vacances ou de voyage

6.2.- Forme impersonnelle de verbes exprimant le temps qu'il fait.- vob du climat, du paysage Régions de France

6.3. Le Palmères des émissions Présenter le contenu d'une émission de radio ou de télévision, donner son opinion - vob de télévision, de radio

6.4.- animer

6.5.- varié, intéressant, étonnant, passionnant... Quelques émissions de télévision très regardés Bilan 10

7.Poser un problème La presse

7.1.Exposer le problème à partir d'un document de presse - vob de presse

7.2.- informer, poser un problème, résoudre... Principaux titres de presse français

7.3.Caractériser une action Invitée à la télé 1 : préparation Donner une opinion dur un comportement - Pronom « y », place des verbes

7.4.- association, municipalité, dirigeant, débat...

7.5.Connaissances pratiques : que fais en cas de maladie,

7.6.Information sur le système de protection sociale

8.Parler de la santé

8.1.Invitée à la télé 2 : ça ne va pas

8.2.Parler de son état de santé, répondre aux questions d'un médecin - vob de santé et de maladie

8.3.- avoir le trac

8.4.- sonner

8.5.Interdire- autoriser Invitée à la télé 3: Entrée interdite

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:**Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Học liệu:**

**9.1. Học liệu bắt buộc**

1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2004, *Campus I. - Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

2. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2004, *Campus I. – Cahier d'exercice*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)

**9.2. Học liệu tham khảo**

3. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot, *Grammaire progressive du français avec 400 exercices*, CLE International, Paris, 2004

4. Y. De Latour, D. Jennepin, M.Léon-Dufour, A.Mattlé,B.Tessier, *Grammaire - 350 exercices Niveau moyen*, Hachette, Paris, 2003

## 7b. NGOẠI NGỮ II- 2: TIẾNG TRUNG QUỐC 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 1

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các nội dung liên quan đến chủ đề về thể thao, du lịch, danh lam thắng cảnh v.v...

*Năng lực đạt được:* Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản về các chủ đề thường gặp hàng ngày, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.

### 2. Mục tiêu học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có thể vận dụng một phần kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường.

#### 2.2 Mục tiêu về kỹ năng

Người học vận dụng được kiến thức đã học sử dụng trong giao tiếp, biết cách làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như các hoạt động nhóm. Học tiếng Trung Quốc để hiểu thêm về lịch sử, văn hóa ... của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

### 3. Nội dung chi tiết môn học

#### 1. 第四十六课: 我们走下去吧

一-生词: 介绍和解释四十二个生词

二-课文:

--我们走下去吧

-- 我给你带回来一件礼物

三-注释:

(一) 这下你该满意了吧。

(二) 还有野生动植物什么的, 真是应有尽有。

四-语法: 动作趋向的表达: 复合趋向补语

五-练习

- 用学过的句型造句
- 按照例句作练习
- 根据实际情况回答问题
- 看图说话
- 遇到下列情况怎么说?
- 选词填空
- 改错句

六-自学

- 阅读
- 交际会话

- 写一段话说明父母送给你一件礼物的情况
- 2. 第四十七课: 会议中心的门开着呢
  - 一-生词: 介绍和解释四十三个生词
  - 二-课文:
    - (一) 会议中心的门开着呢
    - (二) 墙上贴着红双喜字
  - 三-语法
    - 动作或状态的持续: 动词+着
    - 否定式: 没(有)+动词+着
    - 正反疑问句: 动词+着----- 没有?
  - 四-练习
    - 用学过的句型造句
    - 用“动词+着”填空
    - 按照例句作练习
    - 根据实际情况回答问题
    - 选词填空
    - 改错句
    - 综合填空
  - 一- 自学
    - 阅读: 去医院看朋友
    - 交际会话
      - 跟同学说一说你们教室里 和房间里放着什么东西, 墙上挂着什么?
- 3. 第四十八课: 复习八
  - 一-生词
    - 介绍和解释二十个生词
  - 二-课文: 见面
  - 三-语法: 复习下面几个语法点
    - (一) 复合趋向补语
    - (二) 动作或状态的持续: 动词+着
    - (三) “了, 着, 过”的用法
  - 四-练习
    - 用学过的句型造句
    - 语音
    - 组句
    - 看图说话
    - 用“的, 地, 德”填空
    - 回答课文问题
    - 用“了, 着, 过”填空
    - 选词填空
    - 改错句
  - 小测验
  - 五-自学
    - 交际会话: 急诊
    - 综合填空
- 4. 第四十九课: 前边开过来一辆空车
  - 一-生词介绍和解释三十九个生词
  - 二-课文:

- (一) 前边开过来一辆空车
- (二) 年轻人打扮得越来越漂亮

### 三-注释:

- (一) 四合院
- (二) “在家靠父母，出门靠朋友嘛”

### 四-语法

- (一) 存现句
- (二) 变化的表达：“越来越-----“  
和“越-----越-----“

### 五-练习

- 用学过的句型造句
- 按照例句作练习
- 根据实际情况回答问题
- 完成句子
- 选词填空
- 改错句
- 综合填空

### 六-自学

- 阅读：方向错了
- 交际会话
- 说一说你们班的同学打扮得怎么样？对于这个问题你有什么观念？

## 5. 第五十课：请把护照和机票交给我

一-生词：介绍和解释三十九个生词

### 二-课文：

- (一) 请把护照和机票交给我
- (二) 我想把照相机拿出来
- (三) 你把空调开开

### 三-注释：

- (一) 没有什么呀。
- (二) 这个盒子打了点

### 四-语法

#### “把”字句 (1)

(一) 把”字句 的基本结构形式是：

主语+把+宾语+动词+其他成分

(二) 使用把”字句的要求

### 五-练习

- 用学过的句型造句
- 把括号里的词语加在适当的位置上
- 把下列肯定句改成否定句
- 按照例句作练习
- 根据实际情况回答问题
- 用“把”字句完成会话
- 选词填空
- 改错句

### 六-自学

- 阅读：找钱
- 老师要你把作业本给他，你还没有作完，怎么对老师说？

## 6. 第五十一课: 把吸尘器递给我

一-生词: 介绍和解释四十一个生词

二-课文:

(一) 把吸尘器递给我

(二) 把我写的对联也贴上去吧

(三) 福到了

三-注释:

(一) 让我来吧。

(二) 哦, 可不是。

四-语法

(一) “把”字句 (2)

(二) 名词重叠

五- 练习

- 用学过的句型造句

- 按照例句作练习

- 根据实际情况回答问题

- 综合填空

- 选词填空

- 改错句

- 小测验

六-自学

- 阅读: 布置会场

- 交际会话

## 7. 第五十二课: 我的腿被自行车撞伤了

一-生词: 介绍和解释四十三个生词

二-课文:

(一) 我的腿被自行车撞伤了

(二) 钱包让小偷偷走了

三-注释:

(一) 还好, 没伤着骨头。

(二) 钱不多, 才几十块钱。

(三) 可气不可气

四-语法

(一) “被”字句

(二) 又

五- 练习

- 用学过的句型造句

- 用“被, 叫, 让”改写句子

- 把下列句子改成“把”字句

- 根据实际情况回答问题

- 遇到下列情况怎么说?

- 选词填空

- 改错句

六-自学

- 阅读: - 救救小鸟

- 我被解雇

- 交际会话

- 说说你或朋友一次撞车的情况

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Học liệu:**

**9.1. Học liệu bắt buộc**

1. Dương Ký Châu (chủ biên), Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển 3, NXB ĐH Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2012.

**9.2. Học liệu tham khảo**

2. An Tường (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ sơ cấp tập 3, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012

3. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 3, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2010

4. Ngữ pháp tiếng Hán Hiện đại, NXB Trẻ, năm 2013

## 8a. NGOẠI NGỮ II – 3: TIẾNG PHÁP 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 2

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Bao gồm các bài học với các nội dung bài học về công việc, trường học, giải trí v.v... được sắp xếp theo chủ đề, lồng ghép các nội dung ngữ pháp và từ vựng, kỹ năng tiếng Pháp

*Năng lực đạt được:* Người học nắm vững kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ. Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc.

### 2. Mục tiêu của học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có khả năng hiểu và sử dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp về đời sống hằng ngày và các vấn đề trong xã hội, thế giới ví dụ: xin việc, công việc, kinh doanh, du lịch, thời trang, nghệ thuật, điện ảnh, giải trí... Ngoài việc biết phát âm chuẩn các từ, các cụm từ trong tiếng Pháp, người học phải sử dụng được các hiện tượng ngữ âm như nói, luyện, lên giọng, trọng âm trong từ, cụm từ và các loại câu trong Tiếng Pháp. Biết sử dụng linh hoạt và thuần thục các thì trong tiếng Pháp, đặc biệt là các thức như Mệnh lệnh, chủ quan, điều kiện. Hiểu biết về cuộc sống văn hóa Pháp và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có thể nghe, nói, đọc, viết tiếng Pháp ở trình độ tiền trung cấp. Đặc biệt phát triển kỹ năng nói và viết. Sinh viên có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó bằng văn bản nói hay viết.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- + Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- + Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học, làm việc theo nhóm hiệu quả.
- + Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, vv... ngoài giờ học trên lớp.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

1. La publicité punchy 1
  - 1.1. Une nouvelle créatrice
  - 1.2. - présenter quelque'un
  - 1.3. Présentation d'un CV
  - 1.4. - comparer les différentes façons d'apprendre - psychologie : un type, une personnalité, la confiance, ...
2. La publicité punchy 2
  - 2.1. Une journée dans l'entrepris
  - 2.2. Une journée de l'entreprise.
  - 2.3. La publicité punchy 3
  - 2.4. Voca de la bourse : un marché, un cours, basse
  - 2.5. Trois sujets de débats
3. Reportages dans un endroit branché de Paris      Se rencontrer
  - 3.1. - décrire les différents espaces et les différentes



- 3.2. - extrait du Petit Futé
- 3.2. Le grand livre des Bilan 1 succès
- 3.4. Mettre en valeur
- 3.5. Mettre en valeur les qualités d'un objet, d'une
- 3.6. Les constructions comparatives et superlatives
- 3.7. La gastronomie et les chefs cuisiniers,
- 3.8. - Gout des Français en matière de musique
- 3.9. Le premier pas 1
- 3.10. Suppositions
- 4. Premier pas 2
- 4.1. Comment revoir Arthur
- Test 2
- 4.3. Proposer- conseiller
- 4.4. Proposer suggérer à quelqu'un de faire q.qch. Donner des
- 4.5. Le cinéma, le fabuleux destin d'Amélie Poulain
- 4.6. Parler des qualités et des défauts
- 4.7. Décire des caratères, la personnalité, le comportement d'une personne.
- 4.8. Formes masculins et féminis des adjectifs
- 4.9. Les relations amoureuses, les problèmes psychocoliques, BF
- 5. Lettre
- 5.1. Faire une demande écrite
- 5.2. Savoir rédiger selon les codes actuels une lettre de demande pour différents objets
- 5.3. Le commerce, l'emploi, le contact, l'expression, un sentiment, une salutation...
- 5.4. Le cinéma Français
- 5.5. L'acteur Gérard Depardieu
- 5.6. Quelle époque
- 5.6.1. Examen demi-cours
- 5.6.2. Comprendre et raconter une anecdote
- 5.6.3. Comprendre un récit anecdote, raconter oralement une anecdote Situation dans le temps et dans l'espace ; récit au présent et au passé
- 6. Reportage dans un club de gymnastique : la Gymnas de Nancy
- 6.1. Bilan 2
- 6.2. Améliorer son image
- 6.3. Imaginer- faire des suppositions
- 6.4. Parler des aspect physique de quelqu'un, de son image , de ses habitudes, - constructions au passé composée. - vocabulaire de l'image Raconter une anecdote
- 7. La pétition 2
- 7.1. Difficile à convaicre
- Test 3
- 7.2. Exprimer un manque
- 7.3. Exprimer l'existence, exprimer le manque et le besoin,
- 7.4. Les pronoms comléments
- 7.5. Vocabulaire de l'existence et du
- 7.6. La régions des Cévennes
- 8. Environnement contre intérets économiques Parler de l'environnement
- 8.1. Faire un état des lieux pour un site naturel
- 8.2. Vocabulaire de l'environnement
- 8.3. La formation du territoire de la France,

- 8.4. Zimbabwe projet pour la protection des animaux sauvages
- 9. Reportage dans la forêt des Vosges après la tempête de décembre 1999
  - 9.1. Parler d'une catastrophe
  - 9.2. Comprendre un récit d'un événement catastrophique
  - 9.3. Vocabulaire des catastrophes
  - 9.4. Les Français et les animaux familiers
- 10. Bilan 3
- Test 4
  - 10.1. Exprimer la volonté, l'obligation
  - 10.2. Exprimer les souhaits
- 11. Unité 4- leçon 3, 4 Raconter des faits mystérieux
  - 11.1. Présenter les circonstances d'un événement
  - 11.2. Faire un récit et présenter les événements comme certains, possibles ou impossibles
  - 11.3. Thème de l'étrange et du mystérieux
  - 11.4. Thème de la religion
  - 11.4. Événements de la deuxième moitié du XXe siècle qui restent
- 12. Unité 4- leçon 5
  - 12.1. Commenter des opinions
  - 12.2. Rapporter des informations statistiques, commenter les informations
  - 12.3. Les adjectifs et les pronoms indéfinis
  - 12.4. La légende de la bête du Gévaudan, les animaux fabuleux
- 13. Unité 4- leçon 6
  - 13.1. Comprendre et raconter un fait divers
  - 13.2. Comprendre un fait divers relaté brièvement dans la presse Raconter un fait divers La vie privée des gens
  - 13.3. Attitudes face au mensonge.
- 14. Les romans et les films inspirés de faits divers

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Học liệu:**

**9.1. Học liệu bắt buộc**

1. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur, 2004, *Campus II - Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)
2. Jacky Girardet ,Jacques Pécheur , 2004, *Campus II – Cahier d'exercice* , NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D2)

**9.2. Học liệu tham khảo**

3. Michele Boularès et Jean-Louis Frérot, *Grammaire progressive du français avec 400 exercices*, CLE International, Paris, 2004
4. Y. De Latour, D. Jennepin, M. Léon-Dufour, A. Matlé, B. Tessier, *Grammaire - 350 exercices Niveau intermédiaire*, Hachette, Paris, 2003

## 8b. NGOẠI NGỮ II- 3: TIẾNG TRUNG QUỐC 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 2

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần Tiếng Trung Quốc 3, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm các nội dung về giao tiếp hàng ngày, các bài đọc hiểu về cuộc sống, con người Trung Quốc. Mỗi nội dung bài học gồm 5 phần: Ngữ âm, Từ vựng, Bài đọc hiểu, Ngữ pháp, luyện tập.

*Năng lực đạt được:* Người học có thể sử dụng tương đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc, để sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.

### 2. Mục tiêu học phần :

#### 2.1. Mục tiêu kiến thức:

Người học có kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, có năng lực làm việc với người khác như làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ:

Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như các hoạt động nhóm. Học tiếng Trung Quốc để hiểu thêm về lịch sử, văn hóa ... của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

### 3. Nội dung chi tiết môn học

#### 8. 第五十三课: 有困难找民警

##### 一-生词:

介绍和解释四十九个生词

##### 二-课文:

(一) 有困难找民警

(二) 我们把松竹梅叫做“岁寒三友”

##### 三-注释:

(一) 看样子他们是从农村来的

(二) 就像扶着自己的父母一样

##### 四-语法

(一) 无关联词语复句

(二) 状态补语 (2)

##### 五- 练习

- 用学过的句型造句

- 遇到下列情况怎么说?

- 根据课文内容回答问题

- 完成会话

- 选词填空

- 改错句
- 综合填空
- 六-自学
- 阅读：有困难找民警
- 如果在路上你或别人被偷东西你怎么报案？

#### 9. 第五十四课: 复习九

- 一-生词：
  - 介绍和解释十九个生词
- 二-课文：
  - 助人为乐
- 三-语法：复习
- (一) 存现句
- (二) 变化的表达：“越来越-----“
  - 和“越-----越-----“
- (三) -“把”字句 (1)
  - “把”字句 (2)
- (四) 名词重叠
- (五) “被”字句
- (六) 无关联词语复句
- (七) 状态补语 (2)
- 五-练习
  - 用学过的句型造句
  - 连句成段
  - 按照例句作练习
  - 根据课文回答问题
  - 完成会话
  - 选词填空
  - 改错句
  - 综合填空
  - 小测验

#### 六-自学

- 阅读：祝好人一路平安
- 交际会话
- 你讲一讲你帮助别人的事情

#### 10. 第五十五课: 京剧我看得懂，但是听不懂

- 一-生词：
  - 介绍和解释四十一个生词
- 二-课文：
  - (一) 京剧我看得懂，但是听不懂
  - (二) 今天晚上我去不了
- 三-注释：
  - (一) 脸谱
  - (二) 古代

(三) 不见不散

#### 四-语法

(一) 可能补语

(二) 动作能否发生或完成:

动词+得/不+了

(三) 空间能否容纳: 动词+得/不+下

#### 五-练习

- 用学过的句型造句

- 模仿造句

- 看图说话

- 遇到下列情况怎么说?

- 根据实际情况回答问题

- 完成会话

- 选词填空

- 改错句

- 综合填空

#### 六-自学

- 阅读: 雪后爬长城

- 交际会话

11. 第五十六课: 山这么高, 你爬得上去吗

一-生词:

介绍和解释三十个生词

二-课文:

(一) 山这么高, 你爬得上去吗

(二) 我担心自己演不好

三-注释:

(一) 世上无难事, 只怕有心人

(二) 加油

(三) 没问题

#### 四-语法

(一) 可能补语 (2)

(二) 可能补语与状态补语

(三) 只要-----就-----

#### 五-练习

- 用学过的句型造句

- 模仿造句

- 按照例句作练习

- 根据实际情况回答问题

- 完成会话

- 选词填空

- 改错句

- 遇到下列情况怎么说?

#### 六-自学

- 阅读：忘不了的耳光

- 交际会话

- 谈一谈你们去爬山的情况

## 12. 第五十七课：我想起来了

一-生词：

介绍和解释三十个生词

二-课文：

(一) 我想起来了

(二) 我们还学下去

三-注释：

(一) 要是让我们自己花钱克族不了

(二) 我们公司是搞中外文化交流的。

四-语法

(一) 趋向补语的引申用法

(二) 只有-----才-----

五- 练习

- 用学过的句型造句

- 模仿造句

- 选择填空

- 根据实际情况回答问题

- 完成会话

- 选词填空

- 遇到下列情况怎么说？

- 综合填空

- 改错句

- 小测验

六-自学

- 阅读：智慧口袋

- 交际会话

## 1 第五十八课：寒假你打算去哪 旅行

一-生词：

介绍和解释三十九个生词

二-课文：

(一) 吃什么都可以

(二) 寒假你打算去哪 旅行

三-注释：

(一) 上有天堂，下有苏杭

(二) 桂林山水甲天下

四-语法

(一) 疑问代词的活用

(二) 一边--- 一边---

(三) 除了-----以外，都/还

五- 练习

- 用学过的句型造句
- 模仿造句
- 用括号里的词语回答下列问题
- 回答问题
- 完成句子
- 选词填空
- 遇到下列情况怎么说?
- 改错句

#### 六-自学

- 阅读：- 会话
  - 画蛇添足
  - 交际会话
  - 暑假你打算去哪旅行?

### 14.1. 第五十九课: 吉利的数字

#### 一-生词:

介绍和解释四十一个生词

#### 二-课文:

- (一) 吉利的数字
- (二) 宴会上的规矩

#### 三-注释:

- (一) 相声
- (二) 什么话
- (三) 以后你有什么问题就问我好了

#### 四-语法

- (一) 反问句
- (二) 强调意义的表达:
  - 连-----也/都
- (三) 强调肯定: 二次否定

#### 五-练习

- 用学过的句型造句
- 提问
- 模仿造句
- 按照例句作练习
- 用“连-----也/都“回答问题
- 用反问句完成会话
- 遇到下列情况怎么说?
- 选词填空
- 改错句

#### 六-自学

- 阅读: 哪个数字最吉利
- 交际会话

### 14.2. 第六十课 :复习十

#### 一-生词:



介绍和解释二十三个生词

二-课文:

学会用筷子

三-语法

复习下列问题:

- (一) 可能补语
- (二) 趋向补语的引申用法
- (三) 只有-----才-----
- (四) 反问句
- (五) 强调意义的表达

四-练习

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Học liệu**

**9.1. Học liệu bắt buộc**

1. Dương Ký Châu (chủ biên), Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển 4, NXB ĐH Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2012.
2. Bảng catsete hoặc đĩa ghi âm tập 2 quyển 4

**9.2. Học liệu tham khảo**

3. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 3, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2010
4. Khang Ngọc Hoa, 301 câu đàm thoại tiếng Hoa, NXB Khoa học xã hội, năm 2014
5. An Tường (biên dịch), Giáo trình Hán ngữ sơ cấp tập 3, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2010

## 9. TIN HỌC

- Số tín chỉ: 2 (10, 0, 40)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tin học ứng dụng, khoa Công nghệ thông tin & Truyền thông.
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về CNTT, máy tính và hệ điều hành, mạng máy tính và Internet, phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình diễn văn bản, phần mềm xử lý bảng tính.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những tính năng cơ bản của công nghệ thông tin vào giải quyết công việc. Sử dụng được các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, xử lý bảng tính và mạng Internet.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin (CNTT), máy tính; sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows; các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và Internet; các phần mềm tiện ích thông dụng; các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sử dụng được hệ điều hành Windows; kỹ năng sử dụng thư điện tử, Website, cách tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng, thiết thực; kỹ năng sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính để làm việc, học tập và nghiên cứu.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

- Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học, làm việc theo nhóm hiệu quả.
- Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, v.v... ngoài giờ học trên lớp.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### CHƯƠNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CNTT

##### 1.1. Thông tin và dữ liệu

- 1.1.1. Khái niệm thông tin, dữ liệu
- 1.1.2. Xử lý thông tin bằng máy tính
- 1.1.3. Khái niệm phần cứng, phần mềm

##### 1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 1.2.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
- 1.2.2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm
- 1.2.3. Các phép toán đối với số nhị phân
- 1.2.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

##### 1.3. Hệ thống máy tính

- 1.3.1. Các bộ phận cơ bản của máy tính
- 1.3.2. Bộ xử lý trung tâm - CPU
- 1.3.3. Bộ nhớ
- 1.3.4. Các thiết bị nhập, xuất
- 1.3.5. Cấu hình cần biết khi mua máy tính

##### 1.4. Phần mềm và thuật toán

- 1.4.1. Phần mềm

#### 1.4.2. Thuật toán

### CHƯƠNG 2: MÁY TÍNH VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH

#### 2.1. Các thao tác cơ bản

- 2.1.1. Khởi động máy tính
- 2.1.2. Màn hình nền (desktop) và nút Start
- 2.1.3. Sử dụng bàn phím và chuột
- 2.1.4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ
- 2.1.5. Tắt máy đúng kiểu

#### 2.2. Quản lý và khai thác máy tính

- 2.2.1. Tổ chức dữ liệu trên máy tính
- 2.2.2. Khai thác và sử dụng My Computer
- 2.2.3. Biểu tượng tệp tin, thư mục
- 2.2.4. Các thao tác cơ bản với tệp tin và thư mục
- 2.2.5. Sử dụng chương trình Windows Explorer
- 2.2.6. Chạy một chương trình ứng dụng

#### 2.3. Sử dụng máy tính

- 2.3.1. Cài đặt máy in và in tài liệu
- 2.3.2. Tìm kiếm tệp tin, thư mục
- 2.3.3. Nén dữ liệu
- 2.3.4. Xem thông tin về máy tính
- 2.3.5. Thiết lập Control Panel
- 2.3.6. Cài đặt, cập nhật, gỡ bỏ các chương trình ứng dụng
- 2.3.7. Một số phím tắt

#### 2.4. Tiếng Việt trên máy tính

- 2.4.1. Vấn đề mã hóa tiếng Việt
- 2.4.2. Kiểu gõ Telex
- 2.4.3. Các bộ gõ thông dụng
- 2.4.4. Chuyển đổi mã tiếng Việt
- 2.4.5. Cài đặt Unikey

#### 2.5. Một số phần mềm tiện ích

### CHƯƠNG 3: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

#### 3.1. Khái niệm mạng máy tính và Internet

#### 3.2. Một số thuật ngữ tiếng Anh khi sử dụng Internet

#### 3.3. Thư điện tử - Email

- 3.3.1. Khái niệm
- 3.3.2. Tên hộp thư điện tử
- 3.3.3. Thiết lập và sử dụng thư điện tử: gmail, yahoo

#### 3.4. Website, Blog, diễn đàn

- 3.4.1. Khái niệm WWW, Website, Blog, diễn đàn
- 3.4.2. Tên miền URL
- 3.4.3. Trang chủ (Home page)
- 3.4.4. Một số Website, Blog, diễn đàn thông dụng

#### 3.5. Tìm kiếm thông tin trên Internet

- 3.5.1. Vai trò của thông tin và tìm kiếm thông tin
- 3.5.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin với Google Search

#### 3.6. Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng Internet

#### 3.7. Thuê bao kết nối Internet

### CHƯƠNG 4: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN

#### 4.1. Giới thiệu

- 4.1.1. Khởi động
- 4.1.2. Cửa sổ làm việc
- 4.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 4.1.4. Thoát khỏi

#### **4.2. Các thao tác cơ bản**

- 4.2.1. Nhập và điều chỉnh văn bản
- 4.2.2. Thao tác trên một khối văn bản
- 4.2.3. Các thao tác cơ bản với file văn bản

#### **4.3. Định dạng và in ấn văn bản**

- 4.3.1. Định dạng ký tự
- 4.3.2. Định dạng đoạn văn bản
- 4.3.3. Một số định dạng khác
  - 4.3.3.1. Định dạng cột báo
  - 4.3.3.2. Định dạng chữ cái to đầu đoạn
  - 4.3.3.3. Định dạng đường viền
  - 4.3.3.4. Định dạng ký tự đầu dòng
- 4.3.4. Định dạng trang in và in văn bản

#### **4.4. Chèn đối tượng vào văn bản**

- 4.4.1. Chèn ký tự đặc biệt
- 4.4.2. Chèn chữ nghệ thuật
- 4.4.3. Chèn tranh
- 4.4.4. Chèn các hình ảnh đồ họa
- 4.4.5. Chèn công thức toán học
- 4.4.6. Chèn biểu đồ

#### **4.5. Bảng biểu**

- 4.5.1. Tạo bảng mới
- 4.5.2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng
- 4.5.3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng

#### **4.6. Một số xử lý khác**

- 4.6.1. Tìm kiếm và thay thế văn bản
- 4.6.2. Tạo và sử dụng AutoCorrect
- 4.6.3. Chèn số trang
- 4.6.4. Chèn Header and Footer
- 4.6.5. Trộn văn bản

### **CHƯƠNG 5: PHẦN MỀM TRÌNH DIỄN VĂN BẢN**

#### **5.1. Giới thiệu**

- 5.1.1. Khởi động
- 5.1.2. Cửa sổ làm việc
- 5.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 5.1.4. Các kiểu hiển thị một trình chiếu
- 5.1.5. Các hướng dẫn thực hiện từng bước một
- 5.1.6. Các bước tạo một minh họa
- 5.1.7. Thoát khỏi

#### **5.2. Các thao tác với file trình diễn và với Slide**

- 5.2.1. Các khái niệm cơ bản
- 5.2.2. Quy trình soạn thảo trình diễn
- 5.2.3. Các thao tác với file trình diễn

#### **5.3. Các thao tác với slide**

- 5.3.1. Định dạng slide

- 5.3.2. Các thao tác với slide: chèn, sao chép, di chuyển, xóa
  - 5.3.3. Trình bày slide
  - 5.4. Tạo hiệu ứng
    - 5.4.1. Thiết lập template
    - 5.4.2. Thiết lập hiệu ứng cho slide
    - 5.4.3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng
  - 5.5. Trình chiếu slide và in ấn**
    - 5.5.1. Trình chiếu slide
    - 5.5.2. Định dạng trang in và in file trình diễn
- CHƯƠNG 6: PHẦN MỀM XỬ LÝ BẢNG TÍNH**
- 6.1 Giới thiệu**
    - 6.1.1. Khởi động
    - 6.1.2. Cửa sổ làm việc
    - 6.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
    - 6.1.5. Các thao tác với file bảng tính
    - 6.1.6. Một số khái niệm cơ bản
    - 6.1.7. Thoát khỏi
  - 6.2. Các thao tác với bảng tính**
    - 6.2.1. Nhập, sửa dữ liệu
    - 6.2.2. Các thao tác với vùng dữ liệu
  - 6.3. Định dạng bảng tính và in bảng tính**
    - 6.3.1. Định dạng dữ liệu
      - 6.3.1.1. Các kiểu dữ liệu
      - 6.3.1.2. Định dạng các kiểu dữ liệu
      - 6.3.1.3. Căn chỉnh dữ liệu
      - 6.3.1.4. Kẻ khung cho vùng dữ liệu
    - 6.3.2. Định dạng trang in và in bảng tính
  - 6.4. Các hàm thông dụng**
    - 6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm
    - 6.4.2. Một số hàm thông dụng: sum, average, round, %, max, min, rank, and, or, left, right, if, day 360, datevalue, vlookup, hlookup, countif, Dcount, sumif, Dsum, averageif, Daverage,...
  - 6.5. Biểu đồ**
    - 6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ
    - 6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ
  - 6.6. Quản trị dữ liệu bảng tính**
    - 6.6.1. Các khái niệm cơ bản
    - 6.6.2. Sắp xếp dữ liệu
    - 6.6.3. Trích lọc dữ liệu: AutoFilter, Advanced Filter
    - 6.6.4. Tổng hợp dữ liệu: Subtotal
  - 6.7. Tính toán trên nhiều bảng tính**

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### **7. Trang thiết bị:**

Giờ lý thuyết thực hiện tại phòng chức năng có các thiết bị: máy tính, máy chiếu Projector, loa, Micro. Giờ thực hành chia nhóm, mỗi nhóm thực hành không quá 25 người được thực hiện tại phòng máy tính, mỗi người học được sử dụng một máy và mỗi phòng thực hành có tối thiểu 25 máy sẵn sàng hoạt động, có đầy đủ phần mềm cần thiết phục vụ cho nội dung thực hành. Bố trí lịch học đúng theo lịch trình cụ thể.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương, 2010, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB ĐHSP.
2. Bùi Thế Tâm, 2010, *Giáo trình tin học văn phòng*, NXB Giao thông vận tải.

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Phạm Công Anh, *Tin học cơ bản Microsoft Word, Excel, Powerpoint 2010*, NXB Văn hóa thông tin (2012).
2. Bộ khoa học và công nghệ, 2008, *Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm nguồn mở*.

## 10. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn VNH - DL, Khoa KHXH
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm các nội dung sau: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những kiến thức liên quan đến văn hóa Việt Nam trong cuộc sống hàng ngày, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.

- Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.

- Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.

+ Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học

+ Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học, làm việc theo nhóm hiệu quả.

+ Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, vv... ngoài giờ học trên lớp.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: VĂN HOÁ - NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN

##### 1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

1.1.1. Khoa học về văn hoá có nhiều ngành

1.1.2. Văn hoá học ra đời phân ra các ngành: Lịch sử văn hoá, Lý luận văn hoá, Địa lý văn hoá, Cơ sở văn hoá, Văn hoá ứng dụng và phát triển...

1.1.3. Những thuật ngữ thường dùng trong bộ môn văn hoá học

##### 1.2. Văn hoá

1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá

1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá

1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.

1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

##### 1.3. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá

1.3.1. Cấu trúc

1.3.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

##### 1.4 Định vị văn hoá Việt Nam

1.4.1. Không gian văn hoá Việt Nam

1.4.2. Thời gian văn hoá Việt Nam

1.4.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

#### Chương 2: TIẾN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM

##### 2.1. Tiến trình văn hoá Việt Nam

2.1.1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử

- 2.1.2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử
- 2.1.3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
- 2.1.4. Thời kỳ phong kiến toa chủ (Đại Việt)
- 2.1.5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc
- 2.1.6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

## **2.2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?**

### **Chương 3: CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM**

#### **3.1. Các vùng văn hóa Việt Nam**

- 3.1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá
- 3.1.2. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam

#### **3.2. Khái niệm vùng văn hoá**

- 3.2.1. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam
- 3.2.2. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ
- 3.2.3. Vùng văn hoá Việt Bắc

#### **3.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ**

#### **3.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ**

#### **3.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ**

#### **3.6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên**

#### **3.7. Vùng văn hoá Nam bộ**

### **Chương 4: VĂN HOÁ NHẬN THỨC**

#### **4.1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á**

#### **4.2. Triết lí âm dương**

- 4.2.1. Nguyên lý âm dương
- 4.2.1. Sự thâm thấu của triết lý âm dương trong văn hoá Việt Nam

#### **4.3. Tam tài - ngũ hành**

#### **4.4. Lịch âm dương và hệ đếm can chi**

### **Chương 5: VĂN HOÁ TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG**

#### **5.1. Tổ chức nông thôn**

- 5.1.1. Các hình thức tổ chức nông thôn
- 5.1.2. Đặc điểm của làng Việt

#### **5.2. Tổ chức quốc gia**

- 5.2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội
- 5.2.2. Bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam và luật nước
- 5.2.3. Các tầng lớp trong xã hội Việt Nam truyền thống

#### **5.3. Tổ chức đô thị**

- 5.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia
- 5.3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn
- 5.3.3. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống

### **Chương 6: VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO**

#### **6.1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo**

#### **6.2. Tín ngưỡng**

- 6.2.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên
- 6.2.2. Tín ngưỡng thờ thần
- 6.2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lí mẹ của văn hoá Việt Nam
- 6.2.4. Tín ngưỡng phồn thực

#### **6.3. Tôn giáo.**

- 6.3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam
- 6.3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam
- 6.3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam
- 6.3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam



## **6.4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam**

### **Chương 7: VĂN HOÁ ÂM THỰC, VĂN HOÁ MẶC, Ở VÀ ĐI LẠI**

#### **7.1. Văn hoá ẩm thực**

- 7.1.1. Cơ cấu bữa ăn
- 7.1.2. Cách chế biến món ăn
- 7.1.3. Cách ăn
- 7.1.4. Uống, hút

#### **7.2. Văn hoá mặc**

- 7.2.1. Chất liệu may mặc
- 7.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc

#### **7.3. Văn hoá ở và đi lại**

- 7.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam
- 7.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

### **Chương 8: VĂN HOÁ GIÁO TIẾP, NGHỆ THUẬT VÀ PHONG TỤC CỔ TRUYỀN**

#### **8.1. Văn hoá giao tiếp**

- 8.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp
- 8.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp
- 8.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

#### **8.2. Văn hoá nghệ thuật**

- 8.2.1. Nghệ thuật trình diễn
- 8.2.2. Nghệ thuật sân khấu
- 8.2.3. Nghệ thuật tạo hình

#### **8.3. Phong tục**

- 8.3.1. Phong tục hôn nhân
- 8.3.2. Phong tục tang ma.
- 8.3.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

#### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

#### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Cơ sở văn hoá Việt Nam - Trần Ngọc Thêm, Nxb GD tái bản, 2014
2. Cơ sở văn hoá Việt Nam - Trần Quốc Vượng, Nxb GD, tái bản, 2015

##### **9.1 Tài liệu tham khảo**

1. Bản sắc văn hoá Việt Nam – Phan Ngọc, Nxb VHNT, tái bản 2006 .

## 11. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học đất, Khoa NLNN
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Bao gồm kiến thức cơ bản về các khái niệm môi trường & con người; các nguyên lý cơ bản của sinh thái học; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; nguyên nhân, thực trạng và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,...trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các giải pháp để sử dụng bền vững tài nguyên và BVMT; luật và chính sách môi trường của Việt Nam về hoạt động BVMT; các vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn lao động, hoạt động bảo hộ lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những kiến thức về môi trường và con người trong việc bảo vệ môi trường sống, thực hiện đúng các chính sách môi trường của Việt Nam.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu được các khái niệm cơ bản về môi trường và con người; Mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên đất nước; Hiểu được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường; Nắm vững thực trạng môi trường và tài nguyên thiên nhiên Việt Nam; Hiểu và thực hiện Luật và chính sách môi trường của Nhà nước ta.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Tính toán, phân tích được các chỉ tiêu về dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT địa phương.

- Phân tích, đánh giá và phòng chống ô nhiễm môi trường; thực hiện các nguyên tắc đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

- Sử dụng luật và chính sách tài nguyên và môi trường của Việt Nam vào việc bảo vệ tài nguyên và môi trường địa phương.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1. Môi trường và khoa học môi trường

1.1. Khoa học môi trường và con người.

1.1.1. Đối tượng và nhiệm vụ môn học.

1.1.2. Mối quan hệ giữa khoa học môi trường và con người với các khoa học khác.

1.2. Môi trường

1.2.1. Khái niệm môi trường

1.2.2. Môi trường sống của con người

1.2.3. Thành phần của môi trường tự nhiên

1.2.3.1. Khí quyển

1.2.3.2. Thủy quyển

1.2.3.3. Thạch quyển

1.2.3.4. Sinh quyển

1.3. Vai trò của môi trường đối với con người

1.4. Tác động của các yếu tố sinh thái đến con người

1.5. Tác động của con người đến môi trường

- 1.5.1. Gây ô nhiễm môi trường
- 1.5.2. Gây suy giảm đa dạng sinh học
- 1.5.3. Gây suy giảm chất lượng sống

## **Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường**

- 2.1. Nhân tố sinh thái.
- 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.
  - 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật.
  - 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật.
- 2.3. Sự thích nghi của sinh vật.
  - 2.3.1. Thích nghi sinh lý học.
  - 2.3.2. Thích nghi kiểu hình.
  - 2.3.3. Thích nghi kiểu di truyền.
  - 2.3.4. Chọn lọc tự nhiên và thích nghi sinh thái học.
- 2.4. Quần thể và quần xã sinh vật.
  - 2.4.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.
  - 2.4.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.
- 2.5. Hệ sinh thái.
  - 2.5.1. Khái niệm của hệ sinh thái.
  - 2.5.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.
- 2.6. Hệ sinh thái và con người.
  - 2.6.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái.
  - 2.6.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.
  - 2.6.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.

## **Chương 3. Dân số và mối quan hệ dân số, tài nguyên, môi trường**

- 3.1. Quá trình dân số
  - 3.1.1. Quá trình sinh
  - 3.1.2. Quá trình tử vong
- 3.2. Gia tăng cơ học
- 3.3. Kết cấu dân số Việt Nam.
  - 3.3.1. Kết cấu sinh học
  - 3.3.2. Kết cấu theo thành phần dân tộc
  - 3.3.3. Kết cấu dân số về mặt xã hội
- 3.4. Phân bố dân cư
  - 3.4.1. Khái niệm
  - 3.4.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư
  - 3.4.3. Tình hình phân bố dân cư trên thế giới
- 3.5. Nhịp độ tăng dân số
  - 3.5.1. Các thời kì dân số
  - 3.5.2. Tình hình phát triển dân số trên thế giới
- 3.6. Dân số Việt Nam hiện nay
- 3.7. Quan hệ giữa dân số – tài nguyên – môi trường.
  - 3.7.1. Dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội.
  - 3.7.2. Dân số đối với các loại tài nguyên và môi trường.

## **Chương 4. Các nhu cầu và hoạt động thỏa mãn các nhu cầu con người**

- 4.1. Con người Việt Nam
  - 4.1.1. Khí hậu Việt Nam
  - 4.1.2. Đặc điểm sinh lý và sự thích nghi với điều kiện khí hậu nóng ẩm của người Việt Nam
- 4.2. Nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người

- 4.2.1. Nhu cầu về lương thực thực phẩm
- 4.2.2. Nhu cầu về không gian và lãnh thổ
- 4.2.3. Nhu cầu về văn hóa, tín ngưỡng, xã hội, thể thao và du lịch.
- 4.2.4. Các nhu cầu khác của con người
- 4.3. Công nghiệp hóa và đô thị hóa.
- 4.3.1. Nguồn gốc của công nghiệp hóa và đô thị hóa.
- 4.3.2. Đô thị hóa ở thế kỷ XX và hiện nay.
- 4.3.3. Đặc trưng của công nghiệp hóa.
- 4.3.4. Các siêu đô thị hiện nay và vấn đề môi trường.
- 4.3.5. Sự phát triển đô thị, khu công nghiệp ở nước ta.

## **Chương 5. Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên**

- 5.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên,
  - 5.1.1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên.
  - 5.1.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên.
- 5.2. Tính chất của tài nguyên thiên nhiên hữu hạn
  - 5.2.1. Tính khan hiếm của tài nguyên khoáng sản
  - 5.2.2. Khả năng tái tạo của tài nguyên tái tạo
- 5.3. Tài nguyên rừng.
  - 5.3.1. Vai trò của rừng.
  - 5.3.2. Phân loại rừng.
  - 5.3.3. Hiện trạng tài nguyên rừng trên thế giới và ở Việt Nam.
- 5.4. Tài nguyên nước.
  - 5.4.1. Vai trò, đặc điểm tài nguyên nước.
  - 5.4.2. Hiện trạng tài nguyên nước trên thế giới.
  - 5.4.3. Tài nguyên nước ở Việt Nam.
- 5.4. Tài nguyên đất.
  - 5.4.1. Một số khái niệm về tài nguyên đất.
  - 5.4.2. Hiện trạng về tài nguyên đất.
- 5.5. Tài nguyên biển và ven biển.
  - 5.5.1. Tài nguyên biển và ven biển trên thế giới.
  - 5.5.2. Tài nguyên thủy hải sản biển và ven biển ở nước ta.
- 5.6. Tài nguyên đất
  - 5.6.1. Tài nguyên đất trên thế giới
  - 5.6.2. Tài nguyên đất tại Việt Nam
- 5.7. Tài nguyên khoáng sản.
  - 5.7.1. Tầm quan trọng của tài nguyên khoáng sản
  - 5.7.2. Hiện trạng khai thác khoáng sản trên thế giới.
  - 5.7.3. Tài nguyên khoáng sản Việt Nam.
- 5.8. Tài nguyên năng lượng.
  - 5.8.1. Khái niệm chung.
  - 5.8.2. Các nguồn năng lượng đang được sử dụng trên thế giới.
  - 5.8.3. Tài nguyên và hiện trạng phát triển ngành năng lượng ở Việt Nam.

## **Chương 6. Ô nhiễm môi trường**

- 6.1. Ô nhiễm môi trường
  - 6.1.1. Khái niệm
  - 6.1.2. Sự cố môi trường
  - 6.1.3. Khả năng chịu đựng của môi trường
  - 6.1.4. Nguồn gây ô nhiễm môi trường
- 6.2. Ô nhiễm môi trường nước.

- 6.2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường nước.
- 6.2.2. Những nhân tố gây ô nhiễm nước.
- 6.2.3. Phân loại các hình thức ô nhiễm nước.
- 6.2.4. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước.
- 6.3. Ô nhiễm môi trường không khí.
- 6.3.1. Nguyên nhân gây ra ô nhiễm.
- 6.3.2. Nguồn gốc ô nhiễm tự nhiên.
- 6.3.3. Nguồn gốc ô nhiễm nhân tạo.
- 6.3.4. Các tác nhân gây ra ô nhiễm.
- 6.3.5. Hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí.
- 6.4. Ô nhiễm đất.
- 4.1. Khái niệm ô nhiễm đất.
- 4.2. Nguồn gây ô nhiễm môi trường đất.
- 4.3. Các chất gây ô nhiễm chính
- 6.5. Những hình thức ô nhiễm môi trường khác.
- 6.5.1. Ô nhiễm tiếng ồn.
- 6.5.2. Ô nhiễm nhiệt, ô nhiễm phóng xạ và ô nhiễm sóng vô tuyến.

## **Chương 7. Bảo vệ môi trường**

- 7.1. Những vấn đề toàn cầu.
- 7.1.1. Vấn đề dân số.
- 7.1.2. Sự nóng lên của Trái đất và lỗ thủng tầng ozon.
- 7.1.3. Vấn đề lương thực và phát triển nông nghiệp.
- 7.1.4. Vấn đề năng lượng.
- 7.1.5. Vấn đề phát triển công nghiệp.
- 7.1.6. Sức khỏe và định cư.
- 7.1.7. Các đại dương và biển.
- 7.1.8. Bảo vệ sự đa dạng sinh học.
- 7.1.9. Những vấn đề khác.
- 7.2. Hiện trạng tài nguyên, môi trường Việt Nam.
- 7.2.1. Thực trạng môi trường Việt Nam trong những năm gần đây.
- 7.2.2. Những thách thức đối với môi trường trong thời gian tới.
- 7.2.3. Các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản.
- 7.3. Chiến lược phát triển bền vững.
- 7.3.1. Chương trình hành động về bảo vệ môi trường.
- 7.3.2. Sự phát triển bền vững.
- 7.3.3. Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.
- 7.4. Luật và chính sách môi trường Việt Nam.
- 7.4.1. Chính sách về tài nguyên môi trường.
- 7.4.2. Cơ sở thực hiện và nguyên tắc xây dựng Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.
- 7.4.3. Nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.

### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

## **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

## **9. Tài liệu tham khảo chính:**

### **9.1. Giáo trình chính**

1. Lưu Đức Hải, Cơ sở khoa học môi trường, NXB ĐHQG Hà Nội, 2010.
2. Mai Đình Yên (chủ biên), *Môi trường và con người*, NXB Giáo dục Hà Nội, 2010.

### **9.2. Tài liệu tham khảo**

1. Lê Văn Khoa (chủ biên), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010
2. Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên), *Giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục Hà Nội, 2006.
3. Luật bảo vệ môi trường, NXB Chính trị quốc gia, 2005.

## 12. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH-PPGD, Khoa NN

- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần NCKH chuyên ngành tiếng Anh bao gồm các định nghĩa, khái niệm quan trọng trong nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu cơ bản được áp dụng trong nghiên cứu về việc học và dạy ngoại ngữ, các bước thực hiện một công trình nghiên cứu, cách viết đề cương và cách viết báo cáo nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, sau mỗi bài giảng lý thuyết sẽ có phần thực hành giúp người học: Tiếp cận với những bài báo tóm tắt các công trình nghiên cứu khoa học thực tế với các phương pháp nghiên cứu khác nhau được lấy từ các tạp chí TESOL, Linguistics Journals, Applied Linguistics Journals... Dựa vào các phần lý thuyết đã học, người học tập phân tích, đánh giá các bài báo này; Đọc có phân tích những nghiên cứu khoa học và khoá luận tốt nghiệp của sinh viên các khoá học trước; Tập viết đề cương nghiên cứu.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên có thể tiến hành các nghiên cứu trong giáo dục. Ngoài ra, sinh viên phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu.

### 2. Mục tiêu của học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) những khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tiếng Anh; Các phương pháp nghiên cứu cơ bản; Các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học; Các bước xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học; Các nguyên tắc viết báo cáo nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên có thể tiến hành một nghiên cứu khoa học trong việc học và dạy ngoại ngữ.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên có kỹ năng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Introduction

1. Course orientation (Introduction of course syllabus, policies, expectations)
2. Introduction of research
3. Basic process of a research
4. Definitions of key terms

#### Chương 2: Survey Research

1. What is a survey research?
2. Uses of survey research
3. Main steps
4. Types of survey

#### Chương 3: Action Research

1. What is an action research?
2. Steps in an action research cycle
3. Research techniques

#### Chương 4: Case Study

1. What is a case study?
2. Uses of case studies.
3. Types of case study

## **Chương 5:** Experimental Research

1. What is an experimental research?
2. Importance of experimental research
3. Experimental research designs
4. Basic concepts

## **Chương 6:** Practice 1

1. Conducting a research project
2. Preparing a research proposal

## **Chương 7:** Practice 2

1. Structure of a research report
2. Main steps for preparing a thesis

### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

Nguyen Thi Thuy Minh (2005), *Research methodology*, ĐHQG Hà Nội

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

Numan (2013), *Research methods in language learning*, Cambridge



## 13. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 2 (18, 20, 4)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm lý
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Nội dung học phần gồm đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người và sự đa dạng của các hiện tượng tâm lý trong đời sống con người; Những vấn đề về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ, ngôn ngữ của con người; Một số vấn đề cơ bản về bản chất, các thuộc tính tâm lý của nhân cách và con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách và biện pháp khắc phục chúng.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những kiến thức liên quan đến tâm lý người để hình thành nhân cách chuẩn mực, và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống cá nhân, công việc và các mối quan hệ xã hội.

### 2. Mục tiêu học phần

#### 2.1. Về kiến thức:

- Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, phân loại các hiện tượng tâm lý và nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.
- Trình bày được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý; sự nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể.
- Phân tích được khái niệm, các qui luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính. Mô tả được các quá trình cơ bản của trí nhớ và hoạt động ngôn ngữ của con người.
- Phân tích được bản chất nhân cách, các thuộc tính tâm lý của nhân cách như xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực và chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách. Các sai lệch hành vi về mặt tâm lý và cách khắc phục.

#### 2.2. Về kỹ năng:

- Phân tích, khái quát, đánh giá các vấn đề nghiên cứu.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động thực tiễn và trong quan hệ ứng xử.
- Vận dụng kiến thức để giải các bài tập, giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân và khả năng tự học, tự nghiên cứu.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào công tác nghề nghiệp sau này.

#### 2.3. Về thái độ:

- Thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, đặc biệt là trong quan hệ ứng xử.
- Có quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý người.
- Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

### 3. Nội dung học phần

#### CHƯƠNG 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC.

##### 1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.

###### 1.1. Tâm lý là gì ?

###### 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.

###### 1.2.1. Đối tượng của TLH.

###### 1.2.2. Nhiệm vụ của TLH.

##### 2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý

- 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC
- 2.2. Chức năng của tâm lý.
- 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý.
- 3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý.
  - 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận của việc nghiên cứu tâm lý.
    - 3.1.1. Nguyên tắc quyết định luận DVBC.
    - 3.1.2. Nguyên tắc thống nhất tâm lý, ý thức, nhân cách và hoạt động.
    - 3.1.3. Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và trong mối liên hệ giữa chúng với các loại hiện tượng khác.
    - 3.1.4. Nghiên cứu tâm lý của một con người, một nhóm người cụ thể.
  - 3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý.
    - 3.2.1. Phương pháp quan sát.
    - 3.2.2. Phương pháp thực nghiệm.
    - 3.2.3. Phương pháp test (trắc nghiệm).
    - 3.2.4. Phương pháp đàm thoại (phỏng vấn)
    - 3.2.5. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.
    - 3.2.6. Phương pháp phân tích sản phẩm của hoạt động.

## **CHƯƠNG 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC**

- 1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người.
  - 1.1. Di truyền và tâm lý.
  - 1.2. Não và tâm lý.
- 2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.
  - 2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý.
  - 2.2. Hoạt động và tâm lý.
    - 2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hoạt động.
    - 2.2.2. Cấu trúc của hoạt động.
    - 2.2.3. Vai trò của hoạt động đối với hình thành, PT tâm lý.
  - 2.3. Giao tiếp và tâm lý.
    - 2.3.1. Khái niệm giao tiếp.
    - 2.3.2. Các loại giao tiếp.
    - 2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành tâm lý.
- 3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể.
  - 3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể.
    - 3.1.1. Quan điểm TLHDVBC về sự phát triển tâm lý.
    - 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý.
  - 3.2. Sự hình thành, phát triển ý thức.
    - 3.2.1. Khái niệm, cấu trúc của ý thức.
      - 3.2.1.1. ý thức là gì?
      - 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức.
    - 3.2.2. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân.
    - 3.2.3. Các cấp độ của ý thức.
      - 3.2.3.1. Cấp độ chưa ý thức.
      - 3.2.3.2. Cấp độ ý thức.
  - 3.3. ý thức và chú ý.
    - 3.3.1. khái niệm chú ý.
    - 3.3.2. Các thuộc tính của chú ý.
    - 3.3.3. Các loại chú ý.

## **CHƯƠNG 3: NHẬN THỨC.**

- 1. Nhận thức cảm tính.

- 1.1. Khái niệm cảm giác, tri giác.
  - 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác.
  - 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác.
  - 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính.
- 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác.
2. Nhận thức lý tính.
  - 2.1. Tư duy.
    - 2.1.1. Khái niệm tư duy.
      - 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy.
      - 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy.
    - 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy.
    - 2.1.3. Các thao tác của tư duy.
  - 2.2. Tưởng tượng.
    - 2.2.1. Khái niệm tưởng tượng.
      - 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng.
      - 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng.
    - 2.2.2. Cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.
3. Trí nhớ.
  - 3.1. Khái niệm trí nhớ.
    - 3.1.1. Định nghĩa.
    - 3.1.2. Đặc điểm trí nhớ.
  - 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ
    - 3.2.1. Quá trình ghi nhớ.
    - 3.2.2. Quá trình giữ gìn.
    - 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại.
    - 3.2.4. Sự quên và cách chống quên.
  - 3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ.
4. Ngôn ngữ và nhận thức.
  - 4.1. Khái niệm ngôn ngữ.
  - 4.2. Chức năng của ngôn ngữ.
  - 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ.
  - 4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức.

## **CHƯƠNG 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH**

1. Khái niệm nhân cách.
  - 1.1. Định nghĩa.
  - 1.2. Đặc điểm của nhân cách.
2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách.
  - 2.1. Xu hướng.
    - 2.1.1. Khái niệm xu hướng.
    - 2.1.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng.
  - 2.2. Năng lực.
    - 2.2.1. Năng lực là gì?
    - 2.2.2. Các mức độ năng lực.
    - 2.2.3. Phân loại năng lực.
    - 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.
    - 2.2.5. Sự hình thành, phát triển năng lực.
  - 2.3. Tính cách.
    - 2.3.1. Tính cách là gì?
    - 2.3.2. Cấu trúc của tính cách.

- 2.3.3. Sự hình thành phát triển tính cách.
- 2.4. Khí chất.
- 2.4.1. Khí chất là gì?
- 2.4.2. Các kiểu khí chất.
- 2.4.3. Vấn đề giáo dục khí chất .
- 2.5. Tình cảm, ý chí.
- 2.5.1. Tình cảm.
- 2.5.1.1. Khái niệm tình cảm .
- 2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm.
- 2.5.1.3. Mối quan hệ giữa xúc cảm- tình cảm.
- 2.5.1.4. Vai trò của tình cảm.
- 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm.
- 2.5.2. Ý chí.
- 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí.
- 2.5.2.2. Hành động ý chí.
- 2.5.2.3. Hành động tự động hóa.
3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.
- 3.1. Hoạt động và nhân cách.
- 3.2. Giao tiếp và nhân cách.
- 3.3. Giáo dục và nhân cách.
- 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách.
4. Những sai lệch hành vi trong sự phát triển nhân cách.
- 4.1. Hành vi và các chuẩn mực hành vi.
- 4.2. Phân loại các sai lệch hành vi và cách khắc phục.
- 4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- 5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
- 6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.
- 7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
- 8. Phương pháp đánh giá môn học**
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
  - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
  - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.
- Thang điểm: 10**
- 9. Tài liệu tham khảo chính:**
- 9.1. Học liệu bắt buộc**
1. Nguyễn Quang Uẩn. *Giáo trình Tâm lý học đại cương*. NXB ĐHSP 2004.
  2. Nguyễn Xuân Thức. *Giáo trình Tâm lý học đại cương*. NXB Đại học sư phạm 2006.
- 9.2. Học liệu tham khảo:**
1. Bùi Văn Huệ: *Giáo trình Tâm lý học*. NXB Đại học Quốc gia 2000.
  2. Trần Trọng Thủy. *Tâm lý học*. NXB Giáo dục. 2005.
  3. Nguyễn Quang Uẩn Nguyễn Quang Uẩn. Nguyễn Quang Uẩn *Tâm lý học đại cương*. NXB Giáo dục 2012.

## GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

- Số tín chỉ: 2 (0, 40, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LL & PPGD - GDTC, khoa GDTC, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần* : Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bài tập thể dục tay không 9 động tác; chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân.

*Năng lực đạt được*: Sinh viên hiểu rõ kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, lịch sử phát triển, lợi ích, tác dụng, các điều luật cơ bản các môn: Điền kinh và thể dục. Trong đó thực hiện đúng kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân và bài thể dục tay không 9 động tác.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.
- Sinh viên hiểu được về nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- Sinh viên nắm vững các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.
- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.
- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng Có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn: Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa, bóng chuyền, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo ở các giải phong trào.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Lý thuyết cơ bản về các môn thể thao

1. Giáo dục thể chất trong các trường đại học.

#### Chương 2: Bài tập thể dục tay không phát triển chung 9 động tác

1. Bài tập thể dục tay không phát triển chung 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy)

2. Ôn tập và kiểm tra

#### Chương 3: Chạy cự ly ngắn

1. Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn chạy ngắn.
2. Học các động tác bổ trợ.
3. Học kỹ thuật giai đoạn chạy giữa quãng.
4. Ôn kỹ thuật giai đoạn chạy giữa quãng.
5. Học kỹ thuật giai đoạn xuất phát và chạy lao sau xuất phát.
6. Học kỹ thuật giai đoạn về đích.
7. Hoàn thiện kỹ thuật.
8. Ôn tập và kiểm tra

#### Chương 4: Nhảy xa kiểu ưỡn thân

1. Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn nhảy xa.
  2. Học kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy.
  3. Ôn kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy.
  4. Học kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy.
  5. Ôn kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy.
  6. Học kỹ thuật giai đoạn trên không và tiếp cát.
  7. Hoàn thiện kỹ thuật.
  8. Ôn tập và kiểm tra nhảy xa.
- 4. Yêu cầu của môn học:** Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

**5. Phương pháp giảng dạy:**

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thor (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*. Nxb TĐTT, Hà Nội
2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
3. Nguyễn Đại Dương (2006), *Giáo trình Điền Kinh*, Nxb TĐTT.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), *Chạy cự ly ngắn*, Nxb Giáo dục.
5. Trường Đại học TĐTT TWI (2000), *Giáo trình Điền kinh*, Nxb TĐTT.
6. Ủy ban TĐTT (2003), *Luật Điền Kinh*, Nxb TĐTT.

## **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (Học phần tự chọn)**

### **a. BÓNG CHUYỀN**

- Số tín chỉ: 2 (0,0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Điền kinh- Thể dục, Khoa GDTC- Khu liên hợp thể thao- CS chính- Trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

#### **1. Mô tả học phần:**

*Nội dung học phần:* Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt)

*Năng lực đạt được:* Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

#### **2. Mục tiêu của học phần:**

##### **2.1. Mục tiêu về kiến thức:**

Sinh viên hiểu biết các kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt

##### **2.2. Mục tiêu về kỹ năng:**

Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật môn học: Tur thể chuẩn bị và di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt (đệm bóng) và phát bóng thấp tay và cao tay trước mặt.

##### **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

#### **3. Nội dung chi tiết học phần**

##### **Chương 1: Tur thể chuẩn bị, di chuyển**

###### **1.1. Tur thể chuẩn bị**

- 1.1.1. Tur thể chuẩn bị thấp
- 1.1.2. Tur thể chuẩn trung bình
- 1.1.3. Tur thể chuẩn cao

###### **1.2. Di chuyển**

- 1.2.1. Đi (bước): Bước thường, bước lướt, bước nhảy, bước chéo, bước xoay
- 1.2.2. Nhảy
- 1.2.3. Lăn và ngã

##### **Chương 2 : Kỹ thuật chuyền bóng**

Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng)

##### **Chương 3: Kỹ thuật phát bóng**

- 3.1. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ)
- 3.2. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam)

**4. Yêu cầu của môn học:** Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

#### **5. Phương pháp giảng dạy:**

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.
- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

2. Ủy ban TDTT (2003), *Luật bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Quang, *Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền (2001)*, NXB TDTT, Hà Nội.

2. Ủy ban TDTT (1998), *Bóng chuyền bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội.



## **b. THỂ DỤC AEROBIC**

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Điện kinh - Thể dục, Khoa GDTC, Trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

### **1. Mô tả học phần:**

- *Nội dung học phần:* Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.

### **2. Mục tiêu của học phần:**

#### **2.1. Mục tiêu về kiến thức:**

Sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về thể dục aerobic

#### **2.2. Mục tiêu về kỹ năng:**

Có khả năng thực hiện bài thể dục aerobic

- Có kỹ năng quan sát, ghi nhớ và tính nhịp điệu.

- Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic.

#### **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### **3. Nội dung chi tiết học phần**

1. Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp.
2. Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp(tiếp)
3. Học mới tổ hợp I ( động tác 1 đến động tác 4 )
4. Ôn tập và kiểm tra.
5. Học mới tổ hợp II ( động tác 5 đến động tác 8)
6. Ôn tổ hợp II, học mới tổ hợp III ( động tác 9 đến động tác 14)
7. Ôn tổ hợp III, học mới tổ hợp IV ( động tác 15 đến động tác 18)
8. Ôn tổ hợp IV, học mới tổ hợp V ( động tác 18 đến động tác 22)
9. Ôn tổ hợp V, học mới tổ hợp VI ( động tác 23 đến động tác 28)
10. Ôn tổ hợp VI, học mới tổ hợp VII ( động tác 29 đến động tác 36)
11. Hoàn thiện bài
12. Ôn tập và kiểm tra

**4. Yêu cầu của môn học:** Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

### **5. Phương pháp giảng dạy:**

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

- [1]. Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic*, NXB TĐTT
- [2]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB TĐTT
- [3]. Nguyễn Xuân Sinh (1999), *Thể dục dụng cụ*, NXB TĐTT

## c. BÓNG ĐÁ

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bóng, khoa GDTC, Trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần* : Lịch sử hình thành và phát triển môn Bóng đá; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng đá, các bài tập thể lực chung, thể lực chuyên môn bóng đá; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng đá, lợi ích, phương pháp tổ chức tập luyện Bóng đá.

*Năng lực đạt được*: Sau khi học xong sinh viên có khả năng tự thực hành đúng kỹ thuật các động tác bóng đá, tham gia thi đấu các giải phong trào, giải sinh viên nhà trường và ngoài trường và tự tổ chức giải bóng đá.

### 2. Mục tiêu của học phần.

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Giúp sinh viên hiểu và biết được Lịch sử phát triển, tính năng tác dụng của bóng đá. Luật Bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng đá phong trào.

Thực hành tốt các kỹ thuật động tác đá bóng, hình thành một số kỹ năng – kỹ xảo cơ bản, nắm được phương pháp tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Thực hành đúng kỹ thuật các động tác đá bóng, tham gia thi đấu các giải phong trào, giải sinh viên nhà trường và ngoài trường.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

3.1. Lịch sử phát triển, tính năng tác dụng của bóng đá. Luật bóng đá, sân thi đấu, dụng cụ.

3.2. Một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng.

3.3. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.

3.4. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.

3.5. Kỹ thuật đá bóng bằng chính diện.

3.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân.

3.7. Kỹ thuật ném biên, đánh đầu.

3.8. Một số bài tập chiến thuật:

3.8.1. Bài tập chiến thuật tấn công phối hợp nhóm.

3.8.2. Bài tập chiến thuật nhóm theo khu vực.

3.8.3. Bài tập chiến thuật phòng thủ nhóm.

3.8.4. Bài tập chiến thuật phòng thủ khu vực.

3.9. Thi đấu và trọng tài bóng đá.

4. **Yêu cầu của môn học**: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. PGS.TS. Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

2. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người.*

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Phạm Quang, 2004, *Giáo trình Bóng đá*, Nxb ĐHSP, Hà Nội

2. Nguyệt Thiết Tình, 1998, *Huấn luyện Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội

3. TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiết Tình và cộng sự, 2000, *Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C*, Nxb TDTT, Hà Nội.

4. TS. Phạm Quang, 1999, *Lịch sử và các kỹ thuật Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội.

5. Đĩa (VCD) MILO, 2004, *Một số bài tập Bóng đá* (Thư viện ĐH Hồng Đức).

6. Nguyễn Kim Minh, 2004, *Giáo trình Bóng đá*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

## **d. BÓNG RỔ**

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn bóng, khoa GDTC, Trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

### **1. Mô tả học phần:**

*Nội dung học phần:* Học phần Bóng rổ bao gồm. Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyên bóng 2 tay và 1 tay, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tinh giây, phương pháp giảng dạy)

*Năng lực đạt được:* Sau khi học xong sinh viên có khả năng tự thực hành đúng kỹ thuật các động tác bóng rổ, tham gia thi đấu các giải phong trào, giải sinh viên trong trường và ngoài trường.

Trong lĩnh vực chuyên môn: sinh viên có khả năng tự thực hành đúng tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyên bóng 2 tay và 1 tay, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tinh giây. Giáo dục phát triển đầy đủ các tố chất thể lực (SN, SM, SB, Phối hợp vận động) nâng cao thể lực chuyên môn.

### **2. Mục tiêu của học phần:**

#### **2.1. Mục tiêu về kiến thức:**

- Sinh viên hiểu và vận dụng biết các kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng rổ, giúp sinh viên hiểu và biết được Luật Bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng rổ phong trào, thực hành tốt các kỹ thuật động tác của bóng rổ, hình thành một số kỹ năng

- Kỹ xảo cơ bản, nắm được phương pháp tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu.

#### **2.2. Mục tiêu về kỹ năng:**

- Có kỹ năng thực hành tốt và thuần thục các kỹ thuật môn học, thực hành đúng kỹ thuật các động tác bóng rổ, tham gia thi đấu các giải phong trào, giải sinh viên nhà trường và ngoài trường.

#### **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### **3. Nội dung chi tiết học phần:**

#### **PHẦN THỰC HÀNH**

#### **Chương 1: Kỹ thuật di chuyển không bóng**

- 1.1. Tư thế phòng thủ cơ bản.
- 1.2. Kỹ thuật chạy nghiêng đường thẳng, đường vòng.
- 1.3. Kỹ thuật chạy biến hướng.
- 1.4. Kỹ thuật trượt ngang, tiến và lùi.
- 1.5. Kỹ thuật quay trước, quay sau.
- 1.6. Kỹ thuật nhảy dừng và hai bước dừng.

#### **Chương 2: Kỹ thuật dẫn bóng**

- 2.1. Kỹ thuật tại chỗ dẫn bóng (dẫn bóng thấp, dẫn bóng cao, dẫn bóng đổi tay, dẫn bóng quay đổi tay).
- 2.2. Kỹ thuật di chuyển dẫn bóng (dẫn bóng đường thẳng, đường vòng, dẫn bóng quay đổi tay, dẫn bóng biến hướng).
- 2.3. Kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người bằng bước thuận, bước nghịch.

#### **Chương 3: Kỹ thuật tại chỗ chuyên bắt bóng**

- 3.1. Kỹ thuật tại chỗ chuyên bắt bóng 2 tay trước ngực.

- 3.2. Kỹ thuật tại chỗ chuyển bắt bóng 2 tay trên đầu.
- 3.3. Kỹ thuật tại chỗ chuyển bóng 1 tay trên vai.
- 3.4. Kỹ thuật tại chỗ chuyển bóng 1 tay bên mình.
- 3.5. Kỹ thuật chuyển bóng 1 tay qua đầu.

#### **Chương 4: Bài tập phối hợp**

- 4.1. Bài tập 2 hàng chuyển bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 4.2. Bài tập 3 hàng chuyển bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 4.3. Bài tập 2 người di chuyển chuyển bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 4.4. Bài tập 3 người di chuyển chuyển bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 4.5. Bài tập 2 đánh 1 (2:1); 3 đánh 2 (3:2).
- 4.6. Bài tập di chuyển tốc độ cao bắt bóng ném rỏ (một người chuyển một người di chuyển bắt bóng ném rỏ).
- 4.7. Bài tập chuyển bóng di chuyển nhận bóng thực hiện hai bước ném rỏ 1 tay dưới thấp.

#### **Chương 5: Kỹ thuật ném rỏ**

- 5.1. Kỹ thuật tại chỗ ném rỏ 1 tay trên cao.
- 5.2. Kỹ thuật dẫn bóng hai bước ném rỏ một tay trên cao
- 5.3. Kỹ thuật dẫn bóng hai bước ném rỏ 1 tay dưới thấp.
- 5.4. Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rỏ 1 tay trên cao.

#### **Chương 6: Các bài tập phát triển thể lực chung**

- 6.1. Chạy con thoi.
- 6.2. Bật qua chụp cao 50cm.
- 6.3. Bài tập ném bóng bật bảng.
- 6.4. Bật cóc.

#### **Chương 7: Chiến thuật**

- 7.1. Chiến thuật tấn công nhanh.
- 7.2. Chiến thuật phòng thủ khu vực.

#### **Chương 8: Đấu tập phương pháp trọng tài giới thiệu điều luật**

##### **PHẦN LÝ THUYẾT**

#### **Chương 1: Lịch sử phát triển, đặc điểm tác dụng môn bóng rỏ.**

#### **Chương 2: Phân tích một số kỹ thuật cơ bản trong bóng rỏ, phương pháp giảng dạy tập luyện một số kỹ thuật cơ bản.**

#### **Chương 3; Phân tích chiến thuật tấn công nhanh, chiến thuật phòng thủ khu vực. Các vị trí và chức năng của từng vị trí trong thi đấu bóng rỏ.**

#### **Chương 4: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.**

- 4.1. Giới thiệu dụng cụ sân bãi và một số điều luật cơ bản.

**4. Yêu cầu của môn học:** Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

#### **5. Phương pháp giảng dạy:**

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo. Giáo trình bóng rổ. NXB TDTT – Hà Nội 2002.
2. Nguyễn Tùng. Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TDTT năm 2003.
3. Luật bóng rổ. Ủy ban thể dục thể thao năm 2015.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

4. Đinh Can (1976), Kỹ chiến thuật bóng rổ, NXB TDTT, Hà Nội.
5. Đinh Can (2004) Bóng rổ trong trường học, NXB TDTT, Hà Nội
6. Đinh Can (2006) Hệ thống các bài tập kỹ chiến thuật bóng rổ, NXB TDTT, Hà Nội.

## e. VOVINAM – VIỆT VÕ ĐẠO

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LL & PPGD - GDTC, khoa GDTC, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.

### 2. Mục tiêu của môn học:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu.

- Sinh viên nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo. Luật thi đấu.

- Thực hiện được cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo.

- Thực hiện được kỹ thuật cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo.

- Rèn luyện thể lực cho người học.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, các phương pháp thi đấu và bài long hổ quyền .

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### CHƯƠNG 1: LÝ THUYẾT MÔN VOVINAM – VIỆT VÕ ĐẠO

1.1. Nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)

1.2. Nguyên lý nhu cương phát triển

1.3. Hệ thống võ thuật, võ đài, đai đẳng bản môn

1.4. Giảng huấn và liên hệ về tôn chỉ, mục đích võ học (10 điều tâm niệm)

#### CHƯƠNG 2: HƯỚNG DẪN LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN VÀ THỰC HÀNH KỸ THUẬT ĐỘNG TÁC

##### 2.1. Phần căn bản

2.1.1. Trung bình tấn

2.1.2. Chảo mã tấn

2.1.3. Đỉnh tấn

2.1.4. Hạc tấn

##### 2.2. Đòn tay

2.2.1. Đấm thẳng

2.2.2. Đấm ngang

2.2.3. Đấm móc

2.2.4. Chém cạnh tay

##### 2.3. Đòn chân

2.3.1. Đá thẳng

2.3.2. Đá vòng cầu



2.3.3. Đá cạnh chân

## **2.4. Quyền pháp (Long hồ quyền)**

2.4.1. Bài Long hồ quyền ( Từ động tác 1 – 10)

2.4.2. Bài Long hồ quyền ( Từ động tác 11 – 20)

2.4.3. Bài Long hồ quyền ( Từ động tác 21 – 33)

2.4.4. Hoàn thiện kỹ thuật bài long hồ quyền.

## **2.5. Các bài tập thể lực**

2.5.1. Nằm sấp chống đẩy

2.5.2. Nhảy dây, ke bụng...

**4. Yêu cầu của môn học:** Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

## **5. Phương pháp giảng dạy:**

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## **8. Phương pháp đánh giá môn học**

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

**Thang điểm: 10**

## **9. Tài liệu tham khảo chính:**

### **9.1. Giáo trình chính:**

[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự “*Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT, 2008.

[2]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự “*Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 2, NXB TĐTT, 2011.

[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

### **9.2. Học liệu tham khảo**

[4]. Võ sư Trương Quang An “*Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo (song ngữ)*”, NXB KIEV, 1998

[5]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Nhu khí công quyền 2 - Vovinam*, NXB TĐTT.

[6]. Nguyễn Chánh Tứ (2013), *Vovinam và dưỡng sinh*, NXB TĐTT

# GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

## a. ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG

- Số học trình: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Trung tâm GDQP – AN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Thấy được tính tất yếu khách quan và những quan điểm của Đảng ta về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; bước đầu tìm hiểu về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta, nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Rèn luyện tác phong quân sự, ý thức tổ chức kỷ luật, khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm của sinh viên.

- Tăng cường kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong học tập nghiên cứu của sinh viên đối với các vấn đề chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nắm vững đường lối quân sự của Đảng, nâng cao trách nhiệm công dân đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điệu sai trái phản động, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Xác định thái độ, nhận thức đúng đắn của sinh viên nói riêng, thế hệ trẻ nói chung với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.

### 3. Nội dung chi tiết môn học

## NỘI DUNG 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH.

#### 1. Đối tượng nghiên cứu.

1. 1. Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng.
1. 2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh.
1. 3. Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

#### 2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

2. 1. Cơ sở phương pháp luận.
2. 2. Các phương pháp nghiên cứu.

### **3. Giới thiệu về Môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh.**

3. 1. Đặc điểm môn học.
3. 2. Chương trình.
3. 3. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất thiết bị dạy học.
3. 4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập.

## **NỘI DUNG 2: QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC.**

### **1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.**

1. 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh.
1. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.

### **2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.**

2. 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quân đội.
2. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.

### **3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN**

3. 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN.
3. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN.

## **NỘI DUNG 3: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN**

### **1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.**

1. 1. Vị trí.
1. 2. Đặc trưng.

### **2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

2. 1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
2. 2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.
2. 3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh.
2. 4. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

### **3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay**

3. 1. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh.
3. 2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
3. 3. Nâng cao ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

## **NỘI DUNG 4: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

### **1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc**

1. 1. Khái niệm.
1. 2. Mục đích, đối tượng của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
1. 3. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

### **2. Những quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc**

### **3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc**

3. 1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân.
3. 2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân.
3. 3. Phối hợp chặt chẽ giữa chống quân địch tiến công từ bên ngoài với bạo loạn lật đổ từ bên trong.

## **NỘI DUNG 5: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM**

## **1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới**

1. 1. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
1. 2. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

## **2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới.**

2. 1. Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.
2. 2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên.
2. 3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

## **III. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.**

### **NỘI DUNG 6: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH**

#### **1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở Việt Nam**

1. 1. Cơ sở lý luận.
1. 2. Thực tiễn kết hợp kinh tế với củng cố quốc phòng ở Việt Nam.

#### **2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh**

2. 1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.
2. 2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ.
2. 3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong các ngành, các lĩnh vực chủ yếu.
2. 4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.
2. 5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại.

#### **3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh hiện nay**

3. 1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước.
3. 2. Bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm kết hợp cho đội ngũ cán bộ các cấp các ngành.
3. 3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.
3. 4. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách .
3. 5. Củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp.

### **NỘI DUNG 7. NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM**

#### **1. Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta**

1. 1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử.
1. 2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc.
1. 3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược.
1. 4. Nội dung nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.

#### **2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.**

2. 1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.
2. 2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

#### **3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.**

3. 1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công.
3. 2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc.
3. 3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp.

3. 4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung lực lượng ưu thế cần thiết để đánh địch.

3. 5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu.

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Đánh giá chuyên cần: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và bài tập nhóm: Trọng số 10%.

- Kiểm tra học trình : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục, 2010.

**9.2. Giáo trình tham khảo**

1. *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12*, Nxb. Chính trị quốc gia.

2. *Nghị quyết TW8 Khóa IX, Nghị quyết TW 8 Khóa XI về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*.

3. *Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh và quân đội*, Nxb Quân đội nhân dân, 2002.

4. *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, 1997.

5. *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, 2003.

6. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục, 2014.

## **b. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH**

- Số học trình: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Trung tâm GDQP – AN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần:**

*Nội dung học phần:* Phòng chống "diễn biến hòa bình"; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

### **2. Mục tiêu học phần:**

#### **2.1. Mục tiêu về kiến thức:**

- Hiểu và nắm chắc những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch tiến hành chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam và cách phòng chống.

- Nắm được những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao và phòng chống địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao; những hiểu biết chung về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, động viên công nghiệp quốc phòng; phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo của Tổ quốc.

#### **2.2. Mục tiêu về kỹ năng:**

- Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Nâng cao khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, tăng cường kỹ năng cho sinh viên trong thu thập, xử lý thông tin trước, trong và sau mỗi bài học.

- Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự.

#### **2.3. Mục tiêu về thái độ:**

- Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên trong phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Quán triệt sâu sắc và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh.

### **3. Nội dung chi tiết của học phần**

#### **NỘI DUNG 1: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM.**

##### **1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá CNXH.**

1. 1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, của các thế lực thù địch chống phá CNXH.

1. 2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá CNXH.

##### **2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.**

2. 1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam.

2. 2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

### **3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm chỉ đạo và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta.**

3. 1. Mục tiêu, nhiệm vụ.

3. 2. Quan điểm chỉ đạo và phương châm tiến hành

### **4. Những giải pháp phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay.**

## **NỘI DUNG 2: PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIẾN CÔNG HOẢ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO**

### **1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh**

1. 1. Khái niệm

1. 2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao

1. 3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

### **2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao**

2. 1. Biện pháp thụ động

2. 2. Biện pháp chủ động

## **NỘI DUNG 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

### **1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ**

1. 1. Khái niệm, vị trí, vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

1. 2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

1. 3. Biện pháp xây dựng dân quân tự vệ hiện nay

### **2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên**

2. 1. Khái niệm, vị trí công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

2. 2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2. 3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2. 4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

### **3. Động viên công nghiệp quốc phòng**

3. 1. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng

3. 2. Nội dung động viên công nghiệp quốc phòng

3. 3. Những biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng

## **NỘI DUNG 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA.**

### **1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia**

1. 1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

1. 2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

### **2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia**

2. 1. Biên giới quốc gia

2. 2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

### **3. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia**

3. 1. Quan điểm

3. 2. Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

## **NỘI DUNG 5: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

### **1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc**

1. 1. Một số vấn đề chung về dân tộc
1. 2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay
- 2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo**
  2. 1. Một số vấn đề chung về tôn giáo
  2. 2. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN
  2. 3. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay
- 3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam**
  3. 1. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt nam của các thế lực thù địch.
  3. 2. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.
  3. 3. Giải pháp đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.

## **NỘI DUNG 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI**

- 1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội**
  1. 1. Các khái niệm cơ bản
  1. 2. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
- 2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội**
  2. 1. Một số nét chính về tình hình an ninh quốc gia
  2. 2. Tình hình về trật tự, an toàn xã hội
- 3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới.**
  3. 1. Tình hình quốc tế và khu vực Đông Nam Á.
  3. 2. Tình hình trong nước.
- 4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội**
  4. 1. Nguyên tắc đánh giá về đối tác và đối tượng
  4. 2. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.
- 5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội**
  5. 1. Những quan điểm cơ bản.
  5. 2. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

## **NỘI DUNG 7: XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC**

- 1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc**
  1. 1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc
  1. 2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- 2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên.**
  2. 1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
  2. 2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc



2.3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc

## **NỘI DUNG 8: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI**

### **1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm**

1. 1. Khái niệm về tội phạm và phòng chống tội phạm.
1. 2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
1. 3. Chủ thể và những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
1. 4. Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm
1. 5. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

### **2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội**

2. 1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
2. 2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
2. 3. Các loại tệ nạn xã hội phổ biến và phương pháp phòng chống
2. 4. Trách nhiệm của nhà trường và sinh viên trong phòng chống tệ nạn xã hội

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Đánh giá chuyên cần: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và bài tập nhóm: Trọng số 10%.
- Kiểm tra học trình : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục, 2010.
2. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục, 2012.

#### **9.2. Giáo trình tham khảo:**

1. *Các văn bản hiện hành về Giáo dục quốc phòng cho học sinh – sinh viên*, Nxb Quân đội nhân dân, 2005.
2. *Diễn biến hòa bình và Đấu tranh chống “Diễn biến hòa bình”*, Nxb Quân đội nhân dân, 2005.
3. *Biển, đại dương và chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Vụ Giáo dục Quốc phòng - 2012.
4. *Dấu ấn Việt Nam trên biển Đông*, Nxb Thông tin và truyền thông, 2012.
5. *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12*, Nxb Chính trị quốc gia.
6. *Luật dân quân tự vệ*. Nxb Chính trị quốc gia, 2010.
7. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục, 2014.

## **c. QUÂN SỰ CHUNG VÀ CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK (CKC)**

- Số học trình: 5 (33,0, 45)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Trung tâm GDQP – AN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần:**

- *Nội dung học phần:* Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tùng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

### **2. Mục tiêu học phần:**

#### **2.1. Mục tiêu về kiến thức:**

Hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP - AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

Nắm chắc tác dụng, tính năng, cấu tạo một số loại vũ khí bộ binh.

Hiểu biết về một số loại thuốc nổ, bản đồ địa hình quân sự, vũ khí hủy diệt lớn làm cơ sở để vận dụng, sử dụng thuốc nổ, sử dụng bản đồ địa hình quân sự trong thực tế chiến đấu cũng như phòng chống có hiệu quả vũ khí hủy diệt lớn khi địch sử dụng.

Hiểu được ý nghĩa của cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh, nắm được kỹ thuật cơ bản về băng bó, cấp cứu, chuyển thương để giảm thiểu tới mức thấp nhất thiệt hại về con người trong chiến đấu.

Nắm chắc tác dụng, tính năng, cấu tạo của súng tiểu liên AK và biết cách ngắm bắn. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

Hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

#### **2.2. Mục tiêu về kỹ năng**

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.

Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

Biết thực hành băng bó, chuyển thương và xử lý một số vết thương thông thường trong chiến đấu, biết vận dụng một cách linh hoạt trong học tập, công tác khi có tai nạn xảy ra.

Rèn luyện thành thực tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch phòng ngự cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

Góp phần phát triển kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

#### **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQP - AN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh.

Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

#### **4. Nội dung chi tiết môn học.**

##### **Chương 1: Đội ngũ đơn vị**

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Đội hình tiểu đội.
  - 2.1. Đội hình tiểu đội hàng ngang.
  - 2.2. Đội hình tiểu đội hàng dọc.
3. Đội hình trung đội.
  - 3.1. Đội hình trung đội hàng ngang.
  - 3.2. Đội hình trung đội hàng dọc.
4. Đổi hướng đội hình.
  - 4.1. Đổi hướng khi đang đứng tại chỗ.
  - 4.2. Đổi hướng khi đang đi.
5. Luyện tập toàn bài.

##### **Chương 2: Sử dụng bản đồ quân sự**

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Khái niệm, ý nghĩa.
  - 2.1. Khái niệm.
  - 2.2. Ý nghĩa.
3. Cơ sở toán học bản đồ địa hình.
  - 3.1. Tỷ lệ bản đồ.
  - 3.2. Phép chiếu bản đồ.
4. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình.
  - 4.1. Phân loại.
  - 4.2. Đặc điểm.
  - 4.3. Công dụng.
5. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ.
  - 5.1. Theo phương pháp chiếu Gauss.
  - 5.2. Theo phương pháp chiếu UTM.
6. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ.
  - 6.1. Chắp ghép bản đồ.
  - 6.2. Dán, gấp bản đồ.
  - 6.3. Giữ gìn, bảo quản bản đồ.
7. Đo cự li, diện tích trên bản đồ.
  - 7.1. Đo cự li đoạn thẳng.
  - 7.2. Đo cự li đoạn cong, đoạn gấp khúc.
  - 7.3. Đo diện tích theo bản đồ.
8. Xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu.
  - 8.1. Toạ độ sơ lược.
  - 8.2. Toạ độ ô 4, ô 9.
  - 8.3. Toạ độ chính xác.

9. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa.
- 9.1. Định hướng bản đồ.
- 9.2. Xác định điểm đứng trên bản đồ.
10. Đối chiếu bản đồ với thực địa.
- 10.1. Phương pháp ước lượng cự li.
- 10.2. Phương pháp giao hội.
11. Luyện tập.

### **Chương 3: Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh.**

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Súng tiểu liên AK.
  - 2.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
  - 2.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
  - 2.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.
  - 2.4. Tháo và lắp súng thông thường.
  - 2.2. Chuyển động các bộ phận của súng.
3. Súng trường CKC.
  - 3.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
  - 3.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
  - 3.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.
  - 3.4. Tháo và lắp súng thông thường.
  - 3.5. Chuyển động các bộ phận của súng.
4. Súng trung liên RPD.
  - 4.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
  - 4.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
  - 4.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.
  - 4.4. Tháo và lắp súng thông thường.
  - 4.5. Chuyển động các bộ phận của súng.
5. Súng diệt tăng B40.
  - 5.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
  - 5.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
  - 5.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.
  - 5.4. Tháo và lắp súng thông thường.
  - 5.5. Chuyển động các bộ phận khi bắn.
6. Súng diệt tăng B41.
  - 6.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.
  - 6.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.
  - 6.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.
  - 6.4. Tháo và lắp súng thông thường.
  - 6.5. Chuyển động các bộ phận của súng và đạn.
7. Luyện tập

### **Chương 4: Thuốc nổ**

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Thuốc nổ và các phương tiện gây nổ.
  - 2.1. Khái niệm, tác dụng, yêu cầu khi sử dụng thuốc nổ.
  - 2.2. Một số loại thuốc nổ thường dùng.
  - 2.3. Phương tiện gây nổ.
  - 2.4. Quy tắc kiểm tra, giữ gìn, vận chuyển.
3. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu.
4. Ứng dụng thuốc nổ trong sản xuất.

## Chương 5: Phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Vũ khí hạt nhân.
  - 2.1. Khái niệm.
  - 2.2. Phân loại và phương tiện sử dụng.
    - 2.2.1. Phân loại.
    - 2.2.2. Phương tiện sử dụng.
  - 2.3. Phương thức nổ của vũ khí hạt nhân.
    - 2.3.1. Nổ vũ trụ.
    - 2.3.2. Nổ trên cao.
    - 2.3.3. Nổ trên không.
    - 2.3.4. Nổ mặt đất, mặt nước.
    - 2.3.5. Nổ dưới đất, dưới nước.
  - 2.4. Các nhân tố sát thương phá hoại và cách phòng chống.
    - 2.4.1. Sóng xung kích.
    - 2.4.2. Bức xạ quang.
    - 2.4.3. Bức xạ xuyên.
    - 2.4.4. Chất phóng xạ.
    - 2.4.5. Hiệu ứng điện từ.
3. Vũ khí hoá học.
  - 3.1. Khái niệm.
  - 3.2. Phân loại chất độc.
    - 3.2.1. Phân loại theo thời gian gây tác hại.
    - 3.2.2. Phân loại theo bệnh lý.
    - 3.2.3. Phân loại theo độ độc.
  - 3.3. Đặc điểm tác hại cơ bản của vũ khí hoá học.
    - 3.3.1. Sát thương sinh lực chủ yếu bằng tính độc.
    - 3.3.2. Phạm vi gây tác hại rộng.
    - 3.3.3. Thời gian gây tác hại kéo dài.
  - 3.4. Một số loại chất độc chủ yếu và cách phòng chống.
    - 3.4.1. Chất độc thần kinh Vx.
    - 3.4.2. Chất độc loét da Yperit (kí hiệu H, HD).
    - 3.4.3. Chất độc kích thích CS.
    - 3.4.4. Chất độc tâm thần BZ.
    - 3.4.5. Chất dầu độc.
    - 3.4.6. Chất độc diệt cây.
4. Vũ khí sinh học.
  - 4.1. Khái niệm.
  - 4.2. Một số bệnh do vũ khí sinh học gây ra và cách phòng chống.
    - 4.2.1. Bệnh dịch hạch.
    - 4.2.2. Bệnh dịch tả.
    - 4.2.3. Bệnh đậu mùa.
    - 4.2.4. Bệnh sốt phát ban chảy rận.
    - 4.2.5. Bệnh thương hàn.
    - 4.2.6. Bệnh than.
    - 4.2.7. Bệnh cúm.
  - 4.3. Phòng chống vũ khí sinh học.
    - 4.3.1. Vệ sinh phòng dịch thường xuyên.
    - 4.3.2. Đề phòng khi địch sử dụng vũ khí sinh học.

- 4.3.3. Biện pháp khắc phục hậu quả.
- 5. Vũ khí lửa.
- 5.1. Khái niệm.
- 5.2. Phân loại chất cháy.
- 5.2.1. Phân loại chất cháy theo trạng thái tồn tại.
- 5.2.2. Phân loại theo nguồn gốc của chất cháy.
- 5.3. Một số loại chất cháy chủ yếu.
- 5.3.1. Chất cháy Napan.
- 5.3.2. Chất cháy Tecmit (TH).
- 5.3.3. Chất cháy Etylen oxit.
- 5.3.4. Chất cháy photpho trắng.
- 5.3.5. Chất cháy Pyrogen.
- 5.4 Tác hại của chất cháy.
- 5.4.1. Đối với người.
- 5.4.2. Đối với vũ khí, trang bị kỹ thuật.
- 5.4.3. Đối với công sự trận địa, công trình kiến trúc.
- 5.5. Phương pháp chung phòng chống vũ khí lửa.
- 5.5.1. Biện pháp đề phòng.
- 5.5.2. Dập cháy.
- 5.5.3. Cấp cứu người bị bỏng.
- 6. Ôn luyện

#### **Chương 6: Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.**

- 1. Mục đích, yêu cầu.
- 2. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó, chuyển thương.
- 2.1. Nguyên tắc băng.
- 2.2. Các kiểu băng cơ bản.
- 2.2.1. Băng vòng xoắn.
- 2.2.2. Băng số 8.
- 2.3. Thực hành băng vết thương ở một số vị trí trên thân thể.
- 2.3.1. Băng vai, băng nách theo kiểu số 8.
- 2.3.2. Băng ngực.
- 2.3.3. Băng bụng.
- 2.3.4. Băng bẹn, băng hông theo kiểu số 8.
- 2.3.5. Băng đầu gối, gót chân, khuỷu tay.
- 2.3.6. Băng bàn chân, bàn tay theo kiểu số 8.
- 2.3.7. Băng trán theo kiểu vành khăn.
- 2.3.8. Băng đầu theo kiểu quai mũ.
- 2.4. Chuyển thương.
- 2.4.1. Mang thương binh bằng tay.
- 2.4.2. Mang thương binh bằng dây đai.
- 2.4.3. Khiêng thương binh bằng cáng, bằng võng.
- 3. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.
- 3.1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh.
- 3.1.1. Vũ khí lạnh.
- 3.1.2. Vũ khí nổ thông thường.
- 3.1.3. Vũ khí hạt nhân.
- 3.1.4. Vũ khí hoá học.
- 3.1.5. Vũ khí sinh học.
- 3.2. Cấp cứu ban đầu vết thương do vũ khí nổ (vũ khí thông thường).

- 3.2.1. Khái niệm về vết thương kín, vết thương hở.
- 3.2.2. Vết thương phần mềm.
- 3.2.3. Vết thương mạch máu.
- 3.2.4. Vết thương gãy xương.
- 3.2.5. Bỏng.
- 3.2.6. Tổn thương do vùi lấp.
- 3.2.7. Vết thương bụng, vết thương ngực.
- 3.2.8. Vết thương sọ não, vết thương cột sống.
- 3.2.9 Vết thương hàm - mặt, mắt.
4. Tổ chức luyện tập các kiểu băng vết thương.

### **Chương 7: Ba môn quân sự phối hợp.**

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Điều lệ.
3. Quy tắc thi đấu.
4. Luyện tập.
- 4.1. Chạy vũ trang.
- 4.2. Bắn súng quân dụng.
- 4.3. Ném lựu đạn xa đúng hướng.

### **Chương 8: Từng người trong chiến đấu tiến công.**

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật.
3. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ.
4. Thực hành chiến đấu.
- 4.1. Vận động đến gần địch.
- 4.2. Cách đánh từng loại mục tiêu.
- 4.2.1. Đánh địch trong ụ súng, lô cốt.
- 4.2.2. Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào.
- 4.2.3. Đánh địch trong căn nhà.
- 4.2.4. Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép của địch.
- 4.2.5. Đánh tên, tốp địch ngoài công sự.
5. Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu.
6. Luyện tập toàn bài

### **Chương 9: Từng người trong chiến đấu phòng ngự.**

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Đặc điểm tiến công của địch.
3. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật.
4. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ.
5. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu.
- 5.1. Khi địch chuẩn bị tiến công.
- 5.2. Khi địch tiến công.
- 5.3. Sau mỗi lần đánh bại địch tiến công.
6. Luyện tập toàn bài

### **Chương 10: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK**

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Ngắm bắn.
- 2.1. Khái niệm ngắm bắn.
- 2.2. Thứ tự thực hành ngắm.
- 2.3. Ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn.
3. Ngắm chụm và trúng.

- 3.1. Ý nghĩa ngắm chụm và trúng.
- 3.2. Tập ngắm chụm.
- 3.3. Ngắm chụm và trúng.
4. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiêu liên AK.

4.1. Động tác nằm bắn.

4.2. Động tác bắn.

4.3. Động tác thôi bắn.

5. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK.

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Đánh giá chuyên cần: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và bài tập nhóm: Trọng số 10%.

- Kiểm tra học trình : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục, 2010.

#### **9.2. Giáo trình tham khảo**

1. *Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12*, Nxb. Chính trị quốc gia.

2. *Nghị quyết TW8 Khóa IX, Nghị quyết TW 8 Khóa XI về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*.

3. *Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh và quân đội*, Nxb Quân đội nhân dân, 2002.

4. *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, 1997.

5. *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, 2003.

6. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục, 2014.



## 14. PHẦN NGỮ PHÁP

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp Tiếng Anh như: từ loại tiếng Anh, từ, cụm từ, mệnh đề và câu, các từ loại như: động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, đại từ, giới từ, câu, mệnh đề và chấm câu... Mỗi bài học sẽ gồm phần lý thuyết và bài tập thực hành trong sách và do giảng viên biên soạn lại.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp cơ bản như: động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, đại từ, giới từ, câu, mệnh đề và chấm câu...

### 2. Mục tiêu của học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh theo xu hướng ngữ pháp truyền thống (traditional grammar).

Sinh viên vận dụng được các kiến thức ngữ pháp trong việc nói, viết tiếng Anh đúng ngữ pháp.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên luyện tập kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực hành. Đồng thời, sinh viên rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng thuyết trình vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm và phát triển tư duy phản biện bằng tiếng Anh.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### Chương 1: An introduction to English Grammar, Questions, answers, negatives

1. An Introduction to English grammar

2. Questions, answers, negatives

2.1. Yes/No questions, negative statements, Yes/No answers

2.2. Alternative negative forms and negative questions

2.3. Tag questions and echo tags

2.4. Additions and responses

2.5. Question-word questions

#### Chương 2: Phrases, Clauses, Sentences

1. Phrases

1.1. Definition

1.2. Kinds of phrases

2. Clauses

2.1. Definition

2.2. Clause elements

2.3. Classification

3. Sentences

3.1. Definition

3.2. Sentence elements

3.3. Classification

#### Chương 3: Articles, Auxiliary verbs and Nouns

1. Articles
  - 1.1. The indefinite Article “A/An”
  - 1.2. The definite article “The”
  - 1.3. The zero article
2. Auxiliary verbs
  - 2.1. Auxiliary verbs
  - 2.2. Question tags
  - 2.3. Auxiliaries: mixed
  - 2.4. The have+ object+ past participle construction
3. Nouns
  - 3.1. One-word nouns
  - 3.2. Compound nouns
  - 3.3. Countable and uncountable nouns
  - 3.4. Number (singular and plural)
  - 3.5. Gender
  - 3.6. The genitive

#### **Chương 4: The sentence**

1. Sentence word order
2. The simple sentence: verbs with and without objects
3. The simple sentence: direct and indirect objects
- 4 The compound sentence
5. The complex sentence: noun clauses
6. The complex sentence: relative pronouns and clauses
7. The complex sentence: ‘whose’; defining/non-defining clauses
8. The complex sentence: time, place, manner
9. The complex sentence: reason and contrast
10. The complex sentence: purpose, result and comparison
11. The complex sentence: present participle constructions
12. The complex sentence: perfect/past participle constructions

#### **Chương 5: Pronouns and Quantity**

1. Pronouns
  - 1.1. Personal pronouns
  - 1.2. ‘One’
  - 1.3. ‘It’ and ‘one/some/any/none’
  - 1.4. Possessive adjectives and possessive pronouns
  - 1.5. Reflexive pronouns (‘myself’)
  - 1.6. Demonstrative adjectives/pronouns (‘this’); ‘some/any/no’ compounds (‘someone’)
2. Quantity
  - 2.1. Quantifiers + countable and uncountable nouns
  - 2.2. General and specific references to quantity
  - 2.3. Uses of ‘some’, ‘any’, ‘no’ and ‘none’
  - 2.4. ‘Much’, ‘many’, ‘a lot of’, ‘(a) few’, ‘(a) little’, ‘fewer’, ‘less’
  - 2.5. ‘Both’ and ‘all’
  - 2.6. ‘All (the)’, ‘(the) whole’, ‘each’ and ‘every’
  - 2.7. ‘Another’, ‘(the) other(s)’, ‘either’, ‘neither’, ‘each (one of)’

#### **Chương 6: Adjectives and Adverbs**

1. Adjectives
  - 1.1. Formation of adjectives

- 1.2. Position of adjectives
- 1.3. Adjectives that behave like nouns; ‘-ed/-ing’ endings
- 1.4. Adjectives after ‘be’, ‘seem’, etc.; word order of adjectives
- 1.5. The comparison of adjectives
2. Adverbs
  - 2.1. Adverbs of manner
  - 2.2. Adverbs of time
  - 2.3. Adverbial phrases of duration
  - 2.4. Adverbs of frequency
  - 2.5. Adverbs of degree
  - 2.6. Intensifiers
  - 2.7. Focus adverbs
  - 2.8. Viewpoint adverbs, connecting adverbs and inversion

## **Chương 7: Prepositions, adverb particles and phrasal verbs**

### **The infinitive and the ‘-ing’ form**

1. Prepositions, adverb particles and phrasal verbs
  - 1.1. Prepositions, adverb particles and conjunctions
  - 1.2. Prepositions of movement and position; prepositions of time
  - 1.3. Particular prepositions, particles: contrasts (1)
  - 1.4. Particular prepositions, particles: contrasts (2)
  - 1.5. Particular prepositions, particles: contrasts (3)
  - 1.6. Phrasal verbs: Type 1, verb + preposition (transitive)
  - 1.8. Phrasal verbs: Type 2, verb + particle (transitive)
  - 1.9. Phrasal verbs: Type 3, verb + particle (intransitive)
  - 1.10. Verb + particle + preposition (transitive)
2. The infinitive and the ‘-ing’ form
  - 2.1. The bare infinitive and the ‘to infinitive’
  - 2.2. The bare infinitive or the ‘-ing’ form; the ‘to infinitive’
  - 2.3. Verb (+ noun/pronoun) + to infinitive
  - 2.4. Adjectives and nouns + to infinitive
  - 2.5. The ‘-ing’ form
  - 2.6. Verb + the ‘-ing’ form
  - 2.7. Adjectives, nouns and prepositions + ‘-ing’
  - 2.8. The ‘to infinitive’ or the ‘-ing’ form?

## **Chương 8: Verbs, verb tenses, imperatives**

### **Be, Have, Do**

1. Verbs, verb tenses, imperatives
  - 1.1. The simple present and present progressive tenses (1)
  - 1.2. The simple present and present progressive tenses (2)
  - 1.3. The simple past tense
  - 1.4. The simple past and past progressive tenses
  - 1.5. The simple present perfect and present perfect progressive
  - 1.6. The simple past perfect and past perfect progressive tenses
  - 1.7. The simple future tense
  - 1.8. The simple future, the future progressive, the future perfect
  - 1.9. ‘Going to’ and other ways of expressing the future
  - 1.10. The imperative
2. Be, Have, Do
  - 2.1. ‘Be’ as a full verb (1)

- 2.2. 'Be' as a full verb (2)
- 2.3. 'There' + 'be'
- 2.4. Verbs related in meaning to 'be'
- 2.5. 'Have' as a full verb = 'possess'; 'have got' = 'possess'
- 2.6. 'Have' as a full verb meaning 'eat', 'enjoy', etc.
- 2.7. 'Do' as a full verb

## **Chương 9: The passive and the causative**

### **Conditional sentences**

- 1. The passive and the causative
  - 1.1. General information about form
  - 1.2. Uses of the passive
  - 1.3. Form and use of the causative
- 2. Conditional sentences
  - 2.1 Type 1 conditionals
  - 2.2. Type 2 conditionals
  - 2.3. Type 3 conditionals
  - 2.4. Mixed conditionals; 'unless/if ... not', etc.

## **Chương 10: Direct and indirect speech**

### **Co-ordination and Apposition**

- 1. Direct and indirect speech
  - 1.1. 'Say', 'tell' and 'ask'
  - 1.2. Indirect statements with tense changes
  - 1.3. Indirect questions with tense changes
  - 1.4. Uses of the to-infinitive in indirect speech
  - 1.5. When we use indirect speech
- 2. Co-ordination and Apposition
  - 2.1. What is co-ordination?
  - 2.2. Syndetic and asyndetic co-ordination
  - 2.3. Co-ordinators and correlatives
  - 2.4. Phrasal and clausal co-ordination
- 3. Ellipsis
  - 3.1. Ellipsis in co-ordinated clauses
  - 3.2. Semantic effect of ellipsis:
- 4. Apposition
  - 4.1. What is apposition?
  - 4.2. Indicators of apposition
  - 4.3. Restrictive and non-restrictive apposition
  - 4.4. Realisation of apposition

## **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

## **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

## **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Lectures on Grammar (2017), Hồng Đức University
2. Thompson, A., Martinetz, A (2012). *A Practical English Grammar*, Oxford University Press

##### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. L.G Alexander (2012), *Longman English Grammar Practice*, Longman Limited
2. A University Grammar of English (2012), Longman; Abridged edition

## 15. NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính .vv

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên phân biệt được các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm; vận dụng những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, tự hoàn thiện khả năng phát âm của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm – Âm vị học.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần, SV có kiến thức về vấn đề liên quan đến ngữ âm, âm vị học, nắm được các khái niệm và các phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngữ âm, âm vị học Tiếng Anh.

- SV nắm được cách phát âm các âm tiếng Anh về mặt lý thuyết và thực hành. Bên cạnh đó, các em có thể thực hiện được một số công trình nghiên cứu quy mô vừa phải về các vấn đề liên quan đến ngữ âm, âm vị học như bộ phận cấu âm, chùm nguyên âm, nguyên âm, phụ âm, ...

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học có kỹ năng phát âm chuẩn các âm, các từ đơn lẻ, các câu đơn lẻ và cả đoạn văn trong tiếng Anh, nắm được cấu tạo âm và phân biệt các âm, chùm âm với nhau. Ngoài ra, sinh viên còn có thể đọc có ngữ điệu một cách tự nhiên một câu, một đoạn văn hay nói, phân biệt đúng ngữ điệu của các câu có chức năng khác nhau.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Course Introduction

- 1.1. Definition and background
  - 1.1.1. Definition of Phonetics
  - 1.1.2. Definitions of Phonology
- 1.2. Articulators
  - 1.2.1. Articulators above the larynx
  - 1.2.2. Articulators beneath the larynx.

#### Chương 2: Vowels and Consonants

- 2.1. Vowels Vs Consonants
  - 2.1.1. Definition of Vowels
  - 2.1.2. Definition of Consonants
- 2.2. Types of Vowels
  - 2.2.1. Long vowels
  - 2.2.2. Short vowels
- 2.3. Types of consonants
  - 2.3.1. Voiced consonants

### 2.3.2. Voiceless consonants

## **Chương 3: Monothongs**

### 3.1. Monothongs in pairs

#### 3.1.1. /a:/ and /a/

#### 3.1.2. /u:/ and /ʊ/

#### 3.1.3. /ɔ:/ and /o/

#### 3.1.4. /i:/ and /ɪ/

#### 3.1.5. /ɜ:/ and /ə/

### 3.2. Monothongs in isolation

#### 3.2.1. /æ/

#### 3.2.2. /ʌ/

## **Chương 4: Diphthongs**

### 4.1. Definition of diphthongs

### 4.2. Types of Diphthongs

#### 4.2.1. Centring diphthongs

#### 4.2.2. Closing diphthongs

##### 4.2.2.1. Diphthongs ending in ʊ

##### 4.2.2.2. Diphthongs ending in / ʊ/

## **Chương 5: Triphthongs**

### 5.1. Definition of Triphthongs

### 5.2. Types of Triphthongs

#### 5.2.1. Triphthongs based on diphthongs ending in /ʊ/

#### 5.2.2. Triphthongs based on diphthongs ending in /i/

## **Chương 6: Consonants**

### 6.1. Consonant Classification criteria

### 6.2. Fortis and lenis consonants

### 6.3. Consonants types

#### 6.3.1. Bilabial-plosive: /p/ and /b/

#### 6.3.2. Labiodental-fricative: /f/ and /v/

#### 6.3.3. Dental-fricative: /θ/ and /ð/

#### 6.3.4. Alveolar-fricative: /t/ and /d/

#### 6.3.5. Alveolar-fricative: /s/ and /z/

#### 6.3.6. Postalveolar-fricative: /ʃ/ and /ʒ/

#### 6.3.7. Velar-plosive: /k/ and /g/

#### 6.3.8. Nasal: /m/, /n/ and /ŋ/

#### 6.3.9. Affricative: /tʃ/ and /dʒ/

## **Chương 7: Stress**

### 7.1. Definition of stress

### 7.2. Types of stress

#### 7.2.1. Words stress

##### 7.2.1.1. Simple word stress

##### 7.2.1.2. Complex word stress

##### 7.2.1.3. Compound word stress

#### 7.2.2. Sentence Stress

- 7.2.2.1. Sentences with all the words stressed
- 7.2.2.2. Unstressed words
- 7.2.2.3. Pronouncing and contractions
- 7.2.2.4. Pronouncing the verb “be”
- 7.2.2.5. Pronouncing the short words (a, of, or)
- 7.2.2.6. Joining words

## **Chương 8: Intonation and tone**

- 8.1. Intonation
  - 8.1.1. Definition of intonation
  - 8.1.2. Functions of intonation
  - 8.1.3. Types of intonation
    - 8.1.3.1. Fall-rise
    - 8.1.3.2. Rise-fall
- 8.2. Tone
  - 8.2.1. Definition of tone
  - 8.2.2. Tone unit
  - 8.2.3. Structure of tone unit

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

### **Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Roach, P (2009) *English Phonetics and Phonology*. Cambridge: CUP
2. Handcock, M (2003), *English Pronunciation in Use*. Cambridge: CUP

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Jenkins, J (2000) *Phonology of English as an International Language*. Oxford: OUP
2. Baker, A (2000) *Sheep or Ship*. Cambridge: CUP
3. Khoa Anh Việt. *Pronunciation Course*. Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội.



## 16. NGỮ PHÁP NÂNG CAO

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH-PPGD, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần Ngữ pháp nâng cao bao gồm các bài học theo các nội dung: Lịch sử nghiên cứu ngữ pháp, các trường phái ngữ pháp trên thế giới, các đơn vị ngữ pháp như hình vị, từ, cụm từ, mệnh đề và câu, các chức năng cú pháp, các từ loại như: động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, liên từ, giới từ, câu và mệnh đề và chấm câu. Mỗi bài học gồm phần lý thuyết và bài tập thực hành nhằm cung cấp đầy đủ kiến thức nền và rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp như lịch sử nghiên cứu, trường phái, đơn vị ngữ pháp, chức năng cú pháp, từ loại.

### 2. Mục tiêu đạt được

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các các vấn đề về ngữ pháp tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên thực hiện được các bài tập ngữ pháp thực hành.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên có khả năng thuyết trình về một vấn đề về ngữ pháp tiếng Anh. Hơn nữa, sinh viên phát huy được năng lực làm việc nhóm, tìm kiếm và tiếp cận các nguồn thông tin.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

**Chương 1:** - A history of grammatical study

- Some ways of thinking about grammar

1. The origin and the process of development of grammar in the world.
2. Prescriptive versus Descriptive grammar
3. Is anything possible?
4. Other senses for grammar: A Global Sense versus a Narrow Sense for ‘Grammar’

**Chương 2:** Grammar development

1. Traditional grammar
2. Immediate constituent grammar
3. Phrase structures and Transformational grammar.
4. Functional grammar
5. Speech – act theory

**Chương 3:** Grammatical units

1. Morphemes and words
2. Phrases
3. Clauses and sentences

**Chương 4:** Syntactic functions

1. The subject and Predicate

2. The object

3. The complement

**Chương 5:** Syntactic functions

Verbs in the English language

1. Syntactic functions

1.1. The Attributive

1.2. The Adverbial

2. Verbs in the English language

2.1. Definition and Categories.

2.2. Verb forms

**Chương 6:** Verbs in the English language

1. Modal verbs

2. Mood

3. The use of the traditional tenses

4. Direct versus Indirect speech

5. Conditional sentences

6. Passive voice

**Chương 7:** Nouns in the English language

1. Definition and Classification

2. Formation

3. Gender

4. Number

5. Case

6. Noun functions

**Chương 8:** Adjectives in the English language

1. Definition and Classification

2. Formation

2.1. The comparative adjective in sentence pattern.uperlative Degree

2.2. Adjective functions

**Chương 9:** Adverbs in the English language

1. Definition and Classification

2. Formation

3. The comparison of adverbs.

4. Inversion after the adverb.

**Chương 10:** Pronouns in the English language; Articles in the English language

1. Pronouns in the English language

1.1. Definition and Classification

1.2. Formation

2. Articles in the English language

2.1. Definition

2.2. Classification

**Chương 11:** Numerals in the English language; Conjunctions in the English language

1. Numerals in the English language

1.1. Definition

1.2. Classification

2. Conjunctions in the English language

2.1. Definition

2.2. Clasification

**Chương 12:** Prepositions in the English language; Mid- term test

## 1. Prepositions in the English language

### 1.1. Definition

### 1.2. Classification

## 2. Mid- term test

## **Chương 13:** Sentences in the English language

### 1. Definition

### 2. Classification

## **Chương 14:** Classification of subordinate clauses

### 1. Their syntactic function

### 2. Their similarity with the parts of speech

## **Chương 15:** Inversion and Emphasis; Marks of punctuation

### 1. Inversion and Emphasis

#### 1.1. Inversion

#### 1.2. Emphasis

### 2. Marks of punctuation

#### 2.1. Definition

#### 2.2. Classification

## **Chương 16:** Revision

## **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

## **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

## **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

### **Thang điểm: 10**

## **9. Tài liệu tham khảo chính:**

### **9.1. Giáo trình chính:**

- Randolph Quirk. (2014). *A University Grammar of the English*. NXB Longman.

- R.A Close (2014). *A reference grammar for students of English*. Longman.

- Lectures on Grammar. (2017). Hồng Đức University

### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Ron Cowan (2008). *The Teacher's Grammar of English*. CUP.

2. Rodney Huddleston & Geoffrey K. Pullum (2006). *A Student's Introduction to English Grammar*. CUP.

3. Richard Hudson (2014). *English Grammar*. Routledge. London.

4. John Eastwood, (2010) *Oxford Guide to English Grammar*. Oxford University Press.

## 17. LÝ THUYẾT DỊCH

- Số tín chỉ: 2 (28,14, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, Khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 4. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm các nội dung về nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực dịch thuật, phân loại các hình thức biên – phiên dịch, các phương pháp và kỹ thuật dịch, sự khác biệt giữa dịch thuật Anh - Việt và Việt – Anh, phương pháp đánh giá chất lượng bản dịch.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng các khái niệm, nguyên lý, kỹ thuật dịch trong việc thực hiện dịch một văn bản Việt – Anh hoặc Anh – Việt và đánh giá bản dịch.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học nắm vững khái niệm biên phiên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên phiên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm, yếu tố văn hoá trong văn bản, các phương pháp biên phiên dịch.

Người học nắm vững các hình thức biên dịch từng từ, biên dịch theo nghĩa đen, biên dịch sát, biên dịch ý, biên dịch chuyển đổi, biên dịch tự do, biên dịch nghĩa bóng, biên dịch giao tiếp. Hình thức phiên dịch đoạn ngôn bản, phiên dịch đuôi, phiên dịch song hành, phiên dịch tóm tắt.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có các kỹ năng biên dịch dưới nhiều dạng như: dịch từ, cụm từ, dịch các câu có cấu trúc đặc biệt, có kỹ năng sắp xếp ý tưởng trong một câu khi dịch, kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng ghi tốc ký, kỹ năng chuyển dịch, kỹ năng tái tạo ngôn bản, có kỹ năng đánh giá bản dịch.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Translation and Translation Theory

##### 1.1. Definition of Translation

##### 1.2. Scope of Translation Theory, The relationship between Translation and Linguistic Theory - History of Translation

##### 1.3. The translation process and the role of translators

#### Chương 2: Grammatical skewing

##### 2.1. Definition of skewing

##### 2.2. Multiple senses of lexical items and grammatical skewing

##### 2.3. Grammatical hierarchy and its comparison with semantic hierarchy

##### 2.4. Illustrations of grammatical skewing

#### Chương 3: Translation Shifts

##### 3.1. Definition of translation shifts

##### 3.2. Types of translation shifts:

###### 3.2.1. Level shifts

###### 3.2.2. Category shifts

## **Chương 4: Translation Types**

- 4.1. Translation types according to components of language for which translation equivalents are sought
- 4.2. Translation types according to the translation evaluation
- 4.3. Classification of Translation According to Translation Methods:
  - 4.3.1. Semantic translation + Free translation
  - 4.3.2. Communicative translation
  - 4.3.3. Idiomatic translation
  - 4.3.4. Normal & restricted translation
  - 4.3.5. Grammatical and lexical translation
  - 4.3.6. Phonological translation
  - 4.3.7. Normal – partial phonological translation

## **Chương 5: Translation equivalence and translation loss**

- 5.1. Translation equivalence
- 5.2. Functional equivalence
- 5.3. Bridging the differences across languages
- 5.4. Translation procedures

## **Chương 6: Translation and culture**

- 6.1. Definition of “culture” in translation
- 6.2. Features of culture - Language and culture
- 6.3. Culture translation categories
- 6.4. Cultural transposition
- 6.5. Translating names
- 6.6. Cultural borrowings
- 6.7. Communicative translation
- 6.8. Cultural transplantation

## **Chương 7: Translation Evaluation**

- 7.1. Introduction:
  - 7.1.1. Yan Fu’s triple principle of translation
  - 7.1.2. M. L. Larson’s criteria in translation evaluation
- 7.2. Testing as part of the translation procedure
- 7.3. Accuracy Prerequisite
- 7.4. Transposition/translation shift
- 7.5. Clarity requirement
- 7.6. Naturalness necessity
- 7.7. The conflict between accuracy, clarity and naturalness

## **Chương 8: Translation Evaluation**

- 8.1. Who does the testing?
- 8.2. How is the testing done?
- 8.3. Back-translation
- 8.4. The pros and cons of back-translation
- 8.5. Comprehension tests
- 8.6. Naturalness tests
- 8.7. The test of equivalent effects.
- 8.8. Readability tests
- 8.9. How are the testing results used?
- 8.10. The pyramid of testing

## **Chương 9: Evaluating a translation document**

- 8.1. Using translation theory to evaluate a translation document

- 8.2. Evaluating a translation document
- 8.3. Using translation theory to evaluate a translation document

### **Chương 10: Interpretation**

- 10.1. Interpretation versus translation
- 10.2. Types and modes of interpretation
- 10.3. Factors involved in the interpretation process
- 10.4. Some tactics in simultaneous interpretation
- 10.5. Training of interpreters
- 10.6. The interpretation profession
- 10.7. The future

### **Chương 11: Interpreter**

- 11.1. Skills an interpreter needs
  - 11.1.1. Listening skill
  - 11.1.2. Memorizing skill
  - 11.1.3. Jotting skill
  - 11.1.4. Translation shifts
  - 11.1.5. Skill of reproducing texts
- 11.2. Interpreter's difficulties and solution
  - 11.2.1. Interpreter's psychology
  - 11.2.2. Passive transitions between languages
  - 11.2.3 Cultural differences
  - 11.2.4. Terminologies
  - 11.2.5. Background knowledge
- 11.3. Qualities an interpreter needs

### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

### **Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Học liệu bắt buộc**

- 1. *Tập tài liệu sử dụng nội bộ* do giảng viên biên soạn. Trường Đại học Hồng Đức
- 2. Newmark, P.(2012).*A textbook of translation*.Prentice Hall International (UK) Ltd.

#### **9.2. Học liệu tham khảo**

- 1. Trương Quang Phú (2012).*Giáo khoa căn bản môn dịch Anh – Việt & Việt – Anh*.NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

2. Nguyễn Đức Châu (2012). *Phương pháp mới phiên dịch, Biên dịch Việt – Anh, Anh – Việt (cuốn 1)*. NXB trẻ.
3. Wills, W (2012). *The science of translation: problems and methods*. Tübingen: Gunter Narr Verlag.

## 18. BIÊN DỊCH 1

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, Khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần gồm các cách dịch thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, kết cấu và cách dịch nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, đặc điểm và cách dịch các từ viết tắt trong tiếng Anh thương mại, những từ ngữ thông báo trong thương mại, hợp đồng, các giao dịch kinh doanh, thương mại.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên có thể dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, dịch nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng, các giao dịch kinh doanh, thương mại.

### 5. Mục tiêu học phần

**2.1. Kiến thức:** Sinh viên nắm vững phong cách dịch, cấu trúc, từ vựng sử dụng trong thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng tiếng Anh, các giao dịch kinh doanh, thương mại.

**2.2. Kỹ năng:** Sinh viên có thể dịch tín thương mại, telex, fax và e-mail, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng, các giao dịch kinh doanh, thương mại.

**2.3. Thái độ:** Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Translating business letters.

1.1. Structure of a business letters

1.2. Letters parts

1.3. Letter layout

1.4. Useful phrases and specimen letters

1.5. Practice translating business letters.

Chương 2: Business goodwill letters

2.1. Structure of letters of congratulations

2.2. Structure of letters of thanks

2.3. Structure of letters of sympathy

2.4. Useful phrases and specimen letters.

2.5. Practice translating goodwill letters.

Chương 3: Enquiries and replies

3.1. Structure of enquiries and replies

3.2. Useful phrases and specimen enquiries and replies

3.3. Practice translating enquiries and replies

Chương 4: Quotations and offers

4.1. Structure of quotations and offers

4.2. Useful phrases and specimen quotations and offers

4.3. Practice translating quotations and offers

Chương 5: Orders and acknowledgment

5.1. Structure of orders and acknowledgment

5.2. Useful phrases and specimen orders and acknowledgment

- 5.3. Practice translating orders and acknowledgment
- Chương 6: Complaints and adjustments
- 6.1. Structure of complaints and adjustments
- 6.2. Useful phrases and specimen complaints and adjustments
- 6.3. Practice translating complaints and adjustments
- Chương 7: Telex, fax và e-mail.
- 7.1. Structure of telex, fax, email
- 7.2. Useful phrases and specimen telex, fax, email.
- 7.3. Practice translating goodwill letters.
- Chương 8: Labels.
- 8.1. Structure of labels
- 8.2. Useful phrases and specimen labels
- 8.3. Practice translating labels.
- Chương 9: Advertisements
- 9.1. Structure of advertisements
- 9.2. Useful phrases and specimen advertisements
- 9.3. Practice translating advertisements.
- Chương 10: Card visits
- 10.1. Structure of card visits
- 10.2. Useful phrases and specimen card visits
- 10.3. Practice translating card visits.
- Chương 11: Abbreviations in business
- 11.1. Common abbreviations in business
- 11.2. Practice translating common abbreviations
- Chương 12: Notices.
- 12.1. Common notices in business
- 12.2. Practice translating common notices in business

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Học liệu bắt buộc**

1. *Tập tài liệu sử dụng nội bộ* do giảng viên biên soạn. Trường Đại học Hồng Đức.
2. Nguyễn Thành Yên (2005). *Luyện dịch Tiếng Anh thương mại*. NXB tổng hợp TP.HCM

##### **9.2. Học liệu tham khảo**



1. Trịnh Thanh Toán & Trương Hùng (2008). *477 câu luyện dịch Việt – Anh trong giao dịch hằng ngày*. NXB Thanh niên
2. TheWindy (2013). *Cẩm nang luyện dịch Việt - Anh*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội
3. Nguyễn Bích Ngọc & Đào Thị Hương. *Giáo trình Tiếng Anh thư tín thương mại – English for Commercial Correspondences*. NXB Hà Nội

## **19. BIÊN DỊCH 2**

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, Khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần gồm các chiến thuật giải quyết các vấn đề thường gặp khi thực hành dịch như: vấn đề về từ ngữ, số, cách, thể trong tiếng Anh và tiếng Việt; nội dung dịch thuật thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường, kinh tế, y tế...

*Năng lực đạt được:* Sinh viên có thể dịch được đúng và đủ ý các câu, văn bản ngắn khoảng 100 từ, từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các chủ đề thông thường của cuộc sống; có các kỹ năng làm việc theo nhóm, theo cặp để dịch một văn bản hoàn thiện nhất.

### **6. Mục tiêu học phần**

**2.1. Kiến thức:** Sinh viên nắm vững phong cách dịch, các cách dịch câu, dịch tiêu đề vv... Đồng thời, SV ghi nhớ và dùng được khoảng 300 từ và cụm từ tiếng Anh và 300 từ và cụm từ tiếng Việt thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống: dân số, giáo dục, môi trường, kinh tế, y tế vv...

**2.2. Kỹ năng:** SV dịch được các dạng văn bản như: dịch từ, cụm từ, dịch các câu có cấu trúc đặc biệt, kỹ năng sắp xếp ý tưởng trong một câu khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt. SV có thể đánh giá chất lượng một bản dịch. Ngoài ra, SV phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm; Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu.

**2.3. Thái độ:** Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### **3. Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1: Strategy 1:** How to deal with non-equivalence at word level.

- 1.1. Translation by a more specific word
- 1.2. Translation by a more general word
- 1.3. Translation by cultural substitution
- 1.4. Translation using a loan word plus explanation
- 1.5. Translation by paraphrase
- 1.6. Translation by omission -

### **Chương 2: Translation practice**

- 2.1. World population overview
- 2.2. All in the family

### **Chương 3: Translation practice**

- 3.1. English - Vietnamese vocabulary translation
- 3.2. Population

### **Chương 4: Strategy 2:** How to deal with idioms and fixed expressions

- 4.1. Using an idiom or fixed expression of similar meaning
- 4.2. Using an idiom or fixed expression of similar meaning but dissimilar form
- 4.3. Translation by paraphrase

4.4. Translation by omission

**Chương 5: Translation practice**

5.1. Vietnamese –English vocabulary translation

5.2. Supplementary exercises

**Chương 6: Translation practice**

6.1. English - Vietnamese vocabulary translation

6.2. Pollution – Impacts of pollution

**Chương 7: Strategy 3: How to deal with voice, number and person**

7.1. Voice

7.2. Number

7.3. Person

**Chương 8: Translation practice**

8.1. “Save the Earth”

8.2. Supplementary exercises

**Chương 9: Translation practice**

9.1. A revolution in Vietnam Education

9.2. Class distinctions

9.3. English - Vietnamese vocabulary translation

**Chương 10: Strategy 4: How to deal with proper names**

10.1. Geographical terms

10.2. Names of organizations

10.3. Proper names in medical texts –

**Chương 11: Translation practice**

11.1. Education

11.2. Vietnamese –English vocabulary translation

**Chương 12: Translation practice**

12.1. English - Vietnamese vocabulary translation

12.2. Healthcare

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Học liệu bắt buộc**

1. *Tập tài liệu sử dụng nội bộ* do giảng viên biên soạn. Trường Đại học Hồng Đức.

2. Nguyễn Quốc Hùng (2012). *Hướng dẫn kỹ thuật biên dịch Anh-Việt – Việt-Anh*. Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

**9.2. Học liệu tham khảo**

1. Nguyễn Đức Châu (2012). *Phương pháp mới phiên dịch, Biên dịch Việt – Anh, Anh – Việt (cuốn 2)*. NXB trẻ.
2. Hữu Ngọc (2012). *Sổ tay người dịch tiếng Anh*. NXB Thế giới.
3. D, Weissbort & A, Eysteinson (2012). *Translation: Theory and Practice: A Historical Reader*. Oxford; New York: Oxford University Press

## 20. BIÊN DỊCH 3

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 1

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm các kỹ năng chuyên sâu hơn về dịch thuật với những văn bản phức tạp hơn ở học phần Biên dịch 1. Các vấn đề được đề cập đến trong học phần gồm: giáo dục, kinh tế, chính trị, văn hoá, thể giới tự nhiên. Học phần chú trọng đến cách diễn đạt ngôn ngữ của người học khi dịch các văn bản với phong cách, thể loại, mục đích khác nhau.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên có thể dịch đúng, đủ, đảm bảo văn phong phù hợp các văn bản có độ dài nhiều hơn 200 từ thuộc nhiều chủ đề khác nhau.

### 2. Mục tiêu học phần:

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích) và dung được vốn từ vựng về các lĩnh vực khác nhau, như: kinh tế, văn hoá, xã hội, đầu tư, giáo dục, tài chính, tiền tệ, du lịch.... Ngoài ra, sinh viên hiểu rõ văn hoá, phong tục tập quán, cuộc sống và con người của Việt nam và các nước nói Tiếng Anh, cũng như một số quốc gia khác để có thể vận dụng trong quá trình phiên dịch.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Sinh viên có khả năng nắm bắt thông tin thông qua các hình thức: nhìn nội dung văn bản hiển thị, nghe diễn giả nói. Ngoài ra, sinh viên dung được các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho quá trình dịch viết.

**2.3. Mục tiêu về thái độ:** Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn dịch viết trong quá trình học tiếng Anh và thực tế công việc sau này, có thái độ tích cực chủ động trong giờ học dịch viết, chủ động tự nâng cao kiến thức và tự luyện tập dịch viết.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

**Chương 1:** Strategy: How to deal with non-subject sentences (Vietnamese – English translation)

1.1. A description of the strategy

1.2. Practice

**Chương 2: Thực hành dịch:** Lesson 3: Education

2.1. A revolution in Vietnam's education

2.2. Giấc mơ thoát nghèo của những cử nhân thất nghiệp

2.3. Supplementary exercises

**Chương 3: Thực hành dịch**

3.1. Health-Care

3.2. “Nobel Prize in medicine awarded to Sir John Gurdon and Shinya Yamanaka.”

**Chương 4:** Strategy: How to deal with newspaper headlines & Some main characteristics of newspaper headlines adlines.

4.1. A description of the strategy

4.2. Practice

**Chương 5: Thực hành dịch:** Economy

5.1. Business envirement improvement wanted

5.2. “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam giai đoạn 2011-2020”

5.3. Supplementary exercises

**Chương 6: Thực hành dịch:** Politics

6.1. The US Great Seal

6.2. Thủ tướng đồng ý lựa chọn quốc hoa

6.3. Supplementary exercises

**Chương 7:** Patterns and sources of errors made by Vietnamese translators

- 7.1. Context
- 7.2. Wordcollocation
- 7.3. Misuse of personal pronouns and prepositions
- 7.4. Misuse of synonyms

**Chương 8: Thực hành dịch: Animals**

- 8.1. The history of Tortoises
- 8.2. Chim yến di cư
- 8.3. Supplementary exercises

**Chương 9: Thực hành dịch: Culture**

- 9.1. Women and their vocation
- 9.2. Điểm đến nổi tiếng ở Hà Nội
- 9.3. Supplementary exercises

**Chương 10: Patterns and sources of errors made by Vietnamese translators**

- 10.1. Style errors
- 10.2. Cultural errors

**Chương 11: Thực hành dịch: Social Issues**

- 11.1. Dolphin to return iPhone back to owner
- 11.2. Nhân tài và trách nhiệm công dân
- 11.3. Supplementary exercises

**Chương 12: Thực hành dịch: Famous people**

- 12.1. William Henry Perkins – The man who invented synthetic dyes.
- 12.2. John Masefield
- 12.3. Supplementary exercises

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Học liệu bắt buộc**

- 1. Tập tài liệu sử dụng nội bộ. Trường Đại học Hồng Đức
- 2. Minh Thu, Nguyễn Hòa (2012). *Hướng dẫn đọc và dịch báo chí Anh – Việt*. ĐHQG Hà Nội

**9.2. Học liệu tham khảo**

- 1. R, Douglas. (2003). *Becoming a Translator: An Introduction to the Theory and Practice of Translation*, 2nd. London: Routledge.
- 2. Newmark, P (2012). *Approaches to Translation*. Prentice Hall International.
- 3. Duff, A (2012). *Translation*. Oxford University Press

## 21. BIÊN DỊCH 4

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 2

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm các kỹ năng dịch nâng cao; các bài dịch nâng cao về độ khó, đa dạng về văn phong, thể loại với các nội dung, thông tin cập nhật, bổ ích về các vấn đề xã hội đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại; các bài dịch được người dạy trích dẫn từ các nguồn thông tin uy tín để đảm bảo sinh viên được tiếp cận với nguồn thông tin cập nhật nhất.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên có thể dịch chính xác về mặt nội dung, văn phong và hàm ý của tác giả các văn bản tiếng Anh và tiếng Việt với độ dài không giới hạn.

### 2. Mục tiêu học phần:

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Sinh viên nắm vững những thông tin thời sự cập nhật, từ vựng Anh, Việt về nhiều lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, thương mại.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Sinh viên có thể dịch văn bản Anh – Việt, Việt - Anh nâng cao một cách trôi chảy, văn phong phù hợp. Sinh viên có kỹ năng làm việc dưới áp lực thời gian để đạt hiệu suất công việc cao.

**2.3. Mục tiêu về thái độ:** Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn dịch viết trong quá trình học tiếng Anh và thực tế công việc sau này, có thái độ tích cực chủ động trong giờ học dịch viết, chủ động tự nâng cao kiến thức và tự luyện tập dịch viết.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Steps of translation

- 1.1. Step 1: Project Review
- 1.2. Step 2: Template Building/Translation Preparation
- 1.3. Step 3: Glossary Development
- 1.4. Step 4: Translation
- 1.5. Step 5: Copy Editing

#### Chương 2: Steps of translation

- 2.1. Step 6: Translator/Client Review
- 2.2. Step 7: Formatting
- 2.3. Step 8: Quality Control/Proofreading
- 2.4. Step 9: Final Translator Review
- 2.5. Step 10: Final Check/Delivery

#### Chương 3: Khái quát về kinh tế

- 3.1. Các loại hình kinh tế
- 3.2. Microeconomics or macroeconomics?

#### Chương 4: Quan hệ kinh tế Việt – Mỹ

- 4.1. Hội nghị bình thường hóa quan hệ Việt – Mỹ
- 4.2. America to pour capital into Vietnam market

#### Chương 5: Việt nam và các nước châu Âu

- 5.1. Tiến đến những liên minh quan trọng
- 5.2. Liên minh châu Âu là thị trường đầy triển vọng đối với Việt Nam
- 5.3. Vietnam rush to export to G8
- 5.4. Supplemetary exercises

#### Chương 6: WTO

- 6.1. Cam kết của Việt Nam gia nhập với WTO
- 6.2. “Hôm nay các cam kết của Việt Nam với WTO có hiệu lực”
- 6.3. WTO: challenges for Vietnam

#### 6.4. Supplementary exercises

### **Chương 7: Hợp đồng**

7.1. Hợp đồng ký gửi hàng hóa

7.2. Charter Party – Hợp đồng thuê tàu chuyên, hợp đồng hàng hải

7.3. Supplementary exercises

### **8. Chương 8: Tiêu điểm xã hội**

8.1. Thời tiết các khu vực trên cả nước

8.2. How people's opinion on family responsibilities varies

8.3. Supplementary exercises

### **Chương 9: Ẩm thực**

9.1. Chính sách bình ổn lương thực của FAO

9.2. Tadditional food of Asian countries

9.3. Supplementary exercises

### **Chương 10: Văn minh**

10.1. Văn minh người Việt thời vua Hùng

10.2. The stories of the heritages

10.3. Supplementary exercises

### **Chương 11: Đầu tư**

11.1. Tỷ phú dầu hỏa đầu tư vào Việt Nam

11.2. Investment and risk

11.3. Supplementary exercises

### **Chương 12: Công dân toàn cầu**

12.1. Người dân ủng hộ giờ thế giới

12.2. Green Project by the young

12.3. Supplementary exercises

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm và cá nhân.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

### **Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Học liệu bắt buộc**

1. *Tập tài liệu sử dụng nội bộ*. Trường Đại học Hồng Đức

2. Minh Thu, Nguyễn Hòa (2002). *Luyện dịch báo chí Anh – Việt*. Đại học Quốc gia HN

#### **9.2. Học liệu tham khảo**

1. Lê Huy Lâm, Trương Hoàng Duy, Phạm Văn Thuận (2006). *Luyện dịch Anh – Việt & Việt – Anh*. NXB Tổng hợp TP. HCM.

2. Chamberlain, D. & While, G.(2014). *Advanced English for Translation*. Cambridge University Press.

3. Dương Ngọc Dũng (2004). *Luyện dịch Việt – Anh*. NXB. Đại học Quốc gia TP. HCM

## 22. PHIÊN DỊCH 1

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH-PPGD, khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Phiên dịch 1 là giai đoạn đầu sinh viên bắt đầu tiếp cận môn dịch nói. Trước hết, học phần bao gồm các nội dung về phương thức nhận diện các cấu trúc câu, các cách dùng từ, chức năng ngôn ngữ, thể loại văn bản... trong tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài ra, học phần gồm các bài tập dịch Việt-Anh, Anh-Việt nhằm tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng các cấu trúc câu và lựa chọn từ trong thực hành dịch cho đúng.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phạm vi 2-5 câu tiếng Anh và tiếng Việt, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các tình huống phiên dịch thường gặp khi dịch hội họp trong phạm vi công ty giữa cán bộ Việt Nam với đối tác nước ngoài)

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên ghi nhớ thông tin ở cấp độ 2-5 câu đơn thông qua các bài tập kỹ năng như Nghe-Luyện trí nhớ, Nghe-tóm tắt nội dung, Nghe-Ghi nhanh.

Sinh viên ghi chép đầy đủ thông tin, số liệu... trong mỗi lần phát ngôn (2-5 câu đơn)

Sinh viên diễn đạt trôi chảy nội dung/thông tin nghe được bằng ngôn ngữ đích.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Nhập môn Phiên dịch 1

Giới thiệu chung về các chủ đề, kiến thức, ngôn ngữ, kỹ năng của môn dịch nói.

#### Chương 2: Dân số

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Dân số

2. Kỹ năng:

2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể

2.2. Sử dụng các quy luật viết tắt

2.3. Dịch chính xác

3. Ngôn ngữ: Ngôn ngữ sử dụng trước khi bước vào họp: chào hỏi, xưng hô, giới thiệu tên riêng, chức vụ, tên đơn vị công tác

#### Chương 3: Giáo dục

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Giáo dục

2. Kỹ năng:

2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể

2.2. Hình dung mối liên hệ giữa các ý

2.3. Dịch đầy đủ nội dung thông tin nghe được

3. Ngôn ngữ: Bắt đầu cuộc họp: nêu mục đích, lý do, giới thiệu các vấn đề chính của cuộc họp, giới thiệu người trình bày vấn đề.

#### Chương 4: Đô thị hoá



1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Đô thị hoá
2. Kỹ năng: Ghi nhớ/ghi chép, phân biệt ý chính, ý phụ, thông tin minh hoạ
3. Ngôn ngữ: Một thành viên tham gia họp: Nêu/đặt vấn đề; trình bày, chuyển ý, tóm tắt, đưa ra ý kiến cá nhân.

#### **Chương 5: Tài chính**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Tài chính
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Quan sát và hiểu thông tin, số liệu đã được diễn giả trình bày
  - 2.2. Dịch đầy đủ, dịch tóm tắt ý
3. Ngôn ngữ: Một thành viên tham gia họp: trình bày theo sơ đồ, bảng số liệu, đồ thị

#### **Chương 6: Môi trường**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Môi trường
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ
  - 2.2. Ghi chép
  - 2.3. Sử dụng ngữ điệu biểu cảm khi dịch
  - 2.4. Dịch thoát ý, đầy đủ/tóm tắt thông tin nghe được
  - 2.5. Thể hiện được ẩn ý của diễn giả
3. Ngôn ngữ: Quá trình họp: ngắt lời, đồng ý, tán thành; nhận xét ý kiến của người khác, chỉ ra sự mâu thuẫn

#### **Chương 7: Di dân**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Di dân
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ
  - 2.2. Ghi chép
  - 2.3. Sử dụng ngữ điệu biểu cảm khi dịch
  - 2.4. Dịch thoát ý, đầy đủ/tóm tắt thông tin nghe được
  - 2.5. Thể hiện được ẩn ý của diễn giả
3. Ngôn ngữ: Quá trình họp: nêu lý do, kết quả/hậu quả; nhấn mạnh, giả định

#### **Chương 8: Giao thông đô thị**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Giao thông đô thị
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ
  - 2.2. Ghi chép
  - 2.3. Sử dụng ngữ điệu biểu cảm khi dịch
  - 2.4. Dịch thoát ý, đầy đủ/tóm tắt thông tin nghe được
  - 2.5. Thể hiện được ẩn ý của diễn giả
3. Ngôn ngữ: Quá trình họp: so sánh, đối chứng; đưa ví dụ dẫn chứng

#### **Chương 9: Kinh doanh**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Kinh doanh
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ
  - 2.2. Sử dụng ngữ điệu biểu cảm khi dịch
  - 2.3. Dịch thoát ý, đầy đủ/tóm tắt thông tin nghe được
3. Ngôn ngữ: Kết thúc cuộc họp: tóm tắt các ý được đưa ra trong cuộc họp; đưa ra nhận xét tổng quát; đưa ra kế hoạch, chương trình làm việc tiếp theo; chào, cảm ơn.

#### **Chương 10: Ôn tập**

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. Mikkelson, H., & Jourdenais, R. (2015). *The Routledge Handbook of Interpreting*. New York: Routledge.
2. Gile, D. (2012). *Basic Concepts and Models for Interpreter and Translator Training*. Amsterdam/Philadelphia: Benjamins.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Morry Sofer (2006), *The Translator's Handbook – 6<sup>th</sup> Revised Edition*, Shreiber Publishing: Maryland, USA.
2. Australian Institute of Interpreter and Translators – AUSIT (2012). *Code of Ethics and Code of Conduct*, [http://ausit.org/ausit/documents/code\\_of\\_ethics\\_full.pdf](http://ausit.org/ausit/documents/code_of_ethics_full.pdf) accessed on January 3rd 2018

## 23. PHIÊN DỊCH 2

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH-PPGD, khoa NN, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch 1

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* HP Phiên dịch 2 được xây dựng trên cơ sở các kỹ năng cơ bản đã được xây dựng trong HP Phiên dịch 1 và bao gồm các nội dung về tăng cường trí nhớ, kỹ năng ghi nhanh, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng trình bày lời dịch trong các tình huống phỏng vấn và các mẫu câu phân tích tình hình, mô tả, bình luận, đặt vấn đề, nêu giải pháp. Bên cạnh đó, sinh viên được cung cấp thông tin về các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên tóm tắt được ngôn bản tiếng Anh và tiếng Việt bằng ngôn ngữ đích, trong đó phân biệt được ý chính, ý phụ và chi tiết minh họa. Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phỏng vấn và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các tình huống phiên dịch thường gặp khi dịch phỏng vấn.

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề có liên quan đến tình hình kinh tế-xã hội Việt Nam

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên tóm tắt được ngôn bản (phân biệt được ý chính, ý phụ và chi tiết minh họa), có thể ghi chép nhanh và trình bày lời dịch một cách lôgic

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Nhập môn Phiên dịch 2

Giới thiệu nội dung chương trình học và các yêu cầu chung

#### Chương 2: Agriculture

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Nông nghiệp

2. Kỹ năng:

2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể

2.2. Sử dụng các quy luật viết tắt

2.3. Dịch chính xác

3. Ngôn ngữ: Trước khi phỏng vấn: chào hỏi, xưng hô, giới thiệu các vấn đề cần phỏng vấn

#### Chương 3: Industry

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Công nghiệp

2. Kỹ năng:

2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể

2.2. Sử dụng các quy luật viết tắt

2.3. Dịch chính xác

3. Ngôn ngữ: Khi dịch trả lời phỏng vấn:

3.1. Nêu vấn đề, đặt câu hỏi

3.2. Trình bày, chuyển ý, tóm tắt

#### **Chương 4: Forestry**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Lâm nghiệp
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể, phân biệt ý chính, ý phụ, thông tin minh họa
  - 2.2. Hình dung mối liên hệ giữa các ý
3. Ngôn ngữ: Khi dịch trả lời phỏng vấn:
  - 3.1. Nêu ý kiến cá nhân
  - 3.2. Chỉ ra sự mâu thuẫn

#### **Chương 5: Transport**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Giao thông vận tải
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể, phân biệt ý chính, ý phụ, thông tin minh họa
  - 2.2. Dịch đầy đủ thông tin nghe được
3. Ngôn ngữ: Khi dịch trả lời phỏng vấn:
  - 3.1. Nêu lý do, kết quả/hậu quả
  - 3.2. Nhấn mạnh

#### **Chương 6: Architecture & Town planning**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Kiến trúc
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể
  - 2.2. Sử dụng ngữ điệu biểu cảm khi dịch
3. Ngôn ngữ: Khi dịch trả lời phỏng vấn:
  - 3.1. Giả định
  - 3.2. So sánh, đối chứng

#### **Chương 7: ASEAN-Vietnam**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề ASEAN-Việt Nam
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể
  - 2.2. Dịch thoát ý
3. Ngôn ngữ: Khi dịch trả lời phỏng vấn: Đưa ví dụ dẫn chứng; Nhận xét tổng quát

#### **Chương 8: UN's activities in Vietnam**

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Các hoạt động của Liên hợp quốc tại Việt Nam
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể
  - 2.2. Dịch thoát ý
  - 2.3. Lờ dịch thể hiện được ẩn ý của tác giả
3. Ngôn ngữ:
  - 3.1. Khi dịch trả lời phỏng vấn: Nhận xét tổng quát
  - 3.2. Khi dịch kết thúc phỏng vấn: Kết luận; Cảm ơn

#### **Chương 9: Ôn tập**

##### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

##### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

#### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Mikkelson, H., & Jourdenais, R. (2006). *The Routledge Handbook of Interpreting*. New York: Routledge.
2. Gile, D. (2014). *Basic Concepts and Models for Interpreter and Translator Training*. Amsterdam/Philadelphia: Benjamins.

##### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Morry Sofer (2006), *The Translator's Handbook – 6<sup>th</sup> Revised Edition*, Shreiber Publishing: Maryland, USA.
2. Australian Institute of Interpreter and Translators – AUSIT (2012). Code of Ethics and Code of Conduct, [http://ausit.org/ausit/documents/code\\_of\\_ethics\\_full.pdf](http://ausit.org/ausit/documents/code_of_ethics_full.pdf) accessed on January 3rd 2018

## 24. PHIÊN DỊCH 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH-PPGD, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch 2

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Phiên dịch 3 bao gồm kỹ năng dịch chuỗi (consecutive) cho các bài phát biểu hội thảo, bài giảng tại các lớp tập huấn, ... dưới hình thức độc thoại. Ngoài ra, học phần cung cấp một số khái niệm cơ bản trong kinh tế và kinh doanh, văn hoá, xã hội, đầu tư, công nghệ thông tin, pháp luật và các nguyên tắc nghề nghiệp của một phiên dịch.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên hoàn thiện kỹ năng dịch chuỗi (nhanh, chính xác, đủ ý, hiểu hàm ý của người nói) các bài phát biểu, bài giảng tại hội thảo, lớp tập huấn.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các tình huống phiên dịch thường gặp khi dịch chuỗi các bài phát biểu hội thảo, bài giảng...

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá ở cấp vĩ mô.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên có khả năng nghe và ghi nhớ đến mức tối đa 100 từ ngôn bản gốc; Xác định những thông tin cần phải ghi chép; Vừa nghe vừa định hình số lượng ý trong mỗi đoạn nghe được và nhận biết mối quan hệ logic giữa các ý. Ngoài ra, sinh viên chọn cách diễn đạt phù hợp văn cảnh, ẩn ý và mục đích của tác giả; Phát huy ưu thế của ngữ điệu và âm lượng để câu dịch có tính thuyết phục; Điều chỉnh tốc độ phù hợp với khả năng tiếp thu của người nghe.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Nhập môn Phiên dịch 3

Giới thiệu mục đích, nội dung, phương pháp học tập trên lớp, trên phòng máy, phương pháp tự học...

**Chương 2:** Đầu tư trong các lĩnh vực như xây dựng dân dụng, giao thông vận tải, nông nghiệp, công nghiệp

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Đầu tư

2. Kỹ năng:

Phân biệt ý chính, ý phụ, thông tin minh hoạ

3. Ngôn ngữ: Các cấu trúc thường gặp khi dịch bài giảng, bài phát biểu: Nêu vấn đề; Trình bày, tóm tắt

**Chương 3:** Các dự án tài trợ trong các lĩnh vực như xây dựng dân số, y tế, giáo dục, cải tạo môi trường, xoá đói giảm nghèo

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Dự án tài trợ

2. Kỹ năng:

2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể

2.2. Sử dụng các quy luật viết tắt

3. Ngôn ngữ: Các cấu trúc thường gặp khi dịch bài giảng, bài phát biểu:

3.1. Đưa ra ý kiến cá nhân

3.2. Chỉ ra sự mâu thuẫn

**Chương 4:** Thương mại trong các lĩnh vực như nông phẩm xuất khẩu, thiết bị máy móc, vật liệu xây dựng.

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Thương mại
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Quan sát và hiểu thông tin số liệu đã được diễn giả trình bày bằng máy chiếu LCD
  - 2.2. Ghi nhớ, ghi chép các ý chính và hình dung mối liên hệ giữa chúng
3. Ngôn ngữ: Các cấu trúc thường gặp khi dịch bài giảng, bài phát biểu:
  - 3.1. Nêu lý do, kết quả/hậu quả
  - 3.2. Chuyên ý

**Chương 5:** Ngân hàng, tài chính

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Ngân hàng, tài chính
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể, phân biệt ý chính, ý phụ, thông tin minh hoạ
  - 2.2. Dịch thoát ý, tóm tắt nội dung thông tin
3. Ngôn ngữ: Các cấu trúc thường gặp khi dịch bài giảng, bài phát biểu:
  - 3.1. Giả định
  - 3.2. So sánh, đối chứng

**Chương 6:** Công nghệ thông tin

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Công nghệ thông tin
2. Kỹ năng: Dịch đầy đủ, chính xác nội dung thông tin
3. Ngôn ngữ: Các cấu trúc thường gặp khi dịch bài giảng, bài phát biểu:
  - 3.1. So sánh
  - 3.2. Đưa ví dụ dẫn chứng

**Chương 7:** Thị trường lao động

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Thị trường lao động
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể
  - 2.2. Dịch thoát ý
3. Ngôn ngữ: Các cấu trúc thường gặp khi dịch bài giảng, bài phát biểu:
  - 3.1. Đặt câu hỏi

**Chương 8:** Các vấn đề liên quan đến pháp luật

1. Kiến thức: Một số kiến thức nền và từ vựng liên quan đến chủ đề Pháp luật
2. Kỹ năng:
  - 2.1. Ghi nhớ/ghi chép thông tin cụ thể
  - 2.2. Dịch thoát ý
  - 2.3. Lờ dịch thể hiện được ẩn ý của tác giả
3. Ngôn ngữ: Các cấu trúc thường gặp khi dịch bài giảng, bài phát biểu:
  - 3.1. Nhận xét tổng quát
  - 3.2. Kết luận

**Chương 9: Ôn tập**

**4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### **7. Trang thiết bị**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Andrews Gillies (2013). *Conference Interpreting: A students' Practice Book*. New York: Routledge.
2. Gile, D. (2014). *Basic Concepts and Models for Interpreter and Translator Training*. Amsterdam/Philadelphia: Benjamins.

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Morry Sofer (2006), *The Translator's Handbook – 6<sup>th</sup> Revised Edition*, Shreiber Publishing: Maryland, USA.
2. Australian Institute of Interpreter and Translators – AUSIT (2012). Code of Ethics and Code of Conduct, [http://ausit.org/ausit/documents/code\\_of\\_ethics\\_full.pdf](http://ausit.org/ausit/documents/code_of_ethics_full.pdf) accessed on January 3rd 2018



## 25. PHẦN KỸ NĂNG NGHE NÓI 1

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Phát triển kỹ năng tiếng Anh, khoa Ngoại ngữ.
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm những nội dung liên quan đến các chủ đề như: giới thiệu bản thân, gia đình, đất nước, con người, du lịch, sức khỏe, tiêu khiển, phong tục tập quán, ẩm thực, mua sắm...

*Năng lực đạt được:* Người học nghe hiểu và sử dụng được từ vựng và cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu về bản thân, về gia đình; miêu tả danh lam thắng cảnh, miêu tả sự vật hiện tượng, phong tục tập quán, dùng được các cấu trúc chấp nhận hoặc từ chối lời mời v.v.

Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, một số kỹ năng nghe nói cơ bản để nhận biết và phân biệt được các âm tiết có trọng âm hoặc từ đồng âm khác nghĩa, nghe từ khóa, nghe và hiểu được nội dung chính của đoạn hội thoại hoặc một bài nói ngắn, nắm được những cấu trúc câu đơn có thể giao tiếp trong những tình huống đơn giản.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Kết thúc học phần người học có những kỹ năng nghe cơ bản như: nghe từ khóa, nghe thông tin chi tiết, nghe để tìm nội dung chính, nghe và suy luận, nhận biết được thái độ, quan điểm của người nói; hình dung được tình huống đang xảy ra trong đoạn hội thoại; nhận biết được sự đồng tình hoặc phản đối; vận dụng những ngữ liệu đã tích lũy trong bài nghe để giới thiệu về bản thân, miêu tả người, sự vật hiện tượng...

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Nội dung 1: Names and Title/ Introduction - Communicating in English

1. Course Introduction
2. Orientation and tips for listening and speaking
  - 2.1 Recognizing appropriate forms of address
  - 2.2. Identifying stressed words and reductions
3. Listening skills:
  - 3.1. Listening for spelling of names
  - 3.2. Identifying people
  - 3.3. Listening for key words
  - 3.4. Listening for main ideas
  - 3.5. Listening for specific information
4. Speaking skills
  - 4.1. Vocabulary of names & introduction
  - 4.2. Expressions of ‘introducing yourself and others’
5. Targeted skills:
  - 5.1. Asking for and giving personal information.
  - 5.2. Making telephone reservation- pronouncing –s ending

#### Nội dung 2: The weather and climate

1. Vocabulary

- 1.2. Words related to weather and climate
  - 1.1. Identifying weather and statistics
- 2. Listening skills
  - 2.1. Listening and asking inferences- Listening for details
  - 2.2. Listening for weather forecasts and temperatures.
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Distinguishing between different ways of expressing the weather.
  - 3.2. Expressions of weather description
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. Asking for and giving information about weather
  - 4.2. Talking about seasons.

### **Nội dung 3: Free time activities**

- 1. Vocabulary: Foods and drinks
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Recognizing positive and negative statements
  - 2.2. Listening to advice about losing weight
  - 2.3. Listening questions and responding
  - 2.4. Distinguishing between amounts
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying actions and prices
  - 3.2. Identifying preference for food
  - 3.3. Identifying food
  - 3.4. Expressions with food ordering
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. Ordering in a restaurant
  - 4.2. Refusing food politely
- 5. Bài kiểm tra số 1

### **Nội dung 4: Locations and Directions**

- 1. Vocabulary: Buildings and places
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for specific information
  - 2.3. Listening for main ideas
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying travel and transportation information.
  - 3.2. Distinguishing between different pronunciations
  - 3.3. Identifying and following directions and location.
- 4. Targeted skills:
  - Asking and giving directions

### **Nội dung 5: Apartment living and Home, sweet home**

- 1. Vocabulary: Locations
  - 1.1. Vocabulary of home-related words
  - 1.2. Identifying location in the home
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Distinguishing between the prepositions *on* and *in*
  - 2.3. Identifying objects from descriptions
  - 2.4. Listening for likes and dislikes
  - 2.5. Listening to moving instructions

3. Speaking skills
  - 3.1. Recognizing acceptances and refusals
  - 3.2. Expressions of offers
  - 3.3. Expressions of requests
  - 3.4. Expressions of direct & indirect questions.

4. Targeted skills:
  - 4.1. Describing dream home
  - 4.2. Giving reasons
  - 4.3. Giving explanations and examples.

### **Nội dung 6: Travel and Tourism - Foreign Customs**

1. Vocabulary: Tourism and customs- related words
  - 1.1. Vocabulary of tourism
  - 1.2. Words related to customs
  - 1.3. Words related to celebrations and holidays
2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Distinguishing between difficult pronunciations
  - 2.3. Identifying characteristics and habits
3. Speaking skills
  - 3.1. Recognizing acceptances and refusals
  - 3.2. Expressions of manners
  - 3.3. Expressions of giving opinions
  - 3.4. Expressions of with traveling and tourism.
4. Targeted skills:
  - 4.1. Describing locations
  - 4.2. Asking and giving directions
  - 4.3. Reading a map
  - 4.4. Making invitations
  - 4.5. Refusing invitations

### 5. Bài KT số 2

### **Nội dung 7: Health and fitness**

1. Vocabulary: Health and Fitness
  - 1.1. Vocabulary of health
  - 1.2. Vocabulary of fitness
2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for main ideas
  - 2.2. Listening for specific information
  - 2.3. Identifying stressed words and reductions
  - 2.4. Listening to medical advice
3. Speaking skills
  - 3.1. Recognizing illness and sickness
  - 3.2. Expressions of sickness
  - 3.3. Expressions of collocations
  - 3.4. Expressions of health and fitness.
4. Targeted skills:
  - 4.1. Asking for and giving advice
  - 4.2. Giving reasons
  - 4.3. Making appointments

### **Nội dung 8: Unit 10: Entertainment and Movies**

1. Vocabulary: Free time activities
  - 1.1. Vocabulary of free time activities
  - 1.2. Words related to types of movie
  - 1.3. Words related to kinds of books
2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Distinguishing questions and statement intonation
  - 2.3. Recognizing acceptances and refusal
  - 2.4. Listening for gist
  - 2.5. Identifying stressed words and reductions
  - 2.6. Listening to a news report
3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying different types of TV program
  - 3.2. Expressions of likes and dislikes
  - 3.3. Expressions of obligations and permissions
4. Targeted skills:
  - 4.1. Asking for and giving information about free time activities
  - 4.2. Making suggestions.
  - 4.3. Agreeing and disagreeing
  - 4.4. Expressing opinions
  - 4.5. Agreeing or disagreeing

#### 5. Bài kiểm tra giữa kì

### **Nội dung 9: People and Different kinds of people**

1. Vocabulary: People description
  - 1.1. Vocabulary of people's appearance
  - 1.2. Vocabulary of people's personality
2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for main ideas
  - 2.2. Listening for specific information
  - 2.3. Identifying stressed words and reductions
  - 2.4. Listening for key words and details
  - 2.5. Listening and making inferences
  - 2.6. Listening for gist
3. Speaking skills
  - 3.1. Recognizing acceptances and refusals
  - 3.2. Expressions of people descriptions
  - 3.3. Expressions of giving opinions
  - 3.4. Expressions of likes and dislikes.
4. Targeted skills:
  - 4.1. Giving information
  - 4.2. Making comparisons

### **Nội dung 10: Date and Time**

1. Vocabulary: Free time activities
  - 1.1. Vocabulary of free time activities
  - 1.2. Words related to types of movie
  - 1.3. Words related to kinds of books
2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Distinguishing between dates and times

- 2.3. Listening for contrasting numbers
- 2.4. Listening for gist
- 2.5. Identifying stressed words and reductions
- 2.6. Listening to and writing times
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying likes and dislikes
  - 3.2. Distinguishing the number of syllables in a word
  - 3.3. Recognizing acceptances and refusals
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. Responding to positive and negative statements
  - 4.2. Identifying time
  - 4.3. Agreeing and disagreeing
  - 4.4. Expressing appointments

#### 5. Bài kiểm tra số 3

### **Nội dung 11: Science and technology**

- 1. Vocabulary: Technology- science -related words
  - 1.1. Words related to technology
  - 1.2. Words related to science
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for main ideas
  - 2.3. Listening for specific information
  - 2.4. Listening for gist
  - 2.5. Identifying stressed words and reductions
  - 2.6. Listening for details
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying stressed words and reductions
  - 3.2. Expressions of giving instruction
  - 3.3. Describing technology in the home
  - 3.4. Identifying emphasis
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. Listening for key words
  - 4.2. Making inferences

### **Nội dung 12: Money and Shopping**

- 1. Vocabulary: Shopping and shopping items
  - 1.1. Words related to Shopping
  - 1.2. Words related to shopping items
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for main ideas
  - 2.3. Listening for specific information
  - 2.4. Listening for gist
  - 2.5. Identifying stressed words and reductions
  - 2.6. Listening for details
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying shopping items
  - 3.2. Expressions of quantity
  - 3.3. Expressions of shopping
- 4. Targeted skills:

- 4.1. Making decisions
- 4.2. Making inferences
- 4.3. Giving reasons
- 4.4. Agreeing and disagreeing

5. Bài kiểm tra số 4

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

#### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

#### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Leo Jones. (2003). *Let's Talk 1*. Cambridge University Press. [1]
2. Jack, C.Richards. (2002). *Basic Tactics forListening*. Culture-Information Press [2]

##### **9.1.Tài liệu tham khảo:**

1. Leo Jones. *Let's talk 1*. (2003). Cambridge University Press.
2. Jack C.Richards. *Basic tactics for listening*. (2002). Oxford University Press.
3. *Cambridge Key English Test 5,6,7*. (2014). Cambridge University Press.

## 26. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 1

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Phát triển kỹ năng tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần gồm các bài đọc hiểu ở mức độ A2 về các chủ đề: thức ăn và sức khỏe, phát minh khoa học, học tập ở nước ngoài, tiền và ngân sách, giáo dục, công nghệ, thể thao, kỳ quan thế giới, thế giới động vật, ngôn ngữ Tiếng Anh, lễ hội, giao tiếp phi lời nói; các kỹ năng đọc lướt để lấy ý chính, quét tìm thông tin chi tiết, dự đoán trước khi đọc, xác định ý chính và ý hỗ trợ trong đoạn văn; và cách viết đoạn văn mô tả, ví dụ, quá trình, ý kiến và tường thuật.

*Năng lực đạt được:* Người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu và kỹ năng đọc hiểu để có thể đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc; có thể viết một đoạn văn mô tả, quá trình, ví dụ, ý kiến, tường thuật. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu, một số kỹ năng đọc cơ bản và kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ A2 về các chủ đề khác nhau của cuộc sống; biết cách xác định nội dung chính, tìm thông tin chi tiết, dự đoán nội dung trước khi đọc; cách viết một đoạn văn ngắn khoảng 100 - 150 từ thể hiện quan điểm, miêu tả, quá trình, tường thuật.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học có thể khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đồng thời phát triển một số kỹ năng đọc khác như cách nhận biết ý chính, ý hỗ trợ của mỗi đoạn, logic của bài đọc, phân biệt sự thật và ý kiến... Người học có thể viết một bài luận ngắn thể loại mô tả, kể chuyện, đưa ra ý kiến, nguyên nhân, và kết quả.

### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### Nội dung 1: Food and Health - The sentence and the paragraph

##### 1.1. Reading: Food and Health

1.1.1. Course Introduction

1.1.2. Orientation

1.1.3. Lesson 1: Fast Food

1.1.4. Lesson 2: Food facts

1.1.5. Targeted skills: Scanning for specific information

##### 1.2. Writing: The sentence and the paragraph

1.2.1. Diagnostic Test

1.2.2. Paragraph organization

1.2.3. Formatting a paragraph

1.2.4. Unity and Coherence in a paragraph

#### Nội dung 2: Where does it come from? The sentence and the paragraph

##### 2.1. Reading: Where does it come from?

2.1.1. Lesson 1: Paper inventions

2.1.2. Lesson 2: Glass

2.1.3. Targeted skills: Predicting

##### 2.2. Writing: The sentence and the paragraph

2.2.1. Part 4: Editing your writing

2.2.2,Part 5: Putting it all together

2.2.3. Writing practice

### **Nội dung 3: Studying overseas Descriptive Paragraphs**

#### **3.1.Reading: Studying overseas**

3.1.1.Choosing to study overseas

3.1.2. My travel journal

3.1.3.Targeted skills: Using subtitle to predict content

#### **3.2.Writing: Descriptive Paragraphs**

3.2.1.The descriptive organization

3.2.2.Using specific language

3.2.3.Using adjectives in descriptive writing

3.2.4.Using *be* to define and describe

### **Nội dung 4: Money and Budgets - Descriptive Paragraphs (Continued)**

#### **4.1.Reading: Money and Budgets**

4.1.1. A student budget

4.1.2. My money

4.1.3.Targeted skills: Skimming for the main idea

#### **4.2.Writing: Descriptive Paragraphs(continued)**

4.2.1.Part 4: Editing your writing

4.2.2.Part 5: Putting it all together

4.2.3. Writing practice

### **Nội dung 5: Education and learning - Example Paragraphs**

#### **5.1.Reading: Education and learning**

5.1.1.Lesson 1: The world's oldest university

5.1.2.Lesson 2: life long learning

5.1.3.Targeted skills:Recognizing sequence of events

#### **5.2.Writing: Example Paragraphs**

5.2.1.Part 1: Stimulating ideas

5.2.2.Part 2: Brainstorming & Outlining

5.2.3.Part 3: Developing your ideas

### **Nội dung 6: Technology - Example Paragraphs**

#### **6.1.Reading: Technology**

6.1.1.Lesson 1: Gadgets for work and play

6.1.2.Lesson 2: The history of the Internet

6.1.3.Targeted skills:

#### **6.2.Writing: Example Paragraphs**

6.2.1.Part 4: Editing your Writing.

6.2.2.Part 5: Putting it All Together

6.2.3. Writing practice

### **Nội dung 7: Sports and Games - Process Paragraph**

#### **7.1.Reading: Sports and Games**

7.1.1.Lesson 1: Let's play ball

7.1.2.Lesson 2: Soccer and the world cup

7.1.3.Targeted skills: Identifying main ideas within paragraphs

#### **7.2.Writing: Process Paragraphs**

7.2.1.Part1: Stimulating ideas

7.2.2.Part 2: Brainstorming & Outlining

7.2.3.Part 3: Developing your ideas

### **Nội dung 8: Wonders of the World - Process Paragraphs**



## **8.1.Reading: Wonders of the World**

8.1.1.Lesson 1: The seven Ancient wonders

8.1.2.Lesson 2: The modern wonders

8.1.3.Targeted skills: Identifying main ideas within paragraphs

## **8.2.Writing:Process Paragraphs (continued)**

8.2.1.Part 4: Editing your Writing.

8.2.2.Part 5: Putting it All Together

8.2.3. Writing practice

## **Nội dung 9: Animal magic - Opinion Paragraphs**

### **9.1.Reading: Animal magic**

9.1.1.Lesson 1: What's that sound?

9.1.2.Lesson 2: Animal actors

9.1.3.Targeted skills:Skimming for the main idea

### **9.2.Writing: Opinion Paragraphs**

9.2.1.Part 1: Stimulating ideas

9.2.2.Part 2: Brainstorming & Outlining

9.2.3.Part 3: Developing your ideas

## **Nội dung 10: The English language - Opinion Paragraphs**

### **10.1.Reading: The English language**

1.1. Lesson 1: The history of English

1.2. Lesson 2: Which English do you speak

1.3. Targeted skills: Skimming for the main idea

### **10.2.Writing:Opinion Paragraphs (continued)**

10.2.1.Part 4: Editing your Writing.

10.2.2.Part 5: Putting it All Together

10.2.3. Writing practice

## **Nội dung 11: Holidays and Festivals - Narrative Paragraphs**

### **11.1.Reading: Holidays and Festivals**

11.1.1.Lesson 1: How do you celebrate?

11.1.2.Lesson 2: Labor Day

11.1.3.Targeted skills: Predicting

### **11.2.Writing: Narrative Paragraphs**

11.2.1.Part 1: Stimulating ideas

11.2.2.Part 2: Brainstorming & Outlining

11.2.3.Part 3: Developing your ideas

## **Nội dung 12: Nonverbal Communication - Narrative Paragraphs (continued)**

### **12.1.Reading: Nonverbal Communication**

12.1.1.Lesson 1: Actions speak louder than words

12.1.2.Lesson 2: Talking with your hands

12.1.3.Targeted skills: Skimming for main ideas

### **12.2.Writing: Narrative Paragraphs (continued)**

12.2.1.Part 4: Editing your Writing.

12.2.2.Part 5 : Putting it All Together

12.2.3. Writing practice

## **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận theo nhóm, thực hành cá nhân.

## **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

## **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

## **9. Tài liệu tham khảo chính:**

### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Keil J.Anderson (2001). *Active Skills for Reading/Book 2*,Heine and Heine.
2. Alice Savage & Masoud Shafiei.(2008).*Effective Academic Writing 1*.Cambridge University Press.

### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Cambridge Key English Test 5 (2013). (KET).Cambridge University Press.
2. Cambridge Key English Test 6 (2013). (KET).Cambridge University Press.
3. Cambridge Key English Test 7 (2015). (KET).Cambridge University Press.

## 27. KỸ NĂNG NGHE NÓI 2

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn PTKN tiếng Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 1

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm từ vựng, cấu trúc câu ở mức tiền trung cấp liên quan đến nội dung chủ đề như: công việc, thời tiết, môi trường, công nghệ, thể thao, các phương tiện giao thông, các mối quan hệ xã hội...

*Năng lực đạt được:* Người học sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như biết cách thông báo về thời tiết, nói về tình bạn, công việc của mình. Sử dụng được các cấu trúc để thể hiện thái độ hoặc ý kiến của mình khi đưa ra hoặc chấp nhận lời khuyên; miêu tả được và đưa ra nhận xét về các phát minh, các môn thể thao v.v. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Về kiến thức, ở học phần này người học được nghe và ... Thông qua các bài luyện nghe, người học nắm được một lượng từ vựng và cấu trúc thông dụng xung quanh chủ đề của bài học, từ đó vận dụng vào các bài luyện nói của mình theo chủ đề tương ứng.

Người học sử dụng được lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, một số kỹ năng nghe nói cơ bản nâng cao để giao tiếp trong nhà hàng, khách sạn, trường học, bệnh viện, bảo tàng v.v. Người học xác định được thông tin chính như hỏi, nói giá cả, số phòng, số điện thoại, đánh vần tên riêng v.v.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng nghe được từ khoá, thông tin chi tiết, xác định được nội dung chính, suy luận, nhận biết được thái độ, quan điểm của người nói; hình dung được tình huống đang xảy ra trong đoạn hội thoại; nhận biết được sự đồng tình hoặc phản đối, phân biệt được các âm riêng lẻ hoặc từ có âm tương tự. Người học vận dụng được ngữ liệu đã tích lũy trong bài nghe để thực hành bài luyện nói của mình theo chủ đề tương tự.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Nội dung 1: Born Lucky

##### 1. Course Introduction

- 1.1. Adjective used to describe people's characters
- 1.2. Words related to types of movie
- 1.3. Words related to kinds of books

##### 2. Listening skills:

- 2.1. Listening for key words
- 2.2. Listening for spelling of names
- 2.3. Listening for contrasting numbers
- 2.4. Listening for gist
- 2.5. Identifying stressed words and reductions
- 2.6. Distinguishing between rising and falling intonations

##### 3. Speaking skills

- 3.1. Talking about famous places
- 3.2. Describing characters/ personalities
- 3.3. Discussing and using icebreakers.

4. Targeted skills:
  - 4.1. Asking for and giving personal information.
  - 4.2. Distinguishing between different sentence intonations

### **Nội dung 2: Food and cooking - Happy birthday**

1. Vocabulary: Technology- science -related words
  - 1.1. Words related to foods and drinks
  - 1.2. Words related to dates and time
2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for main ideas
  - 2.3. Listening for specific information
  - 2.4. Listening for gist
  - 2.5. Identifying stressed words and reductions
  - 2.6. Distinguishing ordinal and cardinal numbers
3. Speaking skills
  - 3.1. Expressions of making decision
  - 3.2. Expressions of opinions
  - 3.3. Expressions of explanations
  - 3.4. Expressions of likes and dislikes
  - 3.5. Expressions of suggestions
  - 3.6. Identifying invitations/opinions
4. Targeted skills:
  - 4.1. Giving and accepting invitation
  - 4.2. Expressing opinions
5. Succeed in PET: Test 1

### **Nội dung 3:**

#### **How are you feeling- Relationships**

1. Vocabulary: Health and Relationships
  - 1.1. Words related to health
  - 1.2. Words related to relationships
2. Listening skills:
  - 2.1. Identifying health problems
  - 2.2. Distinguishing the number of syllables in a word
  - 2.3. Listening for key words
  - 2.4. Listening for reasons
  - 2.5. Listening for details
3. Speaking skills
  - 3.1. Describing people
  - 3.2. Expressing someone's relationship
  - 3.3. Discussing a problem
4. Targeted skills:
  - 4.1. The way to describe people
  - 4.2. The way to giving opinions
5. Succeed in PET: Test 2

### **Nội dung 4: At the mall Speaking - Earning a living**

1. Vocabulary: Health and Relationships
  - 1.1. Words related to health
  - 1.2. Words related to relationships
2. Listening skills:

- 2.1. Listening for key words
- 2.2. Listening for main ideas
- 2.3. Listening for specific information
- 2.4. Identifying types of stores
- 2.5. Distinguishing the pronunciation of regular past tense verbs
- 2.6. Listening for gist
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Expressing opinions
  - 3.2. Adding details
  - 3.3. Making decisions
  - 3.4. Identifying and following directions and location.
  - 3.5. Asking and giving directions
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. The way to Express opinions
  - 4.2. The way to make decisions
- 5. Succeed in PET: Test 3

### **Nội dung 5: Dining out - Leisure time**

- 1. Vocabulary: Health and Relationships
  - 1.1. Words related to health
  - 1.2. Words related to relationships
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for main ideas
  - 2.3. Listening for specific information
  - 2.4. Listening for gist
  - 2.5. Listening for details
  - 2.6. Listening for numbers
  - 2.7. Distinguishing between different ways of expressing amount of money.
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying preferences
  - 3.2. Identifying location
  - 3.3. Identifying time
  - 3.4. Expressing opinions
  - 3.5. Making recommendations
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. The way to express opinions
  - 4.2. The way to make recommendations
- 5. Succeed in PET: Test 4

### **Nội dung 6: Things you wear - Games and Sports**

- 1. Vocabulary: Words related to clothes customs and sports
  - 1.1. Words related to clothes and customs
  - 1.2. Words related to sports
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Identifying clothes
  - 2.2. Identifying opinion and advice
  - 3.3. Distinguishing between /s/, /z / and /iz/ in plural nouns
  - 3.4. Listening for gist and details
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Expressions of manners

- 3.2. Expressing likes and dislikes
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. The way to express opinions
  - 4.2. The way to make recommendations
- 5. Succeed in PET: Test 5

### **Nội dung 7: Traffic Jam - Travel and transportation**

- 1. Vocabulary: Words related to Traffic Jam - Travel and transportation
  - 1.1. Words related to clothes and customs
  - 1.2. Words related to sports
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for main ideas
  - 2.2. Listening for specific information
  - 3.3. Listening for key words and details
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Giving opinions
  - 3.2. Making decisions
  - 3.3. Describing means of transports
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. Giving opinions
  - 4.2. Making decisions
  - 4.3. Describing means of transports
- 5. Succeed in PET: Test 6

### **Nội dung 8: On the weekend - Modern inventions**

- 1. Vocabulary: Words related to free time activities and modern inventions
  - 1.1. Words related to free time activities
  - 1.2. Words related to Modern inventions
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for gist
  - 2.3. Identifying activities around town
  - 2.4. Identifying sequence and places
  - 2.5. Distinguishing between the sounds of *she's* and *he's*/ singular and plural nouns
  - 2.6. Listening for key words
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Giving opinions
  - 3.2. Making decisions
  - 3.3. Describing means of transports
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. Giving opinions
  - 4.2. Making decisions
  - 4.3. Describing means of transports
- 5. Succeed in PET: Test 7
- 6. Bài kiểm tra giữa kì

### **Nội dung 9: Getting Away - The environment**

- 1. Vocabulary: Words related to environment
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Identifying clothes
  - 2.2. Identifying opinion and advice
  - 3.3. Distinguishing between /s/, /z / and /iz/ in plural nouns

- 3.4. Listening for gist and details
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying holiday activities/ Web addresses
  - 3.2. Distinguishing between contracted 's and plural s
  - 3.3. Expressing problems between ordinal and cardinal numbers
  - 3.4. Complaining
  - 3.5. Giving opinions
  - 3.6. Making requests
- 4. Succeed in PET: Test 8

**Nội dung 10: The ceiling is leaking - Living in the city**

- 1. Vocabulary: Words related to city life
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Identifying problems
  - 2.2. Distinguishing between ordinal and cardinal numbers
  - 2.3. Listening for contrasting numbers
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Giving opinions of living in a big city
  - 3.2. Advantages of living in a big city
  - 3.3. Disadvantages of living in a big city
  - 3.4. Expressing preferences
  - 3.5. Giving opinions
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. Comparing the life in a big city and the life in a small town/ village
  - 4.2. Making decisions
- 5. Succeed in PET: Test 9

**Nội dung 11: Call me on my Cell**

- 1. Vocabulary: Words related to communication tools
- 2. Listening skills:
  - 1. Identifying ways of communicating and preferences
  - 2.2. Identifying numbers and messages/ Location
  - 2.3. Distinguishing between can and can't
  - 2.4. Distinguishing between sounds for affirming and negating
  - 2.5. Listening for information and details
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Telling the differences of the life now and the life in the past
  - 3.2. Talking about the issues belong to history
  - 3.3. Leaving and taking messages
- 4. Targeted skills:
  - 4.1. Comparing the life in a big city and the life in a small town/ village
  - 4.2. Making decisions
- 5. Succeed in PET: Test 10

**Nội dung 12: Job fair**

- 1. Vocabulary: Words related to Jobs
- 2. Listening skills:
  - 2.1. Listening for main ideas
  - 2.2. Listening for specific information
  - 2.3. Identifying stressed words and reductions
  - 2.4. Listening for key words and details
- 3. Speaking skills

- 3.1. Identifying likes and dislikes
- 3.2. Identifying periods of time
- 3.3. Distinguishing confirmation and uncertainty through intonation.
- 3.4. Vocabulary of job-related words.
- 3.5. The way to say about fears and tell funny stories

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

#### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

#### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Lin Lougheed (2004). *Learning to Listen Book 2*. Oxford University Press.
2. Leo Jones. (2004). *Let's Talk 2*. Cambridge University Press.

##### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Jack, C.Richards. (2002). *Basic Tactics for Listening*. Culture-Information Press.
2. Cambridge Key English Test 4 (2014). (KET). Cambridge University Press.
3. Cambridge Key English Test 5 (2014). (KET). Cambridge University Press.



## 28. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 2

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Phát triển kỹ năng tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng đọc viết 1

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm các bài đọc hiểu ở mức độ B1 về các chủ đề: quản lý thời gian, tình yêu và hôn nhân, cách kiểm soát căng thẳng, động vật kỳ diệu, khác biệt văn hóa, tiền tệ, thời trang, bí ẩn, y học, giáo dục, nghệ thuật, cải tiến phương tiện giao thông; các kỹ năng đọc lướt, đoán nghĩa từ vựng, xác định ý chính và ý hỗ trợ trong các đoạn, xác định nguyên nhân, kết quả, lập luận đồng ý, không đồng ý, xác định sự thật, ý kiến; cách viết bài luận ba đoạn mô tả, ý kiến, tường thuật, so sánh và đối chiếu, nguyên nhân và kết quả.

*Năng lực đạt được:* Người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu và kỹ năng đọc hiểu để có thể đọc hiểu các bài đọc ở mức độ tiền trung cấp; có thể viết bài luận ngắn văn mô tả, ý kiến, tường thuật, so sánh và đối chiếu, nguyên nhân và kết quả. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng đọc hiểu và kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ tiền trung cấp về các chủ đề khác nhau. Đồng thời, người học có kiến thức về cách lập dàn ý, cách viết đoạn mở bài, thân bài và kết luận của một bài luận ngắn.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học có kỹ năng khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đồng thời phát triển một số kỹ năng đọc khác như cách nhận biết ý chính, ý hỗ trợ của mỗi đoạn, logic của bài đọc, phân biệt sự thật và ý kiến; có kỹ năng viết một bài luận ngắn thể loại mô tả, kể chuyện, đưa ra ý kiến, nguyên nhân, và kết quả.

**2.3. Mục tiêu về thái độ:** Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Nội dung 1

##### 1.1. Course Introduction/Orientation

##### 1.2 Reading:

1.2.1. Unit 1: Keeping time

1.2.2. Unit 2: Love and marriage

1.2.3. Targeted skills: Predicting, Scanning for specific information

##### 1.3. Writing: Paragraph to short essay

1.3.1. Part 1. The paragraph

1.3.2. Part 2. Unity and coherence

1.3.3. Part 3. From paragraph to short essay

#### Nội dung 2

##### 2.1. Reading:

2.1.1. Unit 3: What's stressing you out?

2.1.2. Unit 4: Amazing animals

2.1.3. Targeted skills: Skimming for the main idea, Identifying meaning from context

##### 2.2. Writing: Paragraph to short essay (continued)

2.2.1. Part 4: Editing your writing

2.2.2. Part 5: Putting it all together

2.2.3. Succeed in PET: Test 1

#### Nội dung 3

##### 3.1. Reading:

3.1.1. Unit 5: Cultural Differences

3.1.2. Unit 6: Money

3.1.3. Targeted skills: Identifying main ideas within paragraphs, Identifying cause and effect

**3.2. Writing:** Descriptive Essays

3.2.1. Part 1. Stimulating your ideas

3.2.2. Part 2. Brainstorming your outlining

3.2.3. Part 3. Developing your ideas

**Nội dung 4**

**4.1. Reading:**

4.1.1. Unit 7: Fashion and style

4.1.2. Unit 8: It's a mystery

4.1.3. Targeted skills: Skimming for main ideas, Identifying main and supporting ideas

**4.2. Writing:** Descriptive Essays(continued)

4.2.1. Part 4. Editing your writing

4.2.2. Part 5. Putting it all together

**Nội dung 5**

**5.1. Reading:**

5.1.1. Unit 9: The future of medicine

5.1.2. Targeted skills: Identifying meaning from context, Making references

**5.2. Writing:** Narrative essays

5.2.1. Part 1: Stimulating ideas

5.2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining

5.2.3. Part 3: Developing your ideas

**Nội dung 6**

**6.1. Reading:**

6.1.1. Unit 10: Journey into space

6.1.2. Targeted skills: Identifying main and supporting ideas

**6.2. Writing:** Narrative essays (continued)

6.2.1. Part 4: Editing your Writing.

6.2.2. Part 5: Putting it All Together

**Nội dung 7**

**7.1. Reading:**

7.1.1. Unit 11: The changing family

8.1.2. Targeted skill: Identifying fact versus Opinion

**7.2. Writing:** Opinion essays

7.2.1. Part 1: Stimulating ideas

7.2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining

7.2.3. Part 3: Developing your ideas

**Nội dung 8**

**8.1. Reading:**

8.1.1. Unit 12: Education

8.1.2. Targeted skill: Arguing for and against a topic

**8.2 Writing:** Opinion essays (continued)

8.2.1. Part 4: Editing your Writing.

8.2.2. Part 5: Putting it All Together

**Nội dung 9**

**9.1. Reading:**

9.1.1. Unit 13: The mystery of memory

9.1.2.Targeted skill: Skimming for the main idea

**9.2 Writing:** Comparison and contrast essays

9.2.1. Part 1: Stimulating ideas

9.2.2.Part 2: Brainstorming & Outlining

9.2.3. Part 3: Developing your ideas

### **Nội dung 10**

**10.1. Reading:**

10.1.1.Unit 14: The art world

10.1.2.Targeted skill: Scanning

**10.2 Writing:** Unit 5: Comparison and contrast essays (continued)

10.2.1. Part 4: Editing your Writing.

10.2.2. Part 5: Putting it All Together

### **Nội dung 11**

**11.1. Reading:**

11.1.1.Unit 15: Modern Shakespeare

11.1.2.Targeted skill: Logical and chronological sequencing

**11.2 Writing:** Unit 6: Cause and effect essays

11.2.1. Part 1: Stimulating ideas

11.2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining

11.2.3. Part 3: Developing your ideas

### **Nội dung 12**

**12.1. Reading:**

12.1.1.Unit 16: Transport and innovations

12.1.2.Targeted skill: Inferring

**12.2. Writing:** Cause and effect essays (continued)

12.2.1.Part 4: Editing your Writing.

12.1.2.Part 5: Putting it All Together

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. Alice Savage & Patricia Mayer.(2005).*Effective Academic Writing 2*.CUP

2. Keil J.Anderson (2003). *Active Skills for Reading/Book 3*, Heine and Heine.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Cambridge Prelementary English Test 5. (2014). Cambridge University Press

2. Cambridge Prelementary English Test 6. (2014). Cambridge University Press

3. Cambridge Prelementary English Test 7.(2014). Cambridge University Press

## 29. KỸ NĂNG NGHE NÓI 3

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Phát triển kỹ năng tiếng Anh, Khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 2

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ trung cấp liên quan đến nội dung chủ đề như: Xúc cảm, ngôn ngữ cơ thể, giáo dục, y học, nghề nghiệp...

*Năng lực đạt được:* Người học hiểu được và sử dụng được từ vựng, các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như diễn đạt được cảm xúc, cảm giác (vui, buồn, ngạc nhiên, thất vọng...); so sánh các sự vật hiện tượng (phương pháp học tập, tiện ích của công nghệ, tiến bộ của y học...); biết trình bày quan điểm và đưa ra nhận xét về cách lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần:

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Người học áp dụng được từ vựng và cấu trúc để giao tiếp trong nhà hàng, khách sạn, trường học, bệnh viện, bảo tàng v.v. trình bày được cảm xúc, sử dụng được ngôn ngữ cơ thể trong một số tình huống cụ thể; miêu tả được tình trạng sức khỏe.v.v.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học nghe được từ khoá, xác định được thông tin chi tiết, hiểu được nội dung chính, nhận biết được thái độ, quan điểm của người nói; nhận biết được sự đồng tình hoặc phản đối và có thể phân biệt được các âm riêng lẻ hoặc từ có âm tương tự trong khi nghe đồng thời rèn luyện cách phát âm thông qua các tình huống thực tế trong nội dung của học phần. Người học trình bày được quan điểm của mình về một nội dung hay chủ đề nào đó, diễn đạt tình huống ngôn ngữ qua cách đóng vai, kỹ năng làm việc theo cặp/ nhóm.

**2.3. Mục tiêu về thái độ:** Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Nội dung 1: Getting acquainted

1. Vocabulary: Vocabulary of names & introduction

2. Listening skills:

- 2.1. Listening for key words
- 2.2. Listening for main ideas
- 2.3. Listening for specific information
- 2.4. Listening for gist
- 2.5. Listening for details
- 2.6. Listening for numbers

3. Speaking skills

3.1. Expressions of what to do during a conversation; discussion topics; expressions of problem-solving attitudes.

3.2. Targeted skills:

3.3. Greeting

3.4. Describing successful conversations

3.5. Problem solving

3.6. Discussing about attitudes toward problem solving.

4. Targeted skills:

4.1. The way to express opinions

4.2. The way to make recommendations

#### Nội dung 2: Expressing yourself

1. Vocabulary:
  - 1.1. Adjectives to describe feelings
  - 1.2. Non-American English words and expressions.
2. Listening
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations

#### Speaking

- 3.1. Giving advice;
- 3.2. Describing feelings;
- 3.3. Discussing meanings of gestures;

### **Nội dung 3: Crime and punishment - Truth and lies**

1. Vocabulary related to crime and punishment
2. Listening skills
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Identifying truth and lies
3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying truth and lies
  - 3.1. Vocabulary related to types of crime and criminals
  - 3.2. Statements on attitudes toward crime.
4. Targetted skills:
  - 4.1. Discussing crimes, punishments and attitudes toward crime;
  - 4.2. Discussing crime movies;
  - 4.3. Speculating about a possible crime.

### **Nội dung 4: Lost and found - Surprises and superstitions**

1. Vocabulary:
  - 1.1. Adjectives to describe the effects of viewing optical illusions;
  - 1.2. Words related to superstitions.
2. Listening skills
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Identifying truth and lies
  - 2.5. Listening for key words
  - 2.6. Listening for specific information (object descriptions)
3. Speaking skills:
  - 3.1. Discussing strange pictures
  - 3.2. Creating stories
  - 3.3. Telling stories
  - 3.4. Talking about superstitions

### **Nội dung 5: Education and learning.**

1. Vocabulary:
  - 1.1. Adjectives to describe the effects of viewing optical illusions;
  - 1.2. Words related to superstitions.
2. Listening skills
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details

- 2.3. Listening for explanations
- 2.4. Identifying truth and lies
- 2.5. Listening for key words
- 2.6. Listening for specific information (object descriptions)
- 3. Speaking skill:
  - 3.1. Discussing study technique
  - 3.2. Creating stories
  - 3.3. recalling the first day of school and more recent details
  - 3.4. Talking about kinds of classes

### **Nội dung 6: Fame and fortune - Success**

- 1. Vocabulary:
  - 1.1. Important qualities for success; sayings about money.
  - 1.2. Words related to clothes.
- 2. Listening skills
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Identifying hope, dream and ambition
  - 2.5. Listening for key words
  - 2.6. Listening for specific information
- 3. Speaking skills:
  - 3.1. Identifying clothes
  - 3.2. Sayings about money
  - 3.3. Discussing the importance of money
  - 3.4. Talking about successful and famous people

### **Nội dung 7: Around the world - Looking back**

- 1. Vocabulary
  - 1.1. Vocabulary of languages; words related to customs.
  - 1.2. Words related to customs.
- 2. Listening skills
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Identifying cause and effect
  - 2.5. Listening for key words
  - 2.6. Listening for specific information
- 3. Speaking skills:
  - 3.1. Identifying customs
  - 3.2. Sayings customs
  - 3.3. Discussing behavior in various situations
  - 3.4. Talking about languages and language problems

### **Nội dung 8: Media - Mind and body**

- 1. Vocabulary:
  - 1.1. Adjectives to describe healthy and unhealthy activities
  - 1.2. Words related to stress/ health treatment
- 2. Listening skills
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations

- 2.4. Identifying cause and effect
- 2.5. Listening for key words
- 2.6. Listening for specific information
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Identifying media types ,sequence and places
  - 3.2. Discussing stress and how to reduce it.
  - 3.3. Giving advice/ explaining exercises
  - 3.4. Talking about healthy and unhealthy situations
- 4. Bài KT giữa kì

### **Nội dung 9: Impression - Mind and body**

- 1. Vocabulary
  - 1.1. Adjectives to describe ads; corporate slogans, product selling points; types of shoppers; types of advertising
  - 1.2. Words related to advertising
- 2. Listening skills
  - 2.1. Listening for specific information
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for complaints
  - 2.4 Identifying cause and effect
  - 2.5. Listening for key words
  - 2.6. Listening for specific information
- 3. Speaking skills:
  - 3.1. Identifying media types, sequence and places
  - 3.2. Discussing company slogans and brands.
  - 3.3. Describing impressions of ads
  - 3.4. Talking about advertising and types of shoppers

### **Nội dung 10: Good communication - Relationships**

- 1. Vocabulary:
  - 1.1. Vocabulary qualities important for friendship; relationships;
  - 1.2. Words related to friendship; relationships
- 2. Listening skills
  - 2.1. Listening for specific information
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for complaints
  - 2.4. Identifying methods of communication
  - 2.5. Listening for key words
  - 2.6. Listening for specific information
- 3. Speaking skills:
  - 3.1. Identifying media types, sequence and places
  - 3.2. Discussing company slogans and brands.
  - 3.3. Describing qualities of friendship
  - 3.4. Talking about marriage / friends/ a perfect partner

### **Nội dung 11: Travel and tourism**

- 1. Vocabulary
  - 1.1. Vocabulary related to travel advice
  - 1.2. Typical vacation activities
  - 1.3. Words found in travel brochures
  - 1.2. Words related to friendship and relationships
- 2. Listening skills

- 2.1. Listening for specific information
- 2.2. Listening for details
- 2.3. Listening for complaints
- 2.4. Identifying plans and arrangements
- 2.5. Listening for key words
- 2.6. Listening for specific information
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Giving travel advice
  - 3.2. Discussing company slogans and brands.
  - 3.3. Describing vacations/ a fantastic trip
  - 3.4. Talking about plans

## **Nội dung 12: Personal qualities - Employment**

- 1. Vocabulary
  - 1.1. Vocabulary related to jobs; potential job skill; interviewing tips
  - 1.2. Words related to Jobs
- 2. Listening skills
  - 2.1. Listening for specific information
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Identifying qualities, jobs and activities
  - 2.4. Identifying stressed words and reductions
  - 2.5. Listening for key words
  - 2.6. Listening for specific information
- 3. Speaking skills
  - 3.1. Discussing interviewing tips
  - 3.2. Recommending jobs.
  - 3.3. Role-playing job interviews
  - 3.4. Talking about typical jobs

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

### **Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

- 1. Leo Jones. (2002). *Let's Talk 3*. Cambridge University Press. (1)
- 2. Jack C.Richards. (2002). *Expanding tactics for listening*. Oxford University Press. (2)

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

- 1. *Cambridge First Certificate in English 1* (2015). (FCE). Cambridge University Press.
- 2. *Cambridge First Certificate in English 2* (2015). (FCE). Cambridge University Press.
- 2. *Cambridge First Certificate in English 3* (2015). (FCE). Cambridge University Press.



### 30. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 3

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn PTKN tiếng Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng đọc viết 2

#### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm những bài đọc ở mức độ tiên B2 về các chủ đề tình yêu và hôn nhân, văn hóa, thời trang, y học, nghệ thuật, giao thông...; cách viết bài luận năm đoạn về quá trình, nguyên nhân, kết quả, tranh luận, phân loại và phản hồi.

- *Năng lực đạt được:* Người học có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự ở mức độ tiên B2; có thể viết một bài luận hoặc một báo cáo, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp. Kết thúc học phần người học đạt tiên bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

#### 2. Mục tiêu của học phần

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng đọc và kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ tiên B2 về các chủ đề khác nhau; có kiến thức về cách lập dàn ý, cách viết đoạn mở bài, thân bài và kết luận của một bài luận dài; có khả năng đọc như suy luận, biết tìm nội dung chính của bài đọc và phân tích các bài đọc hiểu có văn phong khác nhau, có chủ đề đa dạng; có khả năng viết một bài luận dài hoàn chỉnh, thực hành cách lập dàn ý, cách viết đoạn mở bài, viết câu luận đề, cách phát triển nội dung luận đề và cách viết phần kết luận.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học thành thạo các kỹ năng khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đồng thời phát triển một số kỹ năng đọc khác như cách nhận biết ý chính, ý hỗ trợ của mỗi đoạn, logic của bài đọc, phân biệt sự thật và ý kiến; có kỹ năng viết một bài luận dài thể loại mô tả, kể chuyện, đưa ra ý kiến, nguyên nhân, và kết quả.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

#### 3. Nội dung chi tiết học phần

##### Nội dung 1

Course Introduction/Orientation

1. Reading:

1.1. Lesson 1: Reaping the Rewards of Learning English

1.2. Lesson 2: Can you believe what you read

1.3. Targeted skills:

1.3.1. Scanning for details

1.3.2. Guessing new words in context

2. Writing: Unit 1: The Five- Paragraph Essay

##### Nội dung 2

1. Reading:

1.1. Lesson 1: The Fine Art of Self-Handicapping

1.2. Lesson 2: Online friendship

1.3. Targeted skills:

1.3.1. Skimming for the main idea.

1.3.2. Identifying meaning from context

2. Writing: Unit 1: The Five- Paragraph Essay(continued)

##### Nội dung 3

1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: The Arts are Essential
  - 1.1. What is intelligence?
  - 1.2. Targeted skills:
    - 1.2.1. Identifying main ideas within paragraphs
    - 1.2.2. Identifying cause and effect
2. Writing: Unit 2: Process Analysis Essays.
  - 2.1. Part 1. Stimulating your ideas
  - 2.2. Part 2. Brainstorming your outlining
  - 2.3. Part 3. Developing your ideas

#### **Nội dung 4**

1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Chinese Medicine
  - 1.2. Lesson 2: why so clumsy?
  - 1.3. Targeted skills:
    - 1.3.1. Skimming for main ideas
    - 1.3.2. Identifying main and supporting ideas
2. Writing: Unit 2: Process Analysis Essays(continued)
  - 2.1. Part 4. Editing your writing
  - 2.2. Part 5. Putting it all together

#### **Nội dung 5**

1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Frogs and Human Health
  - 1.2. Lesson 2: True story completion
  - 1.3. Targeted skills: Identifying meaning from context
2. Writing: Unit 3: Cause and Effect Essays
  - 2.1. Part 1: Stimulating ideas
  - 2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining
  - 2.3. Part 3: Developing your ideas

#### **Nội dung 6**

1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: How Color Can Change Your Life
  - 1.2. Lesson 2: Misunderstanding
  - 1.3. Targeted skills: Identifying main and supporting ideas
2. Writing: Unit 3: Cause and Effect Essays (continued)
  - 2.1. Part 4: Editing your Writing.
  - 2.2. Part 5: Putting it All Together

#### **Nội dung 7**

1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Brain Power's Sliding Scale
  - 1.2. Lesson 2: Interview
  - 1.3. Targeted skill: Identifying fact versus Opinion
2. Writing: Unit 4: Argumentative Essays.
  - 2.1. Part 1: Stimulating ideas
  - 2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining
  - 2.3. Part 3: Developing your ideas

#### **Nội dung 8**

1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Cracking Down on Computer Crime

- 1.2. Lesson 2: Declutter your life
- 1.3. Targeted skill: Arguing for and against a topic
- 2. Writing: Unit 4: Argumentative Essays. (continued)
- 2.1. Part 4: Editing your Writing.
- 2.2. Part 5: Putting it All Together

### **Nội dung 9**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Valuable By-Products of Space Research
  - 1.2. Lesson 2: Blogs: domestic disasters
  - 1.3. Targeted skill: Skimming for the main idea
- 2. Writing: Unit 5: Classification Essays
  - 2.1. Part 1: Stimulating ideas
  - 2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining
  - 2.3. Part 3: Developing your ideas

### **Nội dung 10**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: How to Analyze an Ad
  - 1.2. Lesson 2: The problem with witnesses
  - 1.3. Targeted skill: Scanning
- 2. Writing: Unit 5: Classification Essays (continued)
  - 2.1. Part 4: Editing your Writing.
  - 2.2. Part 5: Putting it All Together

### **Nội dung 11**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Big Blunders from Big Business
  - 1.2. Lesson 2: The truth about gossip
  - 1.3. Targeted skill: scanning
- 2. Writing: Unit 6: Reaction Essays
  - 2.1. Part 1: Stimulating ideas
  - 2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining
  - 2.3. Part 3: Developing your ideas

### **Nội dung 12**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: How to set yourself on fire
  - 1.2. Lesson 2: Doing a ratter
  - 1.3. Targeted skill: Inferring
- 2. Writing: Reaction Essays (continued)
  - 2.1. Part 4: Editing your Writing.
  - 2.2. Part 5 : Putting it All Together

### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Keil J. Anderson (2003). *For Your Information /Book 3*. Heine and Heine.
2. Alice Savage & Patricia Mayer.(2005). *Effective Academic Writing 3*. Cambridge University Press.

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. *Cambridge First Certificate in English 4* (2015). (FCE). Cambridge University Press.
2. *Cambridge First Certificate in English 5* (2015). (FCE). Cambridge University Press.
3. *Cambridge First Certificate in English 6* (2015). (FCE). Cambridge University Press.

## 31. KỸ NĂNG NGHE NÓI 4

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn PTKN tiếng Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 3

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần gồm từ vựng, cấu trúc câu liên quan đến các chủ đề như: văn hóa-xã hội, môi trường, y tế, giáo dục, người nổi tiếng, khoa học vũ trụ, luật lệ, khoa học và công nghệ ...những kỹ năng ngôn ngữ như trình bày quan điểm, thể hiện ý kiến cá nhân, tạo ra những tình huống .

*Năng lực đạt được:* Người học nghe hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại nội dung các chủ đề đã học; hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ; theo dõi được bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các vấn đề xã hội khi bài nói có cấu trúc rõ ràng; giao tiếp độc lập, có lập luận và cấu trúc khá mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học áp dụng được các kỹ năng nghe để so sánh hoặc liên hệ các thông tin trong khi nghe, suy đoán, xác định thông tin chính xác, xác định ý nghĩa của một số thành ngữ được sử dụng trong các bài nghe về chủ đề văn hóa-xã hội, môi trường, y tế, giáo dục v.v; giúp người biết cách kết hợp, sử dụng từ vựng, cấu trúc một cách khá nhuần nhuyễn trong lời nói như cách đưa ra ý kiến, quan điểm của cá nhân, tranh luận, thuyết phục. Kết thúc học phần, người học đạt được trình độ tương đương B2 mức 1.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học nghe hiểu được thông tin chi tiết, nội dung chính, suy luận, nhận biết được thái độ, quan điểm của người nói; trình bày được quan điểm của mình, đóng vai, thuyết trình.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Nội dung 1: The Fame Game

1. Course Introduction
2. Vocabulary Entertainment
3. Listening: Multiple-choice questions
  - 3.1. Listening for main ideas
  - 3.2. Listening for specific information
4. Speaking: Orientation and tips for listening and speaking
  - 4.1. Predicting vocabulary from pictures
  - 4.2. Giving personal information
  - 4.3. Giving a reason
  - 4.4. Using variety of language

#### Nội dung 2: Expressing yourself

1. Vocabulary: Choosing the right word in context
2. Listening: Completing Sentences
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Thinking about what kind of information missing
3. Speaking: Discussing Photos

- 3.1. Predicting vocabulary from pictures
- 3.2. Giving personal information
- 3.3. Giving a reason
- 3.4. Using variety of language
- 3.5. Comparing Speculating

### **Nội dung 3: Just the Job**

- 1. Vocabulary: Using the right word in context, phrasal verbs
- 2. Listening: Multiple choice questions on short extracts
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Using listening time effectively/ predicting
- 3. Speaking: Discussing Photos
  - 3.1. Answering questions about yourself
  - 3.2. Talking about your plans
  - 3.3. Giving personal information
  - 3.4. Using variety of language
- 4. Test No1

### **Nội dung 4: Tough Love**

- 1. Vocabulary: Idioms and expressions/ Personality adjectives
- 2. Listening: Multiple choice questions on a long text
  - 2.1. Identifying key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Focusing on what to listen for
- 3. Speaking: Discussing Photos
  - 3.1. Answering questions about yourself
  - 3.2. Talking about your plans
  - 3.3. Giving personal information
  - 3.4. Exchanging ideas
  - 3.5. Expressing opinions
  - 3.6. Reaching a conclusion

### **Nội dung 5: Use your head**

- 1. Vocabulary: Collocation with do; make; have; take
- 2. Listening: Multiple choice questions
  - 2.1. Making notes
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Focusing on what to listen for
- 3. Speaking: Making choices
  - 3.1. Using correct question words
  - 3.2. Talking about your plans
  - 3.3. Giving personal information
  - 3.4. Exchanging ideas
  - 3.5. Using correct intonation
  - 3.6. Reaching a conclusion

### **Nội dung 6: Face value**

- 1. Vocabulary:
  - 1.1. Order of adjectives

- 1.2. Word formation
- 1.3. Predicting vocabulary
- 2. Listening: Multiple matching
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Using listening time effectively/ predicting
- 3. Speaking: Discussing Photos
  - 3.1. Identifying place, situation
  - 3.2. Discussing & justifying opinion
  - 3.3. Expanding your answers
  - 3.4. Using variety of language
- 4. Test No2

### **Nội dung 7: The world in our hands**

- 1. Vocabulary: Science and Technology
  - 1.1. Choosing the right word to fit the context
  - 1.2. Word formation
  - 1.3. Predicting vocabulary
- 2. Listening: Multiple choice questions
  - 2.1. Listening for key words
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Using listening time effectively/ predicting
- 3. Speaking: Making choice
  - 3.1. Identifying topic
  - 3.2. Understanding topic
  - 3.3. Expanding your answers
  - 3.4. Giving reasons
- 4. Bài KT giữa kì

### **Nội dung 8: Eat right, Stay fit**

- 1. Vocabulary: Phrasal verbs: do up; give up; put on; run out of; wash up; idioms
  - 1.1. Order of adjectives
  - 1.2. Word formation
  - 1.3. Predicting vocabulary
- 2. Listening: Multiple choice questions on short extracts
  - 2.1. Listening while making notes
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Making short notes
- 3. Speaking: Making a choice
  - 3.1. Giving reasons
  - 3.2. Discussing & justifying opinion
  - 3.3. Expanding your answers
  - 3.4. Using variety of language

### **Nội dung 9: Shop around & Relationship**

- 1. Vocabulary: Fashion idioms
  - 1.1. Giving sure words fit grammatically
  - 1.2. Word formation
  - 1.3. Predicting vocabulary

2. Listening: Completing sentences
  - 2.1. Listening while making notes
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Listening for explanations
  - 2.4. Making short notes
3. Speaking: Asking for an opinion
  - 3.1. Giving reasons
  - 3.2. Discussing & justifying opinion
  - 3.3. Expanding your answers
  - 3.4. Using variety of language

### **Nội dung 10: Shopping**

1. Vocabulary: Words related to Shopping
2. Listening
  - 2.1. Predicting answers
  - 2.2. Things you buy
3. Speaking
  - 3.1. Expressing agreeing
  - 3.2. Expressing disagreeing
  - 3.3. Reaching a conclusion

### 4. Test No3

### **Nội dung 11: Breaking the Rules - Relationship**

1. Vocabulary: Crime
2. Listening: Multiple choice questions
  - 2.1. The ways to fulfill the tasks
  - 2.2. How to complete the requirements
3. Speaking: Giving your opinion
  - 3.1. Crime and punishment
  - 3.2. Checking each option
  - 3.3. Understanding opinions
  - 3.4. Expressing a negative opinion
  - 3.5. Giving a balanced view

### **Nội dung 12: Tourist attractions**

1. Vocabulary: Words related to tourist attractions
  - 1.1. Word formation
  - 1.2. Affixes
2. Listening: Multiple matching
  - 2.1. Changing word internally
  - 2.2. Paraphrasing
3. Speaking: Comparing photos
  - 3.1. Identifying topic, location
  - 3.2. Identifying location
  - 3.3. Expressing opinion

### **Nội dung 13: Get away!**

1. Vocabulary: Holidays
  - 1.1. Prepositions
  - 1.2. Compound words
2. Listening: Multiple choice questions
  - 2.1. Predicting
  - 2.2. Identifying opinion,



### 2.3. Identifying Attitude

## 3. Speaking

### 3.1. Discussing photos

### 3.2. Expressing opinion

## 4. Test No4

### 4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### 6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### 7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

### 9. Tài liệu tham khảo chính:

#### 9.1. Giáo trình chính:

1. Miles Craven. (2008). *Real Listening and Speaking 3*. Cambridge University Press.

2. Guy Brook Hart & Vanessa Jakeman. (2012) *Complete IELTS B2*. Cambridge University Press.

#### 9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge First Certificate in English 4 (2015). (FCE). Cambridge University Press. (1)

2. Cambridge First Certificate in English 5 (2015). (FCE). Cambridge University Press. (2)

## 32. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 4

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn PTKN tiếng Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng đọc viết 3

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần gồm những bài đọc ở mức độ B2 về các chủ đề danh tiếng, trái đất, luật lệ, khoa học và công nghệ ...; cách viết bài luận năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, cách viết thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim...

- *Năng lực đạt được:* Người học hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự ở mức độ trung cấp; viết bài luận năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim... Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu phức tạp, kỹ năng đọc, kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ B2 về các chủ đề khác nhau của cuộc sống. Đồng thời, người học có kiến thức về cách viết bài luận năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim...

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học thành thạo kỹ năng tìm kiếm nhanh thông tin chi tiết trong bài, biết xác định quan điểm của tác giả, có thể đọc nhanh hơn, biết cách tìm đồng nghĩa trong bài. Người học có thể viết năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim...

### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Nội dung 1

#### Course Introduction/Orientation

#### Reading:

1. Lesson 1: Shayne's dream come true – but will they be shattered?
2. Lesson 2: Australian culture and culture shock
3. Targeted skills:
  - 3.1. Dealing with unknown vocabulary
  - 3.2. Multiple choice questions
  - 3.3. True/false/not given

#### Writing:

1. A formal letter
2. Writing task 1 IELTS: Graphs and charts

#### Nội dung 2

#### Reading:

1. Lesson 1: Beware of the Snake
2. Lesson 2: Organic food: why?
3. Targeted skills:
  - 3.1. Gapped paragraphs
  - 3.2. Matching missing sentences to paragraphs
  - 3.3. Matching headings

#### Writing:

1. Writing Stories
2. Writing task 2 IELTS: A task with 2 questions

#### Nội dung 3

**Reading:**

1. Lesson 1: Behind the scenes
2. Lesson 2: Reading practice (Unit 1+2 in the Work Books)
3. Targeted skills:
  - 3.1. Multiple choice questions
  - 3.2. Locating information in a text

**Writing:**

1. An informal letter
2. Practice writing task 1+2: Graphs and charts+A task with 2 questions

**3. Progress Test No.1****Nội dung 4****Reading:**

1. Lesson 1: Brat Camp
2. Lesson 2: Why don't babies talk like adult?
3. Targeted skills:
  - 3.1. Multiple matching
  - 3.2. Looking for paraphrases

**Writing:**

1. An informal letter
2. Writing task 1 IELTS: Summarizing trends in graphs and tables

**Nội dung 5****Reading:**

1. Lesson 1: That'll teach 'em!
2. Lesson 2: The World Wide Web from its origins
3. Targeted skills:
  - 3.1. Multiple choice questions
  - 3.2. Locating information in a text

**Writing:**

1. An essay: Balancing for and against
2. Writing task 2 IELTS: Agree or Disagree?

**Nội dung 6****Reading:**

1. Lesson 1: Body image
2. Lesson 3: Reading practice (Unit 3+4 in the Work Books)
3. Targeted skills:
  - 3.1. Gapped paragraphs
  - 3.2. Finding the right sentences to fit the gaps

**Writing:**

1. A formal letter
2. Practice writing task 1+2:
3. Summarizing trends in graphs and tables
4. Writing task 2 IELTS: Agree or Disagree?

**5. Mid-term test****Nội dung 7****Reading:**

1. Lesson 1: Smart Museum
2. Lesson 2: Out of Africa: solar energy from Sahara
3. Targeted skills:
  - 3.1. Multiple choice questions

### 3.2. Finding specific information in a text

#### **Writing:**

1. Writing A film review
2. Writing Diagram

#### **Nội dung 8**

#### **Reading:**

1. Lesson 1: Super chef extraordinaire
2. Lesson 2: The way the brain buys
3. Targeted skills:
  - 3.1. Multiple matching
  - 3.2. Saving time when looking for specific information in a text

#### **Writing:**

1. Writing A report
2. Writing Advantages and disadvantages

#### **Nội dung 9**

#### **Reading:**

1. Lesson 1: Are logos in or out?
2. Lesson 2: Reading practice (Unit 5+6 in the Work Books)
3. Targeted skills:
  - 3.1. Gapped paragraphs
  - 3.2. Missing sentences

#### **Writing:**

1. Writing An email
2. Writing Advantages and disadvantages

#### **4. Progress Test No.2**

#### **Nội dung 10**

#### **Reading:**

1. Lesson 1: I wish I hadn't...
2. Lesson 2: The truth
3. Targeted skills:
  - 3.1. Multiple matching
  - 3.2. Looking for words with similar meaning
  - 3.3. Identify writer's opinion and attitude

#### **Writing:**

1. Writing An essay
2. Writing Chart/Graph

#### **Nội dung 11**

#### **Reading:**

1. Lesson 1: The Mummy's Curse
2. Lesson 2: Passage about restoring a dress
3. Targeted skills:
  - 3.1. Multiple-choice questions
  - 3.2. Making sure you answer questions correctly

#### **Writing:**

1. Writing A story
2. Writing Chart/Graph

#### **Nội dung 12**

#### **Reading:**

1. Lesson 1: USA teen summer camps

2. Lesson 2: Reading practice (Unit 7+8 in the Work Books)

4. Targeted skills:

4.1. Multiple-choice questions

4.2 How to do reading tasks more quickly

**Writing:**

1. An article

2. Practice writing essay discussing two opinions

**3. Progress Test No.3**

**4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1.Elaine Boyd, Mary Stephen (2008). *Activate - B2 - Student Book*.Pearson Longman.(HLBB 1)

2. Guy Brook-Hart, Vanessa Jakeman. (2012). *Complete IELTS - B2 - Student Book*.Cambridge University Press. (HLBB 2)

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. *Cambridge First Certificate in English 4* (2015). (FCE).Cambridge University Press.

2.*Cambridge First Certificate in English 5* (2015). (FCE).Cambridge University Press.

### 33. KỸ NĂNG NGHE NÓI 5

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn PTKN tiếng Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 4

#### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần gồm từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ cao liên quan đến các chủ đề như: các vấn đề về tự nhiên, xã hội, văn hóa, chính trị, giáo dục, du lịch, thương mại v.v. Những kỹ năng nghe nói như thuyết trình, thảo luận, suy luận, miêu tả sự vật hiện tượng mang tính trừu tượng.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nghe hiểu được nội dung chính các bài thuyết trình khá dài khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn. Có thể thuyết trình về một chủ đề nhất định, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

#### 2. Mục tiêu của học phần:

##### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học áp dụng được những kỹ năng nghe nói nâng cao để nghe những bài thuyết trình khá dài với nội dung đa dạng. Người học sử dụng được từ vựng và cấu trúc ngôn ngữ để diễn tả nội dung những chủ đề khá phức tạp về văn hóa – xã hội, chính trị khoa học v.v.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học nghe hiểu và xác định được thông tin chi tiết, định được nội dung chính, suy luận, nhận biết được thái độ, quan điểm của người nói; hình dung được tình huống đang xảy ra trong đoạn hội thoại, bài diễn thuyết. Người học vận dụng được những ngữ liệu đã học để trình bày quan điểm, đóng vai, tranh luận, thảo luận về những vấn đề khá phức tạp về văn hóa – xã hội, chính trị khoa học v.v.

##### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

#### 3. Nội dung chi tiết học phần

##### Nội dung 1: Something to shout about

##### 1. Language focus and Vocabulary:

- 1.1. Success & Achievements
- 1.2. Special occasions
- 1.3. Career qualities
- 1.4. Feelings
- 1.5. Collocation and Idioms
- 1.6. Phrasal verbs

##### 2. Listening

- 2.1. Listening for gist & detail
- 2.2. Blank filling
- 2.3. Multiple matching

##### 3. Speaking

- 3.1. Asking for advice
- 3.2. Giving advice
- 3.3. Expressing opinions
- 3.4. Expressing uncertainty
- 3.5. Responding to news
- 3.6. Comparing and contrasting

##### Nội dung 2: Escaped Artists

##### 1. Language focus/Vocabulary:

- 1.1. Free time and entertainment: film, theatre, holiday
- 1.2. Descriptive adjectives
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for gist
  - 2.2. Listening for detail
  - 2.3. Blank filling
  - 2.4. Multiple matching
- 3. Speaking
  - 3.1. Negotiating
  - 3.2. Reaching agreement

### **Nội dung 3: Escaped Artists**

- 1. Language focus/Vocabulary:
  - 1.1. Descriptive adjectives end in-y
  - 1.2. Prefixes
  - 1.3. Phrases
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for gist
  - 2.2. Listening for detail
  - 2.3. Blank filling
  - 2.4. Multiple matching
- 3. Speaking
  - 3.1. Negotiating
  - 3.2. Reaching agreement

### **4. Progress Test No1**

### **Nội dung 4: People Power**

- 1. Language focus/Vocabulary:
  - 1.1. Words related to Character
  - 1.2. Words related to Relationships
  - 1.3. Idioms
  - 1.4. Fix phrases with “of”
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for gist
  - 2.2. Listening for details
  - 2.3. Blank filling
  - 2.4. Multiple matching
- 3. Speaking
  - 3.1. Giving/reacting to advice;
  - 3.2. Offering/accepting/rejecting an apology;
  - 3.3. Comparing; Contrasting

### **Nội dung 5: Growing Concerns**

- 1. Language focus/Vocabulary:
  - 1.1. Words related to Social
  - 1.2. Words related to community issues / problems and solutions
  - 1.3. Words related to law
  - 1.4. Words related to crimes and punishments
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for specific information
  - 2.2. Blank filling
  - 2.3. Multiple matching

- 3. Speaking
  - 3.1. Giving/reacting to advice;
  - 3.2. Offering/accepting/rejecting an apology
  - 3.3. Comparing; Contrasting

#### **Nội dung 6: Growing Concerns**

- 1. Language focus/Vocabulary:
  - 1.1. Science & technology
  - 1.2. Idioms
  - 1.3. Phrasal verbs
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for specific information
  - 2.2. Blank filling
  - 2.3. Multiple matching
- 3. Speaking
  - 3.1. Agreeing/asking for justification;
  - 3.2. Comparing; Contrasting

#### **4. Progress Test No2**

#### **Nội dung 7: Our changing world**

- 1. Language focus/Vocabulary:
  - 1.1. Words related to Work/ work places
  - 1.2. Words related to business
  - 1.3. Words related to professions
  - 1.4. Idioms and phrasal verbs
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for gist
  - 2.2. Blank filling
  - 2.3. Multiple matching; note taking
- 3. Speaking
  - 3.1. Agreeing/asking for justification
  - 3.2. Comparing; Contrasting

#### **Nội dung 8: A job well done**

- 1. Language focus/Vocabulary:
  - 1.1. Suffixes
  - 1.2. Idioms and phrasal verbs for relaxing
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for detail
  - 2.2. Multiple choice; multiple matching; picture discussion
- 3. Speaking
  - 3.1. Making appointment;
  - 3.2. Describing
  - 3.3. Speculating and eliminating.
- 4. Bài KT giữa kì

#### **Nội dung 9: Upstream**

- 1. Language focus/Vocabulary:
  - 1.1. Words related to health, illnesses and medicine
  - 1.2. Words related to sport & fitness
  - 1.3. Idioms and phrasal verbs
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for detail



- 2.2. Multiple choice; multiple matching; picture discussion
- 3. Speaking
  - 3.1. Making appointment;
  - 3.2. Describing; speculating and eliminating.

### **Nội dung 10: Fit for Life**

- 1. Language focus/Vocabulary: Study places
  - 1.1. Methods of study
  - 1.2. Learning experience
  - 1.3. Idioms and phrasal verbs for studying
- 2. Listening
  - 2.1. Gap filling
  - 2.2. Multiple choices; multiple matching
- 3. Speaking
  - 3.1. Similarities and differences
  - 3.2. Justifying opinions
  - 3.3. Agreeing and disagreeing.

### **Nội dung 11: Live and Learn**

- 1. Language focus/Vocabulary: Escape
  - 1.1. Suffixes
  - 1.2. Idioms and phrasal verbs for life
- 2. Listening
  - 2.1. Listening for detail
  - 2.2. Multiple choice
  - 2.3. Multiple matching
  - 2.4. Picture discussion
- 3. Speaking
  - 3.1. Making appointment
  - 3.2. Describing
  - 3.2. Speculating and eliminating

### **4. Progress Test No3**

### **Nội dung 12: Live and learn**

- 1. Language focus/Vocabulary:
  - 1.1. Describing appearances
  - 1.2. film
  - 1.3. Fashion
  - 1.4. Clothing
  - 1.5. Professions
- 2. Listening
  - 2.1. Note taking
  - 2.2. Multiple choices
  - 2.3. Multiple matching
- 3. Speaking
  - 3.1. Likes and dislikes
  - 3.2. Expressing surprise
  - 3.3. Reporting emergencies.

### **Nội dung 13: The Image Business**

- 1. Language focus/Vocabulary: Shop
  - 1.1. Shopping
  - 1.2. Media

- 1.3. Advertising
- 1.4. Money
- 1.5. Products
- 1.6. Idioms
- 2. Listening
  - 2.1. Sentence completion
  - 2.2. Multiple choices
- 3. Speaking
  - 3.1. Ordering
  - 3.2. Complaining;
  - 3.3. Evaluating
  - 3.4. Selecting
  - 3.5. Discussing
  - 3.6. Giving opinion

#### **Nội dung 14: Shop Around**

- 1. Self-assessment Module 4
- 2. Consolidation and Revision
- 3. Progress Test No4

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

#### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

#### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

#### **Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Giáo trình chính:**

- 1. Miles Craven. (2008). *Real Listening and Speaking 3*. Cambridge University Press. (1)
- 2. Guy Brook Hart & Vanessa Jakeman. (2012) *Complete IELTS C1*. Cambridge University Press. (2)

##### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

- 1. *Cambridge IELTS Practice Test 9* (2011). Cambridge University Press. (1)
- 2. *Cambridge IELTS Practice Test 10* (2011). Cambridge University Press. (2)
- 3. *Cambridge Certificate in Advanced English 5*. (2008) Cambridge University Press. (3)

## 34. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 5

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn PTKN tiếng Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần gồm những bài đọc ở mức độ tiên C1 về các chủ đề khác nhau như: nghệ thuật, y học, công nghệ, kinh doanh, nghiên cứu...; cách mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp.

- *Năng lực đạt được:* Người học hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật; mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp. Kết thúc học phần người học đạt tiên bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Người học có vốn từ vựng nâng cao, cấu trúc câu phức tạp để có thể đọc hiểu những bài đọc ở mức độ tiên C1 về các chủ đề nghệ thuật, y học, công nghệ, kinh doanh, nghiên cứu...; có kiến thức về cách mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp; cách thức viết thư trang trọng và không trang trọng, cách viết bản báo cáo, đề xuất, cấu trúc và các bước viết bài luận thể hiện quan điểm, đưa ra giải pháp, nêu lên thuận lợi và bất lợi của một vấn đề.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học có kỹ năng tìm kiếm nhanh thông tin chi tiết trong bài, xác định quan điểm của tác giả, cách đọc nhanh hơn, cách tìm (cụm) từ đồng nghĩa trong bài; có kỹ năng viết thư trang trọng và không trang trọng, viết bản báo cáo, đề xuất, viết bài luận thể hiện quan điểm, đưa ra giải pháp, nêu lên thuận lợi và bất lợi của một vấn đề.

### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Nội dung 1: Something to shout about - Unit 1 Upstream

1. Course Introduction/Orientation
2. Reading:
  - 2.1. Lesson 1: How To Be a Winner
  - 2.2. Lesson 2: Life is good! Why Do We Feel Bad
  - 2.3. Lesson 3: English in use
3. Writing: Writing a formal letter/an informal letter
4. Target skills:
  - 4.1. Text analysis
  - 4.2. Scanning for details

#### Nội dung 2: Escaped Artists - Unit 2 Upstream

1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: The Book Of The Century
  - 1.2. Lesson 2: Lonely Enough For You
  - 1.3. Lesson 3: English in use
2. Writing: Writing a review
3. Target skills:
  - 3.1. Gapped paragraphs
  - 3.2. Matching missing sentences to paragraphs

### **Nội dung 3: Escaped Artists - Unit 2 Upstream& Unit 1 IELTS Advantage**

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: Successful Transitions – One Man’s Story

1.2. Lesson 2: Getting Away From It All

#### 2. Writing: Advantages/disadvantages essays 1: Living Abroad

#### 3. Target skills:

3.1. Multiple choice questions

3.2. Locating information in a text

### **Nội dung 4: People Power - Unit 3 Upstream**

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: Generations Apart

1.2. Lesson 2: Confidence Lab

1.3. Lesson 3: English in use

#### 2. Writing: Writing an article

#### 3. Target skills:

3.1. Multiple matching

3.2. Looking for paraphrases

#### 4. Progress Test No 1

### **Nội dung 5: Growing Concerns - Unit 4 Upstream**

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: I Can See You

1.2. Lesson 2: Judgment Day

1.3. Lesson 3: English in use

#### 2. Writing: Writing reports and proposals

#### 3. Target skills:

3.1. Multiple choice questions

3.2. Locating information in a text

### **Nội dung 6: Growing Concerns**

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: The Making of A Hero

1.2. Lesson 2: Teaching is “one of the least popular jobs in the UK”

#### 2. Writing: Problem and solution essays 1: Education and teaching

#### 3. Target skills:

3.1. Gapped paragraphs

3.2. Finding the right sentences to fit the gaps

### **Nội dung 7: Our changing world**

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: The Search for Artificial Intelligence

1.2. Lesson 2: Moonstruck

1.3. Lesson 3: English in Use

#### 2. Writing: Opinion essays 1: Crime

#### 3. Target skills:

3.1. Multiple choice questions

3.2. Finding specific information in a text

#### 4. Mid-term test:

### **Nội dung 8: A job well done**

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: From Dusk till Dawn

1.2. Lesson 2: Getting a Life

- 1.3. Lesson 3: English in Use
- 2. Writing: Writing a business report/a letter of application
- 3. Target skills:
  - 3.1. Multiple matching
  - 3.2. Saving time when looking for specific information in a text

### **Nội dung 9: A job well done**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Hollywood Hopefuls
  - 1.2. Lesson 2: Putting on a suit for breakfast
- 2. Writing: Advantages and disadvantages essays 2: Work
- 3. Target skills:
  - 3.1. Gapped paragraphs
  - 3.2. Missing sentences

### **Nội dung 10: Fit for Life**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Eureka
  - 1.2. Lesson 2: Whistle While You Work
  - 1.3. Lesson 3: English in Use
- 2. Writing: Problem and solution essay 2: Cities
- 3. Target skills:
  - 3.1. Multiple matching
  - 3.2. Looking for words with similar meaning
  - 3.3. Identify writer's opinion and attitude
- 4. Progress Test No.2:

### **Nội dung 11: Live and Learn- Unit 8 Upstream**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: How I Got My First-Class Degree
  - 1.2. Lesson 2: You Can Make Me Do It, But You Can't Make Me Like It.
  - 1.3. Lesson 3: English in Use
- 2. Writing: Opinion Essays 2: Running a business
- 3. Target skills:
  - 3.1. Multiple-choice questions
  - 3.2. Making sure you answer questions correctly

### **Nội dung 12: Live and learn**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Learning to live
  - 1.2. Lesson 2: English in Use
- 2. Writing: Graphs with a trend
- 3. Target skills: Multiple-choice questions

### **Nội dung 13: The Image Business**

- 1. Reading:
  - 1.1. Lesson 1: Something of an Oddity
  - 1.2. Lesson 2: More than Meets the Lens...
  - 1.3. Lesson 3: English in Use
- 2. Writing: Comparative graphs
- 3. Target skills: gapped paragraphs
- 4. Progress Test No.3

### **Nội dung 14: Shop Around**

- 1. Reading:

1.1. Lesson 1: The Cost of Convenience

1.2. Lesson 2: Those Crazy Kids

1.3. Lesson 3: English in Use

2. Writing: Processes and maps

**4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. Karen Blanchard, Christine Root. (2015). *For Your Information 3: High-Intermediate Reading Skills*. Addison-Wesley Publishing Company.

2. Richard Brown and Lewis Richards (2012). *Ielts Advantage Writing Skills*. Delta Publishing.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. *Cambridge IELTS Practice Test 9* (2011). Cambridge University Press.(1)

2. *Cambridge IELTS Practice Test 10* (2011). Cambridge University Press.(2)

3. *Cambridge Certificate in Advanced English 5*. (2008 ) Cambridge University Press.(3)

## 35. KỸ NĂNG NGHE NÓI 6

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn PTKN tiếng Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 5

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần gồm từ vựng mang tính học thuật liên quan đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống xã hội, cấu trúc câu phức hợp; một số kỹ năng nghe nói nâng cao như đưa ra ý kiến tranh luận, thuyết trình, tường thuật v.v.

- *Năng lực đạt được:* Người học hiểu được các bài giảng hay những bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói tự nhiên, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc. Hiểu được những vấn đề tinh tế, phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi như pháp luật, tài chính; truyền đạt chính xác các sắc thái ý nghĩa tinh tế với độ chính xác cao. Thay đổi được cách diễn đạt để tránh gặp khó khăn khi giao tiếp và thể hiện một cách trôi chảy đến mức người đối thoại khó nhận ra điều đó. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học sử dụng thành thạo từ vựng, cấu trúc câu, theo dõi và hiểu được những bài nói dài về những chủ đề phức tạp và trừu tượng, các cuộc trò chuyện sôi nổi giữa những người bản ngữ, những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học nghe hiểu các thông tin cụ thể nhất định từ các thông báo công cộng với âm thanh có nhiễu như nhà ga, sân bay; nghe hiểu được hầu hết các bài giảng cũng như các cuộc thảo luận và tranh luận; diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn. Làm chủ được vốn từ vựng và có thể dễ dàng diễn đạt ý của mình.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### **Nội dung 1: Course Introduction/Orientation/ Change and consequences**

##### 1. Targeted skills:

- 1.1. Understand when someone is being ironic
- 1.2. Predicting in tables
- 1.3. Develop and maintain a conversation
- 1.4. Use intonation to indicate emotions

#### **Nội dung 2: I am looking for a camera - The importance of the past**

##### 1. Targeted skills:

- 1.1. Identifying signpost phrases
- 1.2. Describing past event
- 1.3. Negotiate and get a good deal
- 1.4. Return an item to a shop and give an explanation
- 1.5. Introducing and instructing how to use a product or service
- 1.6. Understanding instructions on using a product or service

##### 2. Project 1: Introduction to a new product or service and instructions on how to use them

#### **Nội dung 3: I need to see a doctor - Machines, cycles, and processes**

##### 1. Targeted skills:

- 1.1. Information in flowcharts
- 1.2. Understand a doctor's diagnosis

- 1.3. Understand technical information and instructions on operating a gadget/machine.
- 1.4. Enquire about and register for health services
- 1.5. Discussion questions
- 1.6. Expressing views

## 2. Project 2: Technical instructions

### **Nội dung 4: Education**

#### 1. Targeted skills:

- 1.1. Identifying campus contexts
- 1.2. Describing everyday problems and speculate about causes and consequences
- 1.3. Giving advice and make strong recommendations
- 1.4. Understand public announcements

#### 2. Project 3: Public announcements

### **Nội dung 5: What a lot of red tape!- Youth**

#### 1. Targeted skills:

- 1.1. Understand official processes
- 1.2. Understanding maps
- 1.3. Understand the language of TV/radio shows
- 1.4. Ask about official processes
- 1.5. Advantages and disadvantages

#### 2. Project 4: TV/radio shows

### **Nội dung 6: What a great view- Culture**

#### 1. Targeted skills:

- 1.1. Understanding layout
- 1.2. Predicting from notes
- 1.3. Understand lectures
- 1.4. Show visitors around your home town
- 1.5. Expressing preferences

#### 2. Project 5: Lectures

### **Nội dung 7: Arts and Sciences**

#### 1. Targeted skills:

- 1.1. Understand detailed requirements
- 1.2. Understand arguments and discussions
- 1.3. Make polite requests and explain what you want
- 1.4. Specify requirements and justify your reasons
- 1.5. Expressing others' view

#### 2. Project 6: Arguments and discussions

### **Nội dung 8: This is your office - Nature**

#### 1. Targeted skills:

- 1.1. Understand and explain company's structures
- 1.2. understand roles and responsibilities
- 1.3. Changing opinion
- 1.4. Talking about roles and responsibilities
- 1.5. Describing presents
- 1.6. Making presentations
- 1.7. Playing the roles of interviewers and interviewees

#### 2. Project 7: Interviews

### **Nội dung 9: Health**

#### 1. Targeted skills:



- 1.1. Handle customer complaints
- 1.2. Predicting in tables
- 1.3. Put forward solutions
- 1.4. Emphasizing main points
- 1.5. Making presentations

## 2. Project 8: Presentations

### **Nội dung 10: Individual and society**

#### 1. Targeted skills:

- 1.1. Make and take calls successfully
- 1.2. Paraphrasing questions
- 1.3. Take and leave messages
- 1.4. Places and feeling
- 1.5. Summing up impression
- 1.6. Making presentations

#### 2. Project 8: Presentations (Cont.)

### **Nội dung 11: Let's take a closer look**

#### 1. Targeted skills:

- 1.1. Understand detailed information
- 1.2. Take notes effectively
- 1.3. Understand hints and jokes
- 1.4. Ask detailed questions for further information
- 1.5. Describe information in charts and graphs
- 1.6. Summarize what you've heard

#### 2. Project 8: Presentations (Cont.)

### **Nội dung 12: I work well under pressure**

#### 1. Targeted skills:

- 1.1. Understand detailed course requirements/
- 1.2. Understand library services and procedures
- 1.3. Talk about your study plans in detail
- 1.4. Ask for opinions and recommendations

#### 2. Project 9: Hints and jokes

### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

### **Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

- (1) Sally Burgess & Amanda Thomas. (2014). *Gold Advanced Course*. Pearson Longman. (1)
- (2) Jane Short. (2014). *Improve Your Speaking Skills*. MacMillan Publisher. (2)

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

- (1) Vanessa Jakeman and Clare McDowell (2001). *Cambridge Practice Tests for IELTS*  
11. Cambridge University Press.
- (2) Vanessa Jakeman and Clare McDowell (2001). *Cambridge Practice Tests for IELTS*  
12. Cambridge University Press.
- (3) *Cambridge Certificate in Advanced English 6*. (2008.) Cambridge University Press.

## 36. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 6

- Số tín chỉ: 3 (27,20,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn PTKN tiếng Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng đọc viết 5

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần gồm những bài đọc ở mức độ C1 về các chủ đề phức tạp; cách xác định được các chi tiết tinh tế như thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng; cách mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ, cách viết bài luận, viết thư trang trọng, không trang trọng ở mức độ nâng cao.

*Năng lực đạt được:* Người học hiểu các loại văn bản dài, phức tạp, xác định được các chi tiết tinh tế như thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng, có thể tóm tắt các đoạn văn bản dài, khó; có thể mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ, viết bài luận, viết thư trang trọng, không trang trọng ở mức độ nâng cao. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### 2. Mục tiêu của học phần

**2.1. Mục tiêu về kiến thức:** Người học có vốn từ vựng nâng cao, cấu trúc câu phức tạp để có thể đọc hiểu những bài đọc ở mức độ C1 về các chủ đề đa dạng của cuộc sống được trích ra từ sách, truyện, báo, tạp chí. Đồng thời, người học có kiến thức về cách mô tả đồ thị, sơ đồ, bảng biểu, bản đồ, cách viết bài luận thể hiện ý kiến, giải pháp cho một vấn đề, nguyên nhân-kết quả, lợi ích-bất lợi, thảo luận hai mặt của một vấn đề.

**2.2. Mục tiêu về kỹ năng:** Người học có thể đọc tìm kiếm ý chính, chi tiết và hiểu những hàm ý, quan điểm và thái độ trong bài đọc. Người học có thể viết bài mô tả đồ thị, sơ đồ, bảng biểu, bản đồ, kỹ năng viết bài luận thể hiện ý kiến, giải pháp cho một vấn đề, nguyên nhân-kết quả, lợi ích-bất lợi, thảo luận hai mặt của một vấn đề.

### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Nội dung 1

Course Introduction/Orientation

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: More than just streetwise

1.2. Lesson 2: English in use

1.3. Targeted skills: - Multiple choice

#### 2. Writing:

2.1. Understanding visual prompts

2.2. Analysing the question

#### Nội dung 2

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: How to have a conversation

1.2. Lesson 2: English in use/ Vocabulary focus

1.3. Targeted skills: - Gapped text

#### 2. Writing:

2.1. Describing a line graph

2.2. Generating ideas for an essay

#### Nội dung 3

#### 1. Reading:

1.1. Lesson 1: What diaries can and can't do for you

1.2. Lesson 2: English in use

1.3. Targeted skills: Cross-text multiple matching

2. Writing:

2.1. Describing a chart

2.2. Selecting and organizing ideas for an essay

#### **Nội dung 4**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: The museum of failed products

1.2. Lesson 2: English in use

1.3. Targeted skills:- Multiple choice

2. Writing:

2.1. Describing a process

2.2. Signposting a sequence of events

3. Progress Test No.1:

*Reading:* Part(s) of CAE reading test

*Writing:* Describing a line graph/a chart

#### **Nội dung 5**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: The price of happiness

1.2. Lesson 3: English in use

1.3. Targeted skills:

1.3.1. Multiple matching

1.3.2. Guessing unknown vocabulary

2. Writing:

2.1. Writing an introduction

2.2. Describing a diagram

#### **Nội dung 6**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: Dead interesting

1.2. Lesson 2: English in use

1.3. Targeted skills:

1.3.1. Understanding text structure

1.3.2. Finding the right sentences to fit the gaps

2. Writing:

2.1. Interpreting a table

2.2. Signposting main points

2.3. Modifying statements

#### **Nội dung 7**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: A product any other might not taste

1.2. Lesson 2: English in Use

Targeted skills: Gapped text

2. Writing:

2.1. Working with two visual prompts

2.2. Developing supporting examples

3. Mid-term test

#### **Nội dung 8**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: Expats in New York

1.2. Lesson 2: English in Use

1.3. Targeted skills: Cross-text multiple matching

2. Writing:

2.1. Developing and linking supporting examples

2.2. Writing the conclusion

### **Nội dung 9**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: How to rebuild your own brain

1.2. Lesson 2: English in use

1.3. Targeted skills: Gapped texts

2. Writing:

2.1. Using cohesive devices

2.2. Writing topic sentences

### **Nội dung 10**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: Future food

1.2. Lesson 3: English in Use

1.3. Targeted skills: - Multiple matching

2. Writing:

2.1. Avoiding repetition by use of synonyms

2.2. Using appropriate vocabulary

3. Progress Test No.2

### **Nội dung 11**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: Online dating the way to find Mr or Mrs Right?

1.2. Targeted skills: - Multiple-choice questions

2. Writing: Account essays (problem and solutions, causes and effects, advantages and disadvantages)

### **Nội dung 12**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: Sounds of silence

1.2. Lesson 2: English in Use

1.3. Targeted skills: - Multiple matching

2. Writing: Opinion essays

### **Nội dung 13**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: Beneath the façade

1.2. Lesson 3: English in Use

1.3. Targeted skills: Cross-text multiple matching

2. Writing:

2.1. Discussion

2.2. Opinion essays

3. Progress Test No.3

### **Nội dung 14**

1. Reading:

1.1. Lesson 1: Nikola Tesla: the ultimate geek?

1.2. Lesson 3: English in Use

1.3. Targeted skills:

1.3.1. Gapped text

1.3.2. Strategies for doing the final test

2. Writing: Two questions essays

**4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

- (1) Sally Burgess & Amanda Thomas. (2014). *Gold Advanced Course*. Pearson Longman.(1)
- (2) Jane Short. (2014). *Improve Your Speaking Skills*. MacMillan Publisher. (2)

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

- (1) Vanessa Jakeman and Clare McDowell (2001).*Cambridge Practice Tests for IELTS 11*.Cambridge University Press.
- (2) Vanessa Jakeman and Clare McDowell (2001).*Cambridge Practice Tests for IELTS 12*.Cambridge University Press.
- (3) *Cambridge Certificate in Advanced English 6*. (2008. ) Cambridge University Press.(3)

### 37. CÔNG NGHỆ TRONG DỊCH THUẬT

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH & PPGD T.Anh, trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 2, Kỹ năng Đọc viết 2

#### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các vấn đề về tầm quan trọng của công nghệ trong dịch thuật, kỹ năng xử lý văn bản sử dụng các phần mềm, định dạng tập tin và phục hồi bộ nhớ dịch. Cách sử dụng cabin dịch, cách cài đặt và ứng dụng một số phần mềm dịch.

*Năng lực đạt được:* Người học nắm vững được kiến thức căn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật. Thực hiện được các thao tác với văn bản nói, viết như: lồng tiếng trong file audio, chèn âm thanh và hình ảnh trong file video thông qua ứng dụng các phần mềm. Ứng dụng các phần mềm trực tuyến và không trực tuyến như Ginger, Babylon vv... để hỗ trợ công tác dịch thuật. Biết thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện như dịch cabin vv...

#### 2. Mục tiêu học phần

##### 2.1. Mục tiêu kiến thức

- Người học có kiến thức về vai trò của công nghệ trong dịch thuật, biết cách thức thao tác văn bản nói và viết sử dụng một số phần mềm chuyên dụng.

##### 2.2. Mục tiêu kỹ năng

- Người học biết cách định dạng một văn bản sau khi đã dịch xong như: văn bản word, pdf; chèn và biên tập file âm thanh, chèn phụ đề phim hoặc video vv...

2.3. *Mục tiêu về thái độ:* Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

#### 3. Nội dung chi tiết học phần:

Học phần gồm các nội dung sau:

##### **Chapter 1: Introduction**

1.1 Technology-assisted

interpreting

1.2. Interpreting modes and opportunities for technology

1.3. Terminology tools for interpreters

1.4. Note-taking applications

1.5. Voice recording and interpreter training

##### **Chapter 2**

2.1. Different approaches to structuring the computer applications related to translation

2.2. Classification of Translation Technology tools and resources

2.3. The translator's computer equipment

2.4. Text edition and desktop publishing

2.5. Language tools and resources

2.6. Translation tools

##### **Chapter 3: Editing audio and video**

3.1. Create, save, edit audio file

3.2. Change the type of file

3.3. Create, edit video file

##### **Chapter 4: Operating machines in translation**

4.1. Softwares for translation

4.2. Modern devices for interpreting: Introduction

4.3. How to use the cabin in simultaneous interpreting

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

#### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

#### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Austerlitz, Frank. 2001. *Electronic tools for translators*. Manchester: St. Jerome Publishing.

2. Allen, Jeff. 2003. "Post-editing". Harold Somers, ed. *Computers and Translation. A Handbook for Translators*. Amsterdam: John Benjamins

##### **9.2. Tài liệu tham khảo**

3. Bowker, Lynne. 2002. *Computer-Aided Translation Technology. A Practical Introduction*. Ottawa: Presses de l'Université d'Ottawa.

4. Somers, Harold ed. 2003. *Computers and Translation. A Handbook for Translators: John Benjamins. Translation Studies*.



## 38. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

- Số tín chỉ: 2(18,12,12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NNVH&PPGD T.Anh
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Chương trình học phần Kỹ năng thuyết trình gồm những nội dung cơ bản như những vấn đề thường gặp trong khi thuyết trình, xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình gồm cách chuẩn bị các bài phát biểu thuộc các thể loại khác nhau, cách chuẩn bị và sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình, cách giữ bình tĩnh khi nói trước đông người, cách sử dụng ngôn ngữ cử chỉ.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản môn học vào giải quyết các vấn đề trong quá trình chuẩn bị và trình bày bài thuyết trình, thực hiện được những bài thuyết trình ngắn có liên quan đến ngành học một cách thuyết phục, có hiệu quả.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Những vấn đề thường gặp trong khi thuyết trình, xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình gồm cách chuẩn bị các bài phát biểu thuộc các thể loại khác nhau, cách chuẩn bị và sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình, cách giữ bình tĩnh khi nói trước đông người, cách sử dụng ngôn ngữ cử chỉ.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng giải quyết những vấn đề thường gặp trước, trong và sau khi thuyết trình: xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình thuộc các thể loại khác nhau, sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình. Có kỹ năng giữ bình tĩnh, tự tin khi nói trước đông người và sử dụng ngôn ngữ cử chỉ để thực hiện bài thuyết trình có hiệu quả.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### CHƯƠNG I: GENERAL PROBLEMS

##### 1.1. Anxiety and confidence in public speaking

1.1.1. Discover how people feel about public speaking, and why you have nothing to fear but fear itself!

1.1.2. Learn how important it is to speak with confidence in all areas of your life, both personal and public discourse, and what makes an effective public speaker.

##### 1.2. Misconceptions about communication in public speaking.

1.2.1. Find out what we mean when we talk about communication and explore some of the most common misconceptions about communication.

1.2.2. Explore the different kinds of public speaking tasks, arranged in alphabetical order for quick and easy reference.

#### CHƯƠNG II: PLANNING THE SPEECH

##### 2.1. Need analysis

2.1.1. Analyze an audience's interests, level of knowledge, and specific requirements and learn how to match your speech to their needs.

2.1.2. Decide on an organizational pattern, and research information.

##### 2.2. How to deal with listener's objections and move the audience to belief or action

2.2.1. Use accurate logic, powerful appeals to emotion, and trust to overcome the listener objections and move the audience to belief or action.

2.2.2. The skills you need if you are called on to speak at ceremonial occasions that build goodwill.

### **CHƯƠNG III: WRITING THE SPEECH**

#### 3.1. Selection of language for a presentation

3.1.1. Select the words that most accurately convey your meaning, suit your personal speaking style, and mesh with the audience and occasion.

3.1.2. Take your ideas and arrange them in an outline.

#### 3.2. Finalising a presentation

3.2.1. Flesh out a framework with effective details, examples, and support.

3.2.2. End a speech with power and assurance, correct errors, and select a title

### **CHƯƠNG IV: DELIVERING THE SPEECH**

#### 4.1. Preparation for a presentation

4.1.1. Create and use visual aids to add a fuller dimension to your speeches

4.1.2. Discover why rehearsal is so crucial to a smooth, successful public speaking event and how to rehearse.

#### 4.2. Bettering a presentation

4.3. Learn the importance of posture and mannerisms to a successful speech

#### 4.4. Ways to Overcome Stage Fright

### **CHƯƠNG V: PRACTICE**

#### 5.1. Practice planning a presentation

#### 5.2. Practice delivering a presentation

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

#### **Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Rod Ellis (2015). *Giving presentations*. NXB Longman

2. Susan M.Reinhart (2002). *Giving Academic Presentations*. The university of Michigan Press.

##### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Mark Powell (2003). *Presenting in English*. Cambridge University Press

2. Johanna Rendle-Short (2004). *The academic presentation: situated talk in action*. Oxford: Oxford University Press

## 39. VĂN HÓA ANH MỸ

- Số tín chỉ: 2 (18,24,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH&PPGD T.Anh
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* - Giới thiệu sơ qua về lịch sử nước Anh, khái quát quá trình hình thành và phát triển của nước Mỹ.

- Lần lượt giới thiệu về bản sắc dân tộc, giá trị văn hoá, thái độ, quan điểm và chính kiến của người Anh, người Mỹ thông qua các bài đọc.

- Giới thiệu về phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ.

- Giới thiệu về hệ thống chính trị, kinh tế, giáo dục của các nước Anh và Mỹ.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào giải quyết các vấn đề trong đời sống xã hội. Sử dụng được những kiến thức về triết học trong khoa học liên ngành.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Sinh viên nắm và vận dụng, trình bày được những vấn đề liên quan đến văn hoá cơ bản về hai nước nói tiếng Anh lớn là Anh và Mỹ như thể chế chính trị, quan điểm thái độ, chính phủ, nền giáo dục, món ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ, thủ tục truyền thống, các giá trị văn hóa.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên thông qua việc liên tục yêu cầu sinh viên đọc hiểu những bài đọc dài có nội dung về văn hoá Anh, văn hoá Mỹ.

- Phát triển vốn từ vựng về văn hoá và vốn từ vựng tiếng Anh nói chung cho sinh viên.

- Phát triển kỹ năng trình bày, kỹ năng nói trước đám đông cho sinh viên thông qua việc làm presentations (theo nhóm) theo chủ đề hàng tuần trên lớp.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Introduction

1.1. Course introduction (Introduction of course syllabus, materials, policies, requirements, expectations)

1.2. Introduction about the UK: Country and people

1.2.1. Official name of the country

1.2.2. Geographical characteristics

1.2.3. The four nations: England, Scotland, Wales and Northern Ireland

1.2.4. The dominance of England

#### Chương 2: Attitudes (of British people)

1. Stereotypes about the British

2. British characteristics and identity

3. British attitudes towards animals and the countryside

#### Chương 3: British Monarchy

1. The appearance and the reality of the monarch

2. The role of the monarch

3. The value of the monarch

4. The future of the monarchy

#### Chương 4: British government

1. The cabinet
2. The Prime Minister
3. The civil service
4. Central and local government

#### **Chương 5: British Education system**

1. Organization of educational system and school system
2. School life
3. Exams

#### **Chương 6: British Food and drink**

1. British attitudes to food
2. British attitudes to eating out
3. Drinks and British pubs
4. Table manners

#### **Chương 7: Holidays and special occasions in Britain**

1. The importance in Holidays and tradition in British life
2. Traditional seaside holidays
3. Modern holidays
4. Christmas and New Year
5. Other notable annual occasions

#### **Chương 8: An overview of the USA**

1. Official name/ Capital/ Flag/ National Anthem
2. Geographical characteristics/ Climate
3. Population/ Ethnic groups

#### **Chương 9: The making of a nation**

1. Brief history of the country
2. The country of immigrants: old immigrants, recent immigrants
3. The assimilation of immigrants into American society

#### **Chương 10: American traditional beliefs and values**

1. The six American traditional values: individual freedom, self-reliance, equality of opportunity, competition, material wealth, hard work
2. The American Dream

#### **Chương 11: The political system**

1. The US government branches and institutions
2. Political parties
3. Election procedures

#### **Chương 12: Education in the United States**

1. The system of education in the US
2. Funding
3. Curriculum
4. The emphasis of education
5. Education quality

#### **Chương 13: Holidays and celebration**

1. The ten most important holiday in the US
2. Tradition of celebrating holidays in the US
3. The importance of holidays in the life of the US people

#### **Chương 14: American family values**

1. American people's attitudes towards family
2. Family traditions and values.
3. Stability and changes in the family

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. James O'driscoll. 2012. *Britain*. Oxford University Press
2. Hoang Thi Xuan Hoa, et al. 2005. *American studies*. Đại học ngoại ngữ Đại học Quốc gia Hanoi
3. Garwood, C., Gardani, G., & Peris, E. 2012. *Aspects of Britain and the USA*. Oxford University Press

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Falk, R. 2014. *Spotlight on the USA*. Oxford University Press
2. Fielder, E., Jansen, R., & Norman-Risch, M. 2014. *American in close-up*. Longman
4. Abraham, P., & Mackey, D. 2014. *Contact USA*. Prentice Hall Regents.

## 40. TỪ VỰNG – NGỮ NGHĨA HỌC

- Số tín chỉ: 2 (18,24,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Người học được cung cấp những định nghĩa, khái niệm quan trọng trong từ vựng, ngữ nghĩa học với các cấp độ ngôn ngữ như morphemes, forms, words, phrases, expressions, sentences, utterances,...; ở các cấp độ nghiên cứu như cấu trúc của từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh như shortening, conversion, derivation, compounding, affixation, ...; cách thức kết hợp từ, nguồn gốc và lịch sử của từ tiếng Anh; nghĩa của từ với nghĩa trực tiếp, nghĩa chuyển đổi, nghĩa trong cụm từ, nghĩa ngữ pháp – từ vựng, ...; nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Người học đồng thời tìm hiểu về các kiểu biên soạn từ điển trong tiếng Anh và các loại từ điển tiếng Anh.

*Năng lực đạt được:* Phân tích cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh; Phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ; Phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần này, người học nắm được:

- Một số khái niệm cơ bản về từ vựng học Tiếng Anh.
- Cấu trúc của từ tiếng Anh và Các phương thức cấu tạo từ.
- Nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn.
- Một số thủ thuật nghiên cứu khoa học về từ vựng học, ngữ nghĩa học.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Người học có thể mở rộng vốn từ vựng và kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa trong tiếng Anh để sử dụng trong giao tiếp hàng ngày, trong việc trình bày, diễn đạt các vấn đề liên quan đến quá trình học tập trong và ngoài lớp học..

- Nâng cao kỹ năng sử dụng từ tiếng Anh một cách linh hoạt, chính xác hơn trong quá trình học các học phần về Kỹ năng tiếng Anh như Nói, Nghe, Đọc, Viết.

- Hình thành và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh học thuật trong quá trình học các học phần về Ngôn ngữ - Văn hoá & PPGD TA: Ngữ âm, Ngữ pháp, Ngữ nghĩa học, Phân tích diễn ngôn, Ngữ dụng học, Giao thoa Văn hoá, Văn học Anh - Mỹ,...

- Người học có thể tiến hành một nghiên cứu liên quan đến việc học và dạy từ vựng, câu và phát ngôn tiếng Anh.

- Người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa học trong quá trình dạy học cũng như thực hành nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Người học nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của từ vựng, ngữ nghĩa trong quá trình sử dụng ngôn ngữ, tầm quan trọng của môn học trong chương trình đào tạo. Từ đó có ý thức tốt trong học tập và nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng vốn kiến thức về từ vựng và ngữ nghĩa của mình.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

## **Chương 1: Introduction and Course orientation**

### **1.1. Course orientation (Introduction of course syllabus, policies, expectations)**

1.1.1. Introduction to basic English lexicology and semantics

1.1.2. Definitions of key terms

### **1.2: Lexicology and its subject matters**

1.2.1. What is lexicology?

1.2.2. Significance of lexicology.

1.2.3. Lexicology in its relation to phonology and stylistics.

1.2.4. Some general characteristics of the English language.

## **Chương 2: Word structure and formation**

2.1. Word structure:

2.1.1 Morphemes:

2.1.2. its types

2.1.3. its meanings

2.2. Word formation

2.2.1. 8 ways of forming new words:

2.2.1.1. Affixation

2.2.1.2. Compounding

2.2.1.3. Shortening

- Conversion

- Sound imitation

- Sound and stress interchange

- Words from names

- Back derivation

2.3. What is Semantics?

2.3.1. The study of meaning.

2.3.2. The meanings of “meaning”

## **Chương 3: Semasiology**

### **3.1. Theories of meanings:**

3.1.1. Referential / denotational theory

3.1.2. Ideational / mentalistic theory

3.1.3. Behaviourist theory.

3.1.4. Meaning - in – use theory.

3.1.5. Verificationist theory.

3.1.6. Truth – conditional theory.

+ *Bloomfieldian theory.*

+ *Former Soviet Union theory.*

### **3.2. Semantic properties**

### **3.3. Meaning of words**

3.3.1. Types of meaning

- Lexical meaning

- Grammatical meaning

3.3.2. The components of lexical meaning

3.3.3. Types of lexical meaning

### **3.4. Lexical Semantics**

3.4.1. Words

3.4.2. Forms

3.4.3. Lexical meaning.

3.4.4. Grammatical meaning.

3.4.5. Sentence vs utterance.

3.4.6. Discourse

### **3.5. Components of the word – meaning**

3.5.1. Denotation meaning: Conceptual meaning, Referential.

3.5.2. Connotation meaning.

3.5.3. Structural meaning.

3.5.4. Categorical meaning.

3.5.4.1. Motivation of words

3.5.4.2. Polysemy and semantic structure

3.5.4.3. The stylistic aspect of English vocabulary

3.5.4.4. Polysemy, homonymy and context

3.5.4.5. Homonyms

3.5.4.6. Synonyms

3.5.4.7. Antonyms

+ Semantic change

+ Full and empty words

### **3.6. Lexical meaning**

3.6.1. Naming.

3.6.2. Denotation and reference

3.6.3. Sense and reference

3.6.4. Connotation and denotation.

## **Chương 4: Structural Semantics**

### **4.1. Structural Semantics**

4.1.1. Definition.

4.1.2. Types of sense relations.

4.1.2.1. Substitutional.

4.1.2.2. Combinatorial.

4.1.3. Other types of sense relations.

4.1.3.1. Hyponymy.

4.1.3.2. Part - whole relation.

4.1.3.3. Semantic Fields.

4.1.3.4. Paraphrases.

4.1.3.5. Lexical gaps.

4.1.3.6. Componential analysis: Definition.

4.1.3.7. Componential analysis:

4.1.3.8. Semantic properties.

4.1.3.9. Entailment and the truth of sentences.

### **4.2. Change and development of meaning**

### **4.3. Transference of meaning**

4.3.1. Metaphor.

4.3.1.1. Definition.

4.3.1.2. Cases of metaphor.

4.3.1.3. Types of metaphors

4.3.2 Metonymy.

4.3.2.1. Definition.

4.3.2.2. Cases of metonymy.

4.3.3. Hyperboles.

4.3.4. Litotes.

4.3.5. Irony.



4.3.6. Euphemisms

#### **4.4. Phraseology**

4.4.1. Definition and characteristics

4.4.2. Classification

4.4.3. Proverbs, idioms, quotations

4.4.4. Set expressions versus compound words

#### **4.5. Etymology**

4.5.1. Basic assumptions

4.5.2. Assimilation of borrowings

4.5.3. Barbarisms

4.5.4. Etymological doublets

4.5.5. International words

4.5.6. Causes of borrowing

### **Chương 5: Lexicography**

#### **5.1. Lexicography**

5.1.1. Major problems

5.1.2. Types of English dictionaries

#### **5.2. Main varieties of the English vocabulary**

5.2.1. Standard English variants and dialects in the U.K.

5.2.2. The American variant

5.2.2.1. Australian, Indian, and Canadian variants

### **Chương 6: The meaning of the sentence**

#### **6.1. The meaning of the sentence**

6.1.1. Definition.

6.1.2. Utterance: process – sense and product- sense.

6.1.3. Structural meaning of the sentence.

6.1.4. Grammaticality, acceptability and meaningfulness.

#### **6.2. Semantic structure of the sentence**

6.2.1. Three components:

6.2.2. Representational.

6.2.3. Interpersonal.

6.2.4. Textual.

#### **6.3. Representational meaning**

6.3.1. Process.

6.3.1.1. Definition.

6.3.1.2. Types.

6.3.2. Participants.

6.3.2.1. Definition.

6.3.2.2. Types.

6.3.3. Circumstances.

6.3.3.1. Definition.

6.3.3.2. Types.

### **Chương 7: Interpersonal meaning / modality**

#### **7.1. Speech act Semantics-**

7.1.1. Types of meaning in the light of Gricean theory

7.1.1.1. Definition

7.1.1.2. forms

7.1.1.3. functions

7.1.1.4. types

## **7.2. Discourse Semantics**

7.2.1. Definition, forms, functions, types, ...

7.2.2. Background knowledge and the interpretation of discourse meaning

7.2.2.1. Functions

7.2.2.2. Importance

## **Chương 8: Presupposition & Implicature**

**8.1. Definition, forms, functions, types, ...**

**8.2. Utterance meaning**

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

1. Hoàng Tất Trường, 2013. *Từ vựng học cơ bản tiếng Anh*. NXB ĐHNN –ĐHQG: HN

2. Nguyễn Hoà, 2004. *Understanding English Semantics*. NXB ĐHQG Ha Noi: HN

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Võ Đại Quang, 2003. *Lectures on Semantics*. NXB ĐHQG Ha Noi: HN

2. Stuart Redman, 2013. *English vocabulary in use*. Cambridge University Press: Cambridge (NXB Trẻ. HN)

## 41. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

- Số tín chỉ: 2 (28,14, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 7. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Học phần Văn hoá doanh nghiệp (Cross-cultural business communication) bao gồm các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, văn hoá công sở, doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần giúp phân biệt các nền văn hoá, và các cách thức giao tiếp của những người thuộc các nền văn hoá khác nhau. Bên cạnh đó, học phần có các nội dung là những gợi ý để giải quyết một số vấn đề thường gặp khi sống và làm việc trong một môi trường đa văn hoá như sốc văn hoá, rào cản về ngôn ngữ và những hạn chế trong hiểu biết về ngôn ngữ cử chỉ.

*Năng lực đạt được:* Người học nắm vững các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, giao tiếp liên văn hoá và vận dụng được những kiến thức này trong việc giao tiếp khi làm việc với các cá nhân đến từ các quốc gia hoặc nền văn hoá khác.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) khái niệm và giá trị về văn hoá, liên văn hoá, giao tiếp liên văn hoá.

Sinh viên mô tả được những ảnh hưởng của sự khác biệt văn hoá lên giao tiếp và biết cách tránh những lỗi sai khi giao tiếp.

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các cách thức giải quyết vấn đề khi giao tiếp với các cá nhân đến từ quốc gia hoặc nền văn hoá khác.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên thực hiện được kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hoá.

Sinh viên có kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng đàm phán khi tham gia tranh luận trong môi trường đa văn hoá.

**2.3. Mục tiêu về thái độ:** Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Workplace culture

1. Basics of culture
2. Understanding the basics of culture
3. Helping someone deal with culture shock
4. Cultural differences
5. Recognizing cultural differences

#### Chương 2: Differences in communication

1. Verbal communication
2. Identifying verbal communication differences
3. Identifying vocal quality differences
4. Nonverbal and written communication
5. Identifying nonverbal communication differences
6. Identifying written communication differences

#### Chương 3: Communicating across cultures

1. Building relationships
2. Building relationships across cultures
3. Establishing rapport and building trust

4. Listening and responding
5. Identifying the process for active listening
6. Providing positive and constructive feedback

**Chương 4: Overcoming communication barriers**

1. Cross-cultural communication barriers
2. Identifying cross-cultural communication barriers
3. Avoiding barriers
4. Avoiding cross cultural communication barriers
5. Interpreters
6. Using interpreters
7. Communicating through interpreters

**Chương 5: Cross-cultural business situations**

1. Cross-cultural meetings
2. Attending a cross-cultural meeting
3. Organizing a cross cultural meeting
4. Negotiating and problem solving
5. Following the negotiation steps

**Chương 6: Addressing cross-cultural issues**

1. Communicating with co-workers
2. Identifying the gestures used in various cultures
3. Building cross-cultural teams
4. Writing cross-culturally
5. Designing a document for translation
6. Translating written communication

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:**Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**\* Học liệu bắt buộc**

1. John N. Hooker (2008). *Cultural Differences in Business Communication*. Carnegie Mellon University.
2. Simon Sweeny (2008). *English for Business Communication*. CUP.

**\* Học liệu tham khảo**

1. Dibyendu Prasad Sahu, Tamizhselvam, K. Rajan & Chitra Prasad Rao (2011). *Cross-cultural Business Management*. India: Pondicherry University.
2. Edgar H. Schein (2004). *Organizational Culture and Leadership (3<sup>rd</sup> ed.)*. Jossey-Bass.

## 42. NGỮ DỤNG HỌC

- Số tín chỉ: 2 (18,24,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về các phạm trù ngữ dụng học như: mối quan hệ giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại, v.v...

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên vận dụng được các phạm trù của ngữ dụng học như: tiền giả định, nguyên tắc hợp tác trong hội thoại, vào các phương châm hội thoại của Grice, để phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, hiểu được nghĩa hàm ngôn, v.v...trong sử dụng ngôn ngữ.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần, SV có kiến thức về vấn đề liên quan đến ngữ dụng học, nắm được các khái niệm và các phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học bằng Tiếng Anh.

SV nắm được và có thể thực hiện được một số công trình nghiên cứu quy mô vừa phải về các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học như chỉ xuất, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định,...

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học có kỹ năng khai thác và phân tích dữ liệu, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm khi sưu tầm các tài liệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, khả năng tiếp cận và bước đầu nghiên cứu, trình bày các vấn đề liên quan đến môn học bằng tiếng Anh. Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thông qua các hoạt động trong và ngoài giờ trên lớp.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Introduction

- 1.1. Definitions and background
- 1.2. Definition of pragmatics
- 1.3. Four areas of linguistic analysis
- 1.4. Regularity
- 1.5. Pragmatics wastebasket
- 1.6. Q & A

#### Chương 2: Deixis and distance

- 2.1. Some terms
- 2.2. Deixis and its types:
- 2.3. Person deixis
- 2.4. Spatial deixis
- 2.5. Temporal deixis
- 2.6. Deixis and grammar
- 2.7. Q & A

#### Chương 3: Reference and inference

- 3.1. Some terms
- 3.2. Referential and attribute uses

- 3.3. Names and referents
- 3.4. Types of reference
  - 3.4.1. Anaphoric reference
  - 3.4.2. Cataphoric reference
  - 3.4.3. Zero anaphora/ Ellipsis
  - 3.4.4. Consolidation and Q&A

#### **Chương 4: Presupposition**

- 4.1. Definitions
- 4.2. Types of potential presupposition:
  - 4.2.1. Existential presupposition.
  - 4.2.2. Factive presupposition.
  - 4.2.3. Lexical presupposition.
  - 4.2.4. Structural presupposition.
  - 4.2.5. Non – factive presupposition.
  - 4.2.6. Counter – factual presupposition
- 4.3. The projection problem
- 4.4. Ordered entailments

#### **Chương 5: Cooperation and implicature**

- 5.1. Some terms
- 5.2. Cooperative principle
- 5.3. Hedges
- 5.4. Implicature
- 5.5. Types of implicature
  - 5.5.1. Conventional implicature
  - 5.5.2. Conversational implicature

#### **Chương 6: Speech acts and events**

- 6.1. Speech acts
- 6.2. IFIDs
- 6.3. Felicity conditions:
  - 6.3.1. General conditions.
  - 6.3.2. Content conditions.
  - 6.3.3. Preparatory conditions.
  - 6.3.4. Essential condition.
  - 6.3.5. Sincerity condition.
- 6.4. The performative hypothesis
- 6.5. Speech act classification
- 6.6. Speech events

#### **Chương 7: Politeness and interaction**

- 7.1. Some terms:
  - 7.1.1. Politeness
  - 7.1.2. Face
- 7.2. Strategies

##### ***Kiểm tra giữa kỳ***

Pre – sequences

#### **Chương 8: Conversation and preference structure**

- 8.1. Conversation analysis
- 8.2. Pauses, overlaps, and backchannels
- 8.3. Conversational style
- 8.4. Adjacency pairs

8.5. Preference structure

## **Chương 9: Discourse and culture**

9.1. Discourse analysis

9.2. Coherence

9.3. Background knowledge

9.4. Cultural schemata

9.5. Cross – cultural pragmatics

9.6. Q & A

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. George Yule (2003) *Pragmatics*. London: OUP

2. Jacob L.Mey (2001), *Pragmatics: An Introduction*. Blackwell

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Grice, H.P (2013), *Studies in the way of words*, Harvard Uni. Press, USA.

## 43a. NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

- Số tín chỉ: 3tc (27,36,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ - văn hóa và phương pháp giảng dạy, trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần

-*Nội dung học phần:* Học phần gồm những kiến thức nền tảng nhất của ngôn ngữ học tri nhận như sự ra đời, các xu hướng chính, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm và ý niệm hóa, phạm trù và phạm trù hóa, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận, phạm trù xuyên tâm, kết cấu, vấn đề hình/nền, mối quan hệ giữa ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa. Nội dung giáo trình hướng vào những vấn đề tranh luận mà ngôn ngữ học tri nhận đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm khơi gợi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của sinh viên.

-*Năng lực đạt được:* Người học nắm vững được những kiến thức nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận. Có tư duy phản biện để đánh giá những vấn đề môn học đặt ra.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được bối cảnh ra đời của ngôn ngữ học tri nhận
- Nắm được sự khác biệt của ngôn ngữ học tri nhận với các xu hướng ngôn ngữ học khác.
- Nắm được các khái niệm và thao tác phân tích của ngôn ngữ học tri nhận.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Biết vận dụng các khái niệm và thao tác phân tích của ngôn ngữ học tri nhận vào việc xử lí, giải thích các hiện tượng của tiếng Việt.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Thông qua môn học, xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích ngôn ngữ học nói chung và ngữ pháp tri nhận nói riêng. Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### Chương 1: Đại cương về ngôn ngữ học tri nhận

1. Sự ra đời của ngôn ngữ học tri nhận
2. Những giả định nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận.
3. Tư duy nghiệm thân.

#### Chương 2: Những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận

1. Ngữ nghĩa học tri nhận và ngữ pháp tri nhận
2. Một số khái niệm cơ bản

#### Chương 3 : Phổ quát và biến thể trong ngôn ngữ

1. Phổ quát trong tư duy và ngôn ngữ
  - Những mô hình xuyên ngôn trong hệ thống ngữ nghĩa
  - Những biến thể xuyên ngôn trong hệ thống ngữ nghĩa
2. Ngôn ngữ học tri nhận và Tương đối luận ngôn ngữ

#### Chương 4: Nghiệm thân và cấu trúc ý niệm

1. Sơ đồ hình ảnh
  - Sơ đồ hình ảnh là gì?
  - Sơ đồ hình ảnh và ngữ nghĩa
2. Cấu trúc ý niệm
  - Cấu trúc nghĩa
  - Hệ thống mang tính sơ đồ

#### Chương 5: Phạm trù hóa và điển mẫu

1. Phạm trù hóa



- Phạm trừ hóa và ngữ nghĩa học tri nhận
  - Lí thuyết cổ điển và lí thuyết điển mẫu
2. Lí thuyết điển mẫu
- Các nguyên tắc phạm trừ hóa
  - Lí thuyết điển dạng và những vấn đề của lí thuyết điển mẫu

#### **Chương 6: Ẩn dụ và hoán dụ tri nhận**

1. Ẩn dụ tri nhận
  - Ẩn dụ cổ điển
  - Ẩn dụ theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận
2. Hoán dụ tri nhận
  - Hoán dụ cổ điển
  - Hoán dụ theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận

#### **Chương 7: Phạm trừ xuyên tâm**

1. Đa nghĩa với tư cách là một hiện tượng mang tính ý niệm
2. Từ với tư cách là phạm trừ xuyên tâm

#### **Chương 8: Hình và nền**

1. Hình và nền, vật được định vị và mốc định vị
2. Biểu hiện của hình và nền trong cú pháp

#### **Chương 9: Ngữ pháp kết cấu**

1. Mô hình của ngữ pháp kết cấu
2. Giới thiệu một số cách tiếp cận

#### **Chương 10: Ngữ pháp hóa**

1. Bản chất của ngữ pháp hóa
2. Các nguyên tắc ngữ pháp hóa

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

#### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

#### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

#### **Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Học liệu bắt buộc**

1. Lý Toàn Thắng. Ngôn ngữ học tri nhận: từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt. Nxb KHXH, H. 2005

2. David Lee. Cognitive Linguistics-An Introduction. Nxb Oxford, 2001

##### **9.2. Học liệu tham khảo**

3. Trần Văn Cơ. Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ). Nxb. Khoa học 2007

4. Nguyễn Văn Hiệp. Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp. Nxb Giáo dục, H. 2007.

## 43b. PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

- Số tín chỉ: 2
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NNVH & PPGD T.Anh – Khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các bài học về các vấn đề cơ bản trong phân tích diễn ngôn tiếng Anh như: khái niệm về diễn ngôn và phân tích diễn ngôn (sơ lược), ngôn cảnh và vai trò của ngôn cảnh trong phân tích diễn ngôn, đặc biệt là diễn ngôn nói; liên kết và mạch lạc và mối liên hệ của chúng; tiền giả định, hàm ý hội thoại, nguyên tắc hợp tác hội thoại của Grice; các thành tố của hành động ngôn từ trong lời nói hàng ngày; chủ đề và khung chủ đề của diễn ngôn, cấu trúc thông tin đã biết và thông tin mới, cấu trúc đề/thuyết (sơ lược); các cách sơ đồ hoá một diễn ngôn; vai trò của lý thuyết nền trong việc diễn giải một diễn ngôn; các đường hướng phân tích diễn ngôn trong nghiên cứu tiếng Anh với vai trò là một ngoại ngữ.

*Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về diễn ngôn, các đường hướng nghiên cứu diễn ngôn để nghiên cứu các vấn đề về việc sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.

### 2. Mục tiêu của học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích ngôn bản tiếng Anh, giúp người học hiểu rõ các khái niệm của ngôn ngữ giao tiếp như: ngữ cảnh, liên kết, mạch lạc, tiền giả định, hàm ngôn, chủ đề và khung chủ đề, các đường hướng phân tích diễn ngôn đối với người học ngoại ngữ vv... Sinh viên có thể phân biệt giữa diễn ngôn và văn bản, tìm hiểu về liên kết và mạch lạc trong diễn ngôn tiếng Anh, xem xét các yếu tố của diễn ngôn như: hành động ngôn từ, ngữ cảnh, hàm ngôn, tiền giả định, ngữ pháp cốt truyện, chủ đề và khung chủ đề vv...

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có các kỹ năng học tập môn học nói riêng và học tập tiếng Anh nói chung như: khả năng làm việc nhóm khi sưu tầm các tài liệu liên quan đến bài học, kỹ năng trình bày một vấn đề trước lớp, kỹ năng soạn thảo và sắp xếp ý tưởng, trình bày một chủ đề trong bài tập lớn.

#### 2.1. Mục tiêu về thái độ

Người học được rèn luyện để có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Lesson 1

- 1.1. Definitions of discourse analysis
- 1.2. Language in use
- 1.3. A process which is socially situated

#### Lesson 2: Discourse and text

- 2.1. The emotive function
- 2.2. The phatic function
- 2.3. The referential function
- 2.4. The poetic function
- 2.5. The metalinguistic function
- 2.6. The directive function
- 2.7. The contextual function
- 2.8. Interactional vs. transactional function

2.9.Spoken and written language

**Lesson 3: The standards of a discourse-Cohesion**

3.1.Cohesion and coherence

3.2. Intentionality and Acceptability

3.3. Informativity

3.4. Relevance

3.5. Intertextuality

**Lesson 4: Cohesive devices**

4.1Substitution

4.1Ellipsis

4.3.Parcelling

4.4.Structural parallelism

4.5.Logical cohesive devices

4.6.Lexical cohesive devices

**Lesson 5: Context and the role of context in discourse analysis**

5.1.What is context?

5.2.According to Firth

5.3.According to Halliday

5.4.According to Hymes

5.5.Context and cotext

5.6.The principle of local interpretation

5.7.The principle of analogy

**Lesson 6: Variations in D.A**

6.1.Reference

6.2.Presupposition

6.3.Implicature

6.4.Presupposition triggers

6.5.Distinction between presupposition and implicature

**Lesson 7**

7.1.Revision

Mid-term test

**Lesson 7: Speech acts**

7.1.Performatives

7.2.Locution

7.3.Illocution

7.4.Perlocution

7.5.Types of performatives

**Lesson 8: Discourse topic and the representation of discourse content (1)**

8.1.Discourse topic

8.2.Topic framework

8.3.Presupposition pool

8.4.Relevance and speaking topically

8.5.Topic boundary markers

8.6.Memory for text grammar: story grammars

**Lesson 9: Topic and the representation of discourse content (2)**

9.1.Relevance and speaking topically

9.2.Topic boundary markers

9.3.Memory for text grammar: story grammars

**Lesson 10: The representation of discourse structure**

- 10.1.The linearisation of discourse
- 10.2.Theme
- 10.3.Thematisation/staging
- 10.4.Information structure
- 10.5.Discourse structure

### **Lesson 11: Using background knowledge in the interpretation of discourse content**

- 11.1.Computing knowledge
- 11.2.Scripts
- 11.3.Scenarios
- 11.4.Shemata
- 11.5.Frame

### **Lesson 12: Towards a discourse analysis framework**

- 12.1.The notion of culture
- 12.2.Approaches to discourse analysis
- 12.3.Situation of D.A

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Học liệu bắt buộc**

1. Nguyễn Hoà (2000). *Introduction to Discourse Analysis*. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội
2. Hoàng Văn Vân. (2005). *Introducing Discourse Analysis*. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội

##### **9.2. Học liệu tham khảo**

3. Nunan, D. (2013). *Introducing Discourse Analysis*. London: Penguin.
4. Jaworski, A & Coupland, N. (2015). *The Discourse Reader*. London and New York: Routledge.

## 44a. GIAO THOA VĂN HÓA

- Số tín chỉ: 2 (21,18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc về giao tiếp giao văn hoá của người ở các nước nói tiếng Anh gồm: các thuật ngữ và nguyên tắc khi học môn học; chào hỏi, tự giới thiệu, cấu trúc hội thoại của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại của người Việt Nam, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi... Ngoài ra, học phần cũng góp phần nâng cao các kỹ năng toàn diện cho sinh viên trong việc học tiếng Anh, thông qua việc nghe giảng bằng tiếng Anh, đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh, làm bài tập lớn bằng tiếng Anh và trình bày một vấn đề liên quan đến những nội dung trên bằng ngôn ngữ đích. Bên cạnh đó, người học còn được tạo điều kiện được thực hành một số kỹ năng giao tiếp văn hoá các nước nói tiếng Anh sau khi học lý thuyết.

*Năng lực đạt được:* Người học có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Biết cách điều tiết trong giao tiếp như: chào hỏi, tự giới thiệu, hiểu rõ về cấu trúc hội thoại của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại của người Việt Nam, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi.

### 2. Mục tiêu của học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giao tiếp giao văn hoá của các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Úc, Canada, ... Đồng thời, sinh viên có thể liên hệ so sánh với giao tiếp văn hoá của người Việt Nam. Sinh viên cũng được thực hành các tình huống giao tiếp văn hoá của các nước nói tiếng Anh trên thế giới. sinh viên được củng cố vốn từ vựng về văn hoá giao tiếp thông thường của người ở các nước nói tiếng Anh.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Học phần giao thoa văn hoá thiết lập cho sinh viên kỹ năng học tập những môn lý thuyết, khai thác thông tin phục vụ cho việc học tập những môn lý thuyết, khai thác thông tin phục vụ cho việc học tập, rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng thuyết trình vấn đề,... bằng tiếng Anh.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### I. Lesson: 01 Introduction

1. Cross – cultural terms and principles
2. Varieties of introductions

#### II. Lesson: 02 Introduction (cont.)

3. Use of titles in introduction
4. Eye contact and hand shaking
5. “Small talk” after introduction

#### III. Lesson: 03 Introduction (cont.)

6. Cultural variations in introductions
7. Conversational activities
8. Multiple - choice questionnaire
9. Cultural notes

#### IV. Lesson: 04 Introduction (cont.)

10. Addressing people

11. Cross – cultural interaction

**V. Lesson: 05 Introduction (cont.)**

12. How much do you already know about Anglicist culture?

13. Culture puzzles

**VI. Lesson: 06 Introduction (cont.)**

14. Space requirements

15. Introductions

16. Small talk

**VII. Lesson: 07**

17. Greeting, introduction and farewell in Vietnamese as seen by an Anglist

**VIII. Lesson: 08 Verbal Communication**

18. Definitions

19. Conversational Involvement

20. Incorrect judgements of character

21. Directness and indirectness

22. Anglicist Male and Female differences in directness

**IX. Lesson: 09 Verbal communication (cont.)**

23. Cross-cultural implications

24. “Ping-pong” and “Bowling” conversation styles

25. Ethnocentric judgements

26. Conversational activities

**X. Lesson: 10 Verbal communication (cont.) Non – Verbal communication**

27. Multiple – choice questionnaire

28. Cross – cultural questions

29. Cultural notes

- Mid – term test

30. Definitions

31. Cultural differences in Non – Verbal communications

**XI. Lesson: 11 Non – verbal communication (cont.)**

32. Gestures and body positioning

33. Facial Expressiveness

34. Eye contact

35. Conversational distance

**XII. Lesson: 12 Non – verbal communication (cont.)**

36. How to understand body language

37. Conversational activities

38. Multiple – choice questionnaire

39. What does this position mean?

40. Curtain up!

41. She’s a typical librarian!

42. How to read a face

43. Our faces and our expressions

44. Eyes: the windows of the soul

**XIII. Lesson 13: Cross – cultural conflict and adjustment**

45. Definition

46. A fish out of water

47. Unpredictable cultural adjustment

48. A ride on a roller coaster

49. From Honeymoon to culture shock to integration

#### **XIV. Lesson: 14 Cross – cultural conflict and adjustment (cont.)**

- 50. Communication and culture
- 51. Misinterpretations
- 52. Ethnocentrism
- 53. Stereotypes and prejudice
- 54. Stereotypes and generalizations

#### **XV. Lesson: 15**

Cross – cultural conflict and adjustment (cont.)

- 55. Conversational activities

#### **XVI. Revision**

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1. Học liệu bắt buộc**

- 1. Nguyen Quang. (2001). *Inter – cultural communication*. NXB ĐHQG Hà Nội.
- 2. Ellits, C. (2002). *Culture shock! Vietnam*. Time Books International.

##### **9.2. Học liệu tham khảo**

- 3. Athen, G. (2002). *American ways*. International Press Inc.
- 4. Nguyễn Văn Thêm. (2000). *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB Văn Hoá.

## 44b. GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA

Số tín chỉ: 2 (21,18)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh

Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các bình diện nội ngôn, cận ngôn, ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp văn hoá và nội văn hoá. Môn học chú ý đến Dụng học giao văn hoá với các bình diện phạm trù như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp, v.v. dựa trên khung lý thuyết và các nghiên cứu của Hofstede, Brown & Levinson, Kaplan, Clyne, Saville-Troike, Levine & Adelman, Ting-Toomey và Nguyễn Quang.

*Năng lực đạt được:* Người học nắm vững được các nội dung cơ bản của học phần và vận dụng được vào việc sử dụng và nghiên cứu ngôn ngữ, vận dụng được các bình diện như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp vv... vào giao tiếp của bản thân.

### 2. Mục tiêu của học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi học xong môn học sinh viên cần nắm vững các vấn đề sau

- Các khái niệm/thuật ngữ cơ bản và tầm quan trọng của việc nghiên cứu giao tiếp liên văn hoá.
- Các bình diện phạm trù và nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và Giao thoa giao văn hoá.
- Những khác biệt cơ bản giữa giao tiếp ngôn từ và phi ngôn từ.
- Các loại cấu trúc giao tiếp và những tương đồng khác biệt cơ bản trong giao tiếp liên văn hoá Anh – Việt.
- Khái niệm, lý do và biểu hiện của “Sốc văn hoá”.
- Các nhân tố giúp điều chỉnh, giảm thiểu và loại trừ xung đột văn hoá và ngưng trệ giao tiếp.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Môn học giúp sinh viên nâng cao kỹ năng giao tiếp nội văn hoá và giao lưu văn hoá để phục vụ nhu cầu công việc và giao tiếp hàng ngày.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ học tập tích cực, có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và linh hoạt thích nghi văn hoá giao tiếp với người nước ngoài trong môi trường đa văn hoá.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chapter 1: Introduction to Cross-cultural communication: Key concepts

1. Concept of culture
2. The iceberg of culture
3. Concept of communication
4. Communication studies pragmatics
5. Cross-cultural communication

#### Chapter 2: Introduction to Cross-cultural communication: key categorical dimensions

1. individualism vs. Collectivism
2. Objectivity vs. Subjectivity
3. Directness vs. Indirectness
4. Accuracy vs. Inaccuracy
5. Dynamicality vs. Staticity
6. Seft-abasement vs. Self-assertion



7. Positive politeness vs. Negative politeness
8. Sentimentality vs. Rationality
9. Hierarchy vs. Equality
10. Formality vs. Informality
11. High-context vs Low-context
12. Redundancy vs. Economicality

### **Chapter 3: The nature of verbal communication**

1. Human language: A coherent system
  - 1.1. Arbitrariness
  - 1.2. Multilayered rules
  - 1.3. Speech community
2. Verbal communication and intralinguistic factors
3. How verbal communication varies across cultures

### **Chapter 4: Cultural thought patterns and directness vs. indirectness**

1. Cultural thought patterns (Discourse structures)
2. Directness and indirectness in verbal communication

### **Chapter 5: Politeness and face-work**

1. Concept of face
2. Positive and negative face
3. Concept of politeness
4. Politeness maxims and principles
5. Politeness strategies
6. English-Vietnamese cross-cultural similarities and differences

### **Chapter 6: Addressing systems**

1. Addressing systems in English
2. Addressing systems in Vietnamese

### **Chapter 7: Non-verbal communication: Background concepts**

1. What is non-verbal communication?
2. The nature of non-verbal communication
3. Types of nonverbal languages
4. How non-verbal communication varies across cultures

### **Chapter 8: Functions of non-verbal communication**

1. Supplementing words
2. Contradicting words
3. Regulating the flow of verbal interaction
4. Taking the place of words
5. English-Vietnamese cross-cultural similarities and differences

### **Chapter 9: Components of non-verbal communication: Body language**

1. Classifications of body language
2. Body language/kinesics

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

## **9. Tài liệu giáo trình**

### **9.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Gallois, C. & Callan, V. (2005). *Communication and culture*. John Wiley & Sons
2. Hofstede, G. (2004). *Cultures and organizations: Software of the mind*. London: Mc Graw – Hill Book Company.
3. Nguyễn Quang. (2004). *Một số vấn đề giao tiếp nội văn hoá*. Hà Nội: NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

### **9.1. Tài liệu tham khảo**

4. Axtell, R. (2010). *Gestures: The do's and taboos of body language around the world*. New York: John Wiley & Sons
5. Ting-Toomey, S. (2011). *Communicating across cultures*. New York: The Guilford Press.

## 45. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 5
- Bộ môn phụ trách: khoa NN, các cơ sở dịch thuật
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên tích lũy đủ 100 TC

### I. Mục đích, yêu cầu

#### 1. Mục đích.

Chương trình thực tập có mục đích sau:

- Tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ xát với công việc thực tế sử dụng ngôn ngữ Anh, đặc biệt công tác biên phiên dịch.
- Có cái nhìn tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động và quản lý tại một công ty, doanh nghiệp.
- Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, ứng dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu của công việc.
- Sinh viên có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả.
- Sinh viên có điều kiện tiếp xúc với cán bộ lãnh đạo và công nhân viên của đơn vị thực tập để học hỏi kinh nghiệm làm việc. Trên cơ sở đó xác định, xây dựng cho mình một quan điểm về nghề nghiệp, vun đắp lòng yêu nghề và tinh thần tận tụy phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
- Giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường. Chương trình thực tập là cầu nối sinh viên với công việc tiềm năng.

#### 2. Yêu cầu

- Sinh viên phải có ý thức kỷ luật cao, chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế thực tập, phải tuân thủ sự hướng dẫn của giáo viên phụ trách, thực hiện tốt quy định của cơ sở thực tập, quan hệ tốt với cộng sự của mình.
- Trực tiếp tham gia vào hoạt động của đơn vị thực tập, phải tìm hiểu từ tổng quan đến chi tiết các hoạt động tại đơn vị đó, trên cơ sở lý luận đã học, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.
- Trên cơ sở kiến thức được học tại trường, vận dụng vào thực tế tại đơn vị thực tập từ đó rút ra được ưu khuyết điểm và đề xuất, kiến nghị các biện pháp cho đơn vị thực tập.
- Sinh viên phải chủ động liên hệ với giáo viên hướng dẫn trao đổi về những vấn đề mình chưa hiểu, và cần tư vấn.
- Sinh viên phải hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp theo hướng dẫn của khoa.
- Sinh viên phải hoàn thành Nhật ký thực tập có xác nhận của cơ sở thực tập.

### II. Tổ chức thực hiện

#### 1. Thời gian tổ chức thực tập

- Thời gian thực tập là 8 tuần của học kỳ 8.

#### 2. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Sinh viên tự liên hệ địa điểm thực tập.
- Đơn vị thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo các yêu cầu: Là các công ty, doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, v.v... có sử dụng tiếng Anh trong công việc.

#### 3. Hình thức thực tập: Toàn thời gian

#### 4. Tiến trình tổ chức thực tập tốt nghiệp

Tiến trình thực tập tốt nghiệp bao gồm các bước sau:

##### Bước 1: Địa điểm thực tập

- Sinh viên tự liên hệ địa điểm thực tập và báo cáo với giáo viên hướng dẫn về nơi thực tập.

**Bước 2:** Trường phân công giảng viên phụ trách các nhóm. Giảng viên phụ trách chịu trách nhiệm trước khoa và nhà trường về việc quản lý và hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực tập.

**Bước 3:** Sinh viên đến làm việc thực tế tại đơn vị thực tập. Trong bước này sinh viên phải thực hiện các công việc mà đơn vị thực tập giao, viết Nhật ký thực tập và thu thập thông tin số liệu chuẩn bị cho việc viết báo cáo kết quả thực tập.

**Bước 4:** Nhà trường phối hợp với cơ sở nơi sinh viên thực tập để kiểm tra quá trình thực tập của sinh viên.

**Bước 5:** Sinh viên viết báo cáo kết quả thực tập.

Sau 6 tuần thực tế tại đơn vị thực tập, sinh viên bắt đầu thực hiện việc viết báo cáo tổng hợp quá trình thực tập. Trong quá trình viết báo cáo thực tập, sinh viên phải liên hệ với giáo viên hướng dẫn, nộp báo cáo thực tập phần 1, phần 2, v.v. để giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa nội dung.

Trong các lần nộp báo cáo thực tập, giáo viên hướng dẫn sẽ trực tiếp phỏng vấn sinh viên về những vấn đề liên quan đến đề tài thực tập, đánh giá thái độ, ý thức của sinh viên bằng điểm chuyên cần thái độ và điểm nội dung thông qua báo cáo thực tập tốt nghiệp.

Sau 01 tuần thực tập về, sinh viên phải nộp cho văn phòng khoa 03 văn bản sau: *Báo cáo thực tập, Nhật ký thực tập và Nhận xét của cơ quan thực tập.*

**Bước 6:** Đánh giá báo cáo kết quả thực tập.

Đánh giá kết quả báo cáo thực tập bằng hình thức cho điểm, thang điểm: 10. Việc đánh giá Báo cáo thực tập do giáo viên hướng dẫn và hội đồng chấm báo cáo thực tập đánh giá, nếu trong trường hợp không đạt, sinh viên phải viết lại.

## 46. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 6
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Theo QĐ

### 1. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp là quá trình tự nghiên cứu của sinh viên với sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn và cơ sở thực tập. Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện ở học kỳ 8 của khóa học.

### 2. Mục tiêu môn học:

Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện một đề tài NCKH nhằm kiểm chứng lại lý thuyết và góp phần nhỏ nghiên cứu giải quyết các vấn đề về ngôn ngữ Anh. Trong quá trình thực tập cuối khoá, sinh viên sẽ được tiếp xúc với thực tế, tự nghiên cứu, học hỏi để củng cố thêm lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

### 3. Yêu cầu của môn học

- Xây dựng kế hoạch, đề cương thực tập đáp ứng yêu cầu đề ra, có nội dung đề tài NCKH chuẩn xác, có ý nghĩa thực tiễn.

- Xây dựng đề cương đúng kế hoạch, thực hiện nghiêm túc đề cương thực tập, thực hiện nghiêm túc tiến độ thời gian, nội quy thực tập của Nhà trường, Khoa và cơ sở thực tập, hoàn thành báo cáo luận văn đúng kế hoạch.

### 4. Yêu cầu đối với sinh viên và giáo viên hướng dẫn

#### 4.1. Đối với sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, qui định của nhà trường.

- Sinh viên phải chủ động gặp giảng viên hướng dẫn để thống nhất nội dung thực tập và đề tài nghiên cứu khoa học, chỉ thực hiện các nội dung phù hợp với điều kiện của cơ sở, đáp ứng và phù hợp với thời gian thực tập.

- Phải hoàn thành đề cương và báo cáo khóa luận theo đúng thời gian quy định và đúng mẫu đã hướng dẫn. Đề cương phải được giảng viên hướng dẫn đồng ý, Bộ môn thẩm định, Khoa duyệt mới được thực hiện. Trong quá trình thực tập phải thực hiện nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của giảng viên hướng dẫn, nếu có thay đổi về nội dung phải chủ động báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của giảng viên hướng dẫn, không được tự ý thay đổi hoặc thực hiện khi chưa có sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

#### 4.2. Đối với giáo viên hướng dẫn

- Giảng viên giảng dạy môn học nào hoặc chuyên ngành nào thì hướng dẫn sinh viên làm đề tài NCKH thuộc phạm vi môn học hoặc chuyên ngành đó, không hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài NCKH ngoài lĩnh vực mình giảng dạy. Sau khi nhà trường có quyết định làm KLTN của những sinh viên do mình hướng dẫn, giảng viên phải chịu trách nhiệm về tính khả thi của các nội dung KLTN của sinh viên tại cơ sở.

- Trong thời gian thực tập giảng viên phải thực hiện đúng theo nội dung và kế hoạch thời gian đề ra. Khi có sự thay đổi về nội dung của sinh viên, giảng viên phải báo cáo về Bộ môn, Khoa để kịp thời làm các thủ tục thay đổi. Trong 2 tuần đầu giảng viên có trách nhiệm giúp đỡ sinh viên xác định các nội dung làm KLTN và đề tài NCKH, xây dựng đề cương KLTN đúng tiến độ.

### 5. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

- Báo cáo KLTN được 2 giảng viên chấm độc lập: giảng viên hướng dẫn chấm vòng 1, giảng viên chấm vòng 2 do Trưởng bộ môn phân công.

- Điểm khóa luận tốt nghiệp sẽ được tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ 8 và tính bằng 6 tín chỉ.

## 47a. VĂN HỌC ANH MỸ

- Số tín chỉ: 3(27,36,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa NNVH & PPGD T.Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 4 , kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần:

*Nội dung học phần:* Giới thiệu sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác giả tiêu biểu của văn học Anh, văn học Mỹ thế kỷ 19, 20.

- Giới thiệu các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.
- Giới thiệu cho sinh viên làm quen với phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ và hiểu được giá trị hiện thực của các tác phẩm.
- Giới thiệu một số tác phẩm/ đoạn trích tiêu biểu.

*Năng lực đạt được:* Người học vận dụng được những phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ để đánh giá được giá trị hiện thực của các tác phẩm. Phân tích được một số tác phẩm thuộc các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Trình bày được những hiểu biết, nhận xét về một số đoạn trích tác phẩm thuộc hai nền văn học Anh và Mỹ về nội dung những tác phẩm, đoạn trích, về tiểu sử của tác giả; phân tích được một số đoạn trích ngắn trong một số tác phẩm tiêu biểu; sử dụng và phát triển vốn từ vựng về văn học và vốn từ vựng tiếng Anh nói chung.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên thông qua việc liên tục yêu cầu sinh viên đọc hiểu các tác phẩm và đoạn trích.

- Phát triển kỹ năng trình bày, kỹ năng nói trước đám đông cho sinh viên thông qua việc làm presentations (theo nhóm) theo chủ đề hàng tuần trên lớp.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Charles Dickens

- 1.1. England in Victorian Age
- 1.2. Features of English Critical Realism
- 1.3. Charles Dickens:
  - 1.3.1. His life
  - 1.3.2. His literary career
  - 1.3.3. His writing style
  - 1.3.4. His works
  - 1.3.5. Dickens' contributions to English and world literature

#### Chương 2: Oliver Twist (Chapter 1)

- 2.1. Main content of the novel
- 2.2. Major themes and symbols of the novel
- 2.3. Chapter 1: The birth of Oliver Twist

#### Chương 3: Oscar Wilde

- 3.1. British society at the end of 19<sup>th</sup> century
- 3.2. English literature at the end of 19<sup>th</sup> century
- 3.3. Oscar Wilde:
  - 3.3.1. His life
  - 3.3.2. His literary career
  - 3.3.3. His contributions to literature

#### **Chương 4: The Nightingale and the Rose**

- 4.1. Wilde's aesthetic principle shown through the tale
- 4.2. The praise of beauty and devoted love
- 4.3. The admiration of unselfishness, kindness and generosity

#### **Chương 5: John Galsworthy**

- 5.1. British society in early 20<sup>th</sup> century
- 5.2. English literature in early 20<sup>th</sup> century
- 5.3. John Galsworthy:
  - 5.3.1. His life
  - 5.3.2. His literary career
  - 5.3.3. His contributions to literature

#### **Chương 6: The man of property – Chapter 5: A Forsyte Menage**

- 6.1. Main content of the novel
- 6.2. The upper class life in the contemporary society shown through the novel
- 6.3. The character of Soames Forsyte: a typical man of property
- 6.4. The character of Irene: a woman of strong will

#### **Chương 7: William Somerset Maugham**

- 7.1. British society after World War II
- 7.2. Literature in the post-war period
- 7.3. William Somerset Maugham:
  - 7.3.1. His life
  - 7.3.2. His literary career
  - 7.3.3. His contributions to literature

#### **Chương 8: The Moon and Sixpence (Chapter 41)**

- 8.1. Main content of the novel
- 8.2. The subject matter of the novel
- 8.3. The meaning of the title "The Moon and Sixpence"
- 8.4. The character of Charles Strickland: a true artist

#### **Chương 9: Mark Twain**

- 9.1. American society in the 19<sup>th</sup> century
- 9.2. 19<sup>th</sup> century American literature
- 9.3. Mark Twain:
  - 9.3.1. His life
  - 9.3.2. His literary career
  - 9.3.3. His humour
  - 9.3.4. His contributions to American literature

#### **Chương 10: The Adventure of Tom Sawyer – Chapter twelve: Tom shows his Generosity – Aunt Polly Weakens**

- 10.1. Summary of the novel The Adventure of Tom Sawyer
- 10.2. The life of common American people shown through the novel
- 10.3. Twain's stories of boy's adventure
- 10.4. Character Tom: a boy of typical boyishness, mischievous, generous and kind

#### **Chương 11: O'Henry – One dollar's worth**

- 11.1. O'Henry's life and works
- 11.2. O'Henry's writing style and themes
- 11.3. One dollar's worth
  - Content of the story
  - O'Henry writing style shown through the story

#### **Chương 12: Jack London**

12.1. America and the world at early 20<sup>th</sup> century

12.2. American literature at early 20<sup>th</sup> century

12.3. Jack London:

- London's life

- London's writing career

- London's contributions to American literature

### **Chương 13: The call of the Wild – Chapter II: The Law of Club and Fang**

13.1. The main content of the novel

13.2. American society and the Gold Rush revealed in the novel

13.3. The transformation of Buck from a good ranch pet into a wild beast.

13.4. The first lessons learnt by Buck in the frozen North

### **Chương 14: Ernest Hemingway – A Farewell to Arms**

14.1. Hemingway's life and works

14.2. Hemingway's writing style and principle.

14.3. Hemingway's language

14.4. Hemingway's contributions to American literature

14.5. The novel "A Farewell to Arms": An anti-war novel

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Nguyen Xuan Thom. (2015). *A History of English and American Literature*. The Gioi Publishers.

2. Vu Thi Loan (2011). *English and American Literature*. Tai lieu luu hanh noi bo.

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Kim Loan. (2015). *History of English Literature*. NXB Giáo dục

2. Nguyễn Kim Loan. (2015). *English Literature*. NXB Giáo dục

3. Griffith.B.W. (2012). *English Literature*. Barron's

### **Websites:**

1. [http:// www.literature.com](http://www.literature.com)

2. <http://www.sparknotes.com>



## 47b. NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU

- Số tín chỉ: 2 (21,18,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN – VH & PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các nội dung về: Khái niệm về so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ, các phương pháp và tiêu chí so sánh đối chiếu ngôn ngữ, các thao tác và thành tố sử dụng ngôn ngữ trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên so sánh đối chiếu một số phạm trù trong tiếng Anh và tiếng Việt và thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nhận biết được những tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về phân tích đối chiếu ngôn ngữ, khái niệm cơ bản về cơ sở tâm lý học của đối chiếu ngôn ngữ, các nguyên tắc so sánh đối chiếu, tiến trình so sánh đối chiếu, đối tượng cụ thể của so sánh đối chiếu, đối chiếu ngôn ngữ trong giảng dạy và trong dịch thuật, nâng cao năng lực sử dụng các ngôn ngữ được sử dụng để so sánh đối chiếu

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Học phần nhằm thiết lập cho sinh viên khả năng xác định đối tượng so sánh đối chiếu trong hai ngôn ngữ, khả năng xác định TC cho các đối tượng đối chiếu cụ thể, kỹ năng xác lập đề cương một nghiên cứu đối chiếu, kỹ năng xác định sự giống nhau, khác nhau giữa các đơn vị ngôn ngữ và lời nói cụ thể trong tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chapter 1: What is Contrastive analysis (CA)?

- 1.1. The place of CA in linguistics
- 1.2. CA as interlanguage study
- 1.3. CA as “pure” or “applied” linguistics
- 1.4. CA and bilingualism

#### Chapter 2: The psychological basis of Contrastive Analysis

- 2.1. Transfer in learning psychology
- 2.2. Some problems of definitions
- 2.3. Transfer theory and CA
- 2.4. A scale of difference

#### Chapter 3: The linguistic components of Contrastive Analysis

- 3.1. Levels of language
- 3.2. Categories of grammar
- 3.3. Language models for CA in the grammatical level

#### Chapter 4: Microlinguistic Contrastive Analysis

- 4.1. General principles
- 4.2. Contrastive lexicology

#### Chapter 5: Macrolinguistics and contrastive analysis

- 5.1. Macrolinguistics
- 5.2. Two areas of macrolinguistics
- 5.3. Text analysis

5.4. Discourse Analysis

5.5. Concept Analysis

5.6. Scope for research

### **Chapter 6: Pedagogical exploitation of contrastive analysis**

6.1. Applied CA

6.2. Traditional applications of CA

6.3. Course design

6.4. “Method” and Contrastive Analysis

### **Chapter 7: Some issues of contention**

7.1. Criteria for comparison

7.2. The psychological reality of CAs

7.3. The predictive power of CAs

7.4. Contrastive analysis versus Error analysis

7.5. Scale of difficulty

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. Chesterman, A. (2012). *Contrastive functional analysis*. Amsterdam – Philadelphia: John Benjamins.

2. James, C. (2015). *Contrastive analysis*. London: Longman

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Bùi Mạnh Hùng. (2008). *Ngôn ngữ học đối chiếu*. NXB Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Thiện Giáp. (2010). *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*. NXB Giáo dục.

## 47c. PHONG CÁCH HỌC

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ - văn hóa và phương pháp giảng dạy, trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các vấn đề về lịch sử môn phong cách học, hệ thống biện pháp tu từ tiếng Anh, phong cách chức năng tiếng Anh v.v... Phong cách học chiếm vị trí chủ chốt trong việc nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức về ngôn ngữ mà sinh viên viên đã tích lũy được từ môn kỹ năng tiếng Anh như Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp.

*Năng lực đạt được:* Người học nắm vững được kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Anh đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi khả năng hiểu biết về phong cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

### 2. Mục tiêu học phần

#### 2.1. Mục tiêu kiến thức

Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Việt đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi một ngữ cảm tinh tế, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.

#### 2.2. Mục tiêu kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng nói và viết tiếng Anh theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách. Sinh viên có kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi một ngữ cảm tinh tế, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.

- Sinh viên có kỹ năng nói và viết tiếng Việt theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ:

Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

Học phần gồm các nội dung sau:

#### Chapter 1: Introduction

- 1.1 General notes on style and stylistics
- 1.2. Varieties of language
- 1.3. Meaning from a stylistic point of view

#### Chapter 2

- 2.1. Stylistic classification of the English vocabulary
- 2.2. General considerations
- 2.3. Neutral, common literary and common colloquial vocabulary
- 2.4. Special literary vocabulary
- 2.5. Special colloquial vocabulary

#### Chapter 3: Phonetic Expressive Means and Stylistic Devices

- 3.1. General notes
- 3.2. Onomatopoeia
- 3.3. Alliteration
- 3.4. Rhyme

### 3.5.Rhythm

#### **Chapter 4: Lexical Expressive means and stylistic Devices**

- 4.1.Intentional mixing of the stylistic aspect of words.
- 4.2.Interaction of different types of lexical meaning
- 4.3.Interaction of primary dictionary and contextually imposed meanings
- 4.4.Interaction of primary and derivative logical meanings
- 4.5.Interaction of Logical and nominal meanings
- 4.6.Intensification of a certain feature or a thing or phenomenon
- 4.7.Peculiar Use of set expressions

#### **Chapter 5: syntactical expressive means and stylistic devices**

- 5.1. General consideration
- 5.2.Problems concerning the composition of Spans of Utterance larger than the sentence
- 5.3.Compositional Patterns of Syntactical arrangement.

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

#### **6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

#### **7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

##### **9.1.Tài liệu bắt buộc**

- 1.Biber, Douglas, Susan Conrad and Randi Reppen. *Corpus Linguistics: Investigating Language Structure and Use*. (Cambridge Approaches to Linguistics). Cambridge: Cambridge UP, 2004.
- 2.Bickerton, D. See English structuralism.
- 3.Birch, David. *Language, Literature, and Critical Practice: Ways of Analysing Text*. London: Routledge, 2014

##### **9.2. Tài liệu tham khảo**

3. Nigel Fabb, Nigel, Derek Attridge, and Colin MacCabe, eds. *The Linguistics of Writing: Arguments between Language and Literature*. Manchester: Manchester UP, 2010
4. Graf, Eva, and Willie van Peer. "Between the Lines: Spatial Language and its Developmental Representation in Stephen King's *IT*." In *Cognitive Stylistics*. Ed. Elena Semino and Jonathan Culpeper. Amsterdam: Benjamins, 2002. 123-52

## 47d. NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI

- Số tín chỉ: 3tc (27,36,0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ - văn hóa và phương pháp giảng dạy, trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Môn học đề cập đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội, việc sử dụng ngôn ngữ trong những bối cảnh xã hội khác nhau, những yếu tố chi phối việc chọn lựa ngôn ngữ để giao tiếp. Các vấn đề các phương ngữ, song thể ngữ, song ngữ, đa ngữ, giới tính, địa vị xã hội, quyền lực của các chủ thể giao tiếp được nghiên cứu và phân tích như những yếu tố quyết định việc sử dụng loại ngôn ngữ (theo nghĩa hẹp là mã ngôn ngữ) để giao tiếp. Ngoài ra, phương nghiên cứu cũng được nói đến như một phần quan trọng, không thể thiếu của chuyên đề.

*Năng lực đạt được:* Người học hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội, ngôn ngữ và văn hóa. Có khả năng nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ thay đổi theo bối cảnh, giới tính, địa vị xã hội, quyền lực. Có thể sử dụng kiến thức môn học vào cuộc sống và dạy học ngoại ngữ.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu kiến thức

- Cung cấp cho học viên sự hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội, ngôn ngữ và văn hóa.

- Nghiên cứu và phân tích cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong từng bối cảnh giao tiếp xã hội.

#### 2.2. Mục tiêu kỹ năng

- Nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ thay đổi theo bối cảnh, giới tính, địa vị xã hội, quyền lực.

- Sử dụng kiến thức đã học vào việc dạy và học nói chung và sử dụng kiến thức đã học vào dạy và học ngôn ngữ nói riêng.

- Kết quả dự kiến/ chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: *(có thể tham khảo thang đo các cấp độ của Bloom để sử dụng các động từ/danh từ chỉ khả năng, kỹ năng và thái độ cụ thể)*

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

### 3. Nội dung chi tiết học phần:

#### Chương I: Dẫn nhập

1.1. Ngôn ngữ và xã hội

1.2. Các biến thể ngôn ngữ

1.2.1. Ngôn ngữ và phương ngữ

1.2.2. Phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội

1.2.3. Biến thể chuẩn và biến thể phi chuẩn

1.2.4. Phong cách và ngữ vực

#### Chương II: Pidgin và Creole

2.1. Định nghĩa

2.2. Phân bố địa lý và đặc trưng ngôn ngữ

2.3. Các thuyết về nguồn gốc của Pidgin và Creole

#### Chương III: Chọn mã

3.1. Song thể ngữ, song ngữ và đa ngữ

3.2. Chọn mã, chuyển mã và trộn mã

#### **Chương IV: Cộng đồng nói năng**

4.1. Định nghĩa

4.2. Các cộng đồng liên giao

4.3. Mạng xã hội và Vốn phương ngữ khả dụng

#### **Chương V: Biến thể địa phương và biến thể xã hội**

5.1. Biến thể địa phương (Biến thể địa lý)

5.2. Biến số ngôn ngữ

5.3. Quan hệ giữa biến thể ngôn ngữ và biến thể xã hội

#### **Chương VI: Điều tra Ngôn ngữ học xã hội**

6.1. Phạm vi điều tra

6.2. Phương pháp điều tra

6.3. Dữ liệu NNHXH

#### **Chương VII: Biến đổi Ngôn ngữ**

7.1. Các yếu tố gây biến đổi

7.2. Cơ chế biến đổi

#### **Chương VIII: Ngôn ngữ và giới tính**

8.1. Sự khác biệt Nam-Nữ

8.2. Phong cách ngôn ngữ của mỗi giới

#### **Chương IX: Phép lịch sự**

9.1. Quan hệ *Tu* và *Vous*

9.2. Các từ ngữ xung hô

9.3. Phép lịch sự

#### **4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

#### **9. Tài liệu học tập**

##### **9.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Nguyễn Văn Khang. 2011. Ngôn ngữ học xã hội – Những vấn đề cơ bản. Nxb Khoa học Xã hội.

2. Wardhaugh, R. 2011. An Introduction to Sociolinguistics. Blackwell.

##### **9.2. Tài liệu tham khảo**

3. Hudson, R.A. 2011. Sociolinguistic. Cambridge Textbooks in Linguistics.

4. Trugill, P. 2000. Sociolinguistics: An Introduction. Penguin Books.

## 47e. TIẾNG ANH KINH TẾ

- Số tín chỉ: 3 (27,36,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Những kiến thức cơ bản, cấu trúc và từ vựng tiếng Anh thuộc lĩnh vực kinh tế, thủ thuật xử lý các văn bản tiếng Anh thuộc lĩnh vực kinh tế như: marketing, hợp đồng kinh tế, các văn bản kinh tế, cung và cầu, quảng cáo, báo cáo kinh tế – tài chính, v.v...

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế trong giao tiếp cơ bản và xử lý các văn bản tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần, SV có kiến thức về các khái niệm cơ bản trong kinh tế như: các nguồn lực kinh tế, chu trình kinh tế, hàng hóa và dịch vụ, sự khan hiếm, phí cơ hội, cung-cầu, việc tổ chức nền kinh tế thị trường, vai trò của chính phủ và vai trò của thị trường trong nền kinh tế. Sinh viên được bổ sung vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại. Ngoài ra sinh viên còn được cập nhật tình hình kinh tế hiện tại của đất nước thông qua các bản tin kinh tế trong đó sinh viên sẽ trình bày và giải quyết những vấn đề kinh tế nổi cộm và tuân theo xu hướng nhất định từ đó phân tích tình hình tổng quan, nguyên nhân, tác động và giải pháp.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học có kỹ năng học tập môn học nói riêng và học tập tiếng Anh nói chung như: khả năng làm việc nhóm khi sưu tầm các chủ đề liên quan đến tình hình kinh tế trong và ngoài nước. Hình thành kỹ năng kết hợp và tổ chức các bước tiến hành bài trình bày đồng thời luyện tư duy phê phán trước những vấn đề kinh tế đang nổi cộm hiện nay. Trong quá trình học, sinh viên sẽ phải sưu tập 150 từ và cụm từ có liên quan đến chủ đề kinh tế nhằm bổ sung vào bảng vốn từ chuyên ngành. Đây sẽ là nguồn tư liệu phong phú để giúp sinh viên ra trường có thể làm việc được trong môi trường liên quan đến kinh tế.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Unit 1: Introduction

1. Course objectives and requirements
2. What is economics?
3. How to carry out an economic news
4. Criteria for evaluating students

#### Chapter 1: What is economics all about?

1. Definition of Economics
2. Economic resources
3. Economic indicators
4. Business cycle
5. Goods and Services
6. Scarcity
7. Opportunity cost

## **Chapter 2: Three economic issues**

1. Definition of economic system
2. Types of economic system
  - 2.1. Traditional economic system
  - 2.2. Command economic system
  - 2.3. Market economic system
  - 2.4. Mixed market economic system
3. What do economic systems have in common?
  - 3.1. The question of what
  - 3.2. The question of how
  - 3.3. The question of “for whom”

## **Chapter 3: Organization of market economy**

1. Goods, prices and market
  - 1.1. Definition, types of goods
  - 1.2. Definition, kinds and functions of prices
  - 1.3. Definition, characteristics, types, roles of market
2. Government roles in the market economy
  - 2.1. Government as a provider of goods and services
  - 2.2. Government as a Help to weak business groups and an organizer of income allocation.
  - 2.3. Government as a stabilizer
  - 2.4. Government as a producer in the absence of business venture

## **Chapter 4: Supply and demand**

1. What is demand? What is supply?
  - 1.1. Laws of supply: definition and features
  - 1.2. Laws of demand: definition and features
2. What is quantity demanded? What is supply demanded?
3. What is market equilibrium point? What is market price?
  - 3.1. Changes in demand for and supply of a product affect its price
4. Why are prices important in a market economy?
  - 4.1. Prices act as signals to buyers and sellers
  - 4.2. Prices encourage efficient productions
  - 4.3. Prices determine who will receive the things produced

## **Chapter 5: Stop and check**

1. Shift of supply, supply curve
2. Shift of demand, demand curve
3. Oil price in the world

## **Chapter 6: The private sector of the economy: business operations in different companies**

1. Sole Proprietorship
  - 1.1. Definition of sole proprietorship
  - 1.2. Characteristics of sole proprietorship
  - 1.3. Advantages and disadvantages of sole proprietorship.
2. Partnership
  - 1.1. Definition of partnership
  - 1.2. Characteristics of partnership
  - 1.3. Advantages and disadvantages of partnership
3. The Corporation
  - 1.1. Definition of The Corporation



- 1.2. Characteristics of The Corporation
- 1.3. Advantages and disadvantages of The Corporation

### **Chapter 7: Price, income and demand**

1. Relative and absolute prices.
2. Reasons for shifts of demand curve.
  - 2.1. The prices of related goods.
  - 2.2. Consumer Incomes.
  - 2.3. Consumer Tastes.
3. Reasons for shifts of supply curve.
  - 3.1. Technology.
  - 3.2. Input costs.
  - 3.3 Government regulation.
4. The price responsiveness of demand.

### **Chapter 8: Revision**

1. Submission of economic glossary
2. Revision of economics theory
3. Instruction for final test
4. Sample final test

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham khảo chính:**

#### **9.1. Giáo trình chính:**

1. C.J.Moore et al (2004). *Enterprise One*. Nhà xuất bản Hải Phòng
2. Thom, Nguyễn Xuân (2008). *English for economics*. ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN

#### **9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. David Cotton, David Falvey (2010), Simon Kent; *Market Leader* – intermediate. Pearson Longman
2. Aaditya Mattoo, Robert M.Stern, Gianni Zanini (2008); *Handbook of International Trade in Service* , Oxford University Press

## 47f. TIẾNG ANH DU LỊCH

- Số tín chỉ: 3 (27,36,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

### 1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Những kiến thức cơ bản và vốn từ vựng tiếng Anh thuộc lĩnh vực du lịch như: nhà hàng, khách sạn, danh thắng du lịch, đặt phòng mua vé, trang thiết bị trong nhà hàng khách sạn.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên sử dụng ngôn ngữ thuộc lĩnh vực du lịch để xử lý các văn bản tiếng Anh như: hợp đồng du lịch, giới thiệu các điểm du lịch, biên phiên dịch phục vụ các đoàn khách du lịch, giới thiệu được danh thắng du lịch, quảng bá các món ăn, đặc sản của địa phương và của quốc gia.

### 2. Mục tiêu học phần:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong môn học TIẾNG ANH DU LỊCH, người học nắm được một lượng từ vựng dùng trong giao tiếp đơn giản hàng ngày ở môi trường sống, làm việc và có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh trong công việc liên quan tới lĩnh vực du lịch, giao tiếp tốt với khách hàng trong môi trường thật, sử dụng các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ trong tiếng Anh. Ngoài ra, người học còn nhận biết một số hành vi văn hoá giao tiếp phi lời nói (non-verbal cues), vận dụng được những kiến thức về các nét văn hoá (culture patterns) trong giao tiếp.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

*Sau khi học xong môn học TIẾNG ANH DU LỊCH, người học cần đạt được những khả năng về giao tiếp sau :*

- Giao tiếp được bằng tiếng Anh với các chủ điểm thực trong cuộc sống. Nghe hiểu và diễn đạt được những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống và các vấn đề liên quan đến văn hóa, du lịch bằng tiếng Anh.
- Nghe hiểu được ngôn ngữ nói ở mức độ chậm và đã được đơn giản hoá về những chủ đề liên quan đến văn hóa, du lịch.
- Trình bày được những thông tin trong một văn bản bằng tiếng Anh. Diễn đạt ngôn ngữ trôi chảy đạt mức độ tự nhiên và linh hoạt.
- Đọc hiểu được những văn bản và ký hiệu, những bài viết về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt hàng ngày, những từ ngữ chuyên ngành du lịch.
- Có khả năng viết diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác.
- Có khả năng phối hợp, làm việc theo nhóm và tự làm việc theo kế hoạch.

#### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### CHƯƠNG I: Jobs in a Hotel

1. Introduce the assignment task
2. Describe jobs in a hotel
3. Practise listening to jobs description
4. use “can, could, would” to ask questions
5. Write a description of jobs in a hotel that you want to apply for

#### CHƯƠNG II: Hotel Reservation and Checking in

1. Practise listening to how people book rooms in a hotel

2. Know some words relevant to hotel reservation
3. Practise speaking with model sentences: hotel reservation
4. Practise with “if” and “when” clauses
5. Listen to how people check in and check out
6. Practise checking in and out
7. Deal with complaints about check in/out

### **CHƯƠNG III: Hotel Facilities**

1. Practise speaking about hotel facilities and services
2. Describe facilities and services
3. Practise reading: skimming, scanning, reading for details about facilities
4. Practise listening to people talking about the Golden Sand Hotel
5. Be + going + to + V

### **CHƯƠNG IV: Restaurant and Complaints**

1. Listen to a dialogue about services in a restaurant
2. Vocabulary:
3. Model sentences: making requests and reply
4. Discuss: The customer is always right!
5. Language study:
6. Practise speaking and listening to conversation between a guest and a waiter
7. Write and read: letter of complaint

### **CHƯƠNG V: Service Included and Telephone Enquiries**

1. Talk about currencies used in foreign countries
2. Read: to tip or not to tip
3. Talk: tip customs
4. Write: complete the press information
5. Practise listening and fill in the form
6. Language study: the use of will and won't
7. Grammar: prepositions
8. Language study 2: telephone phrases

### **CHƯƠNG VI: Ordering help and advice**

1. Practise asking and offering help and advice
2. Language study: phrases for asking and offering, present perfect tense
3. Listen to guests' problems and giving advice
4. Listen to people to know how to say farewell
5. Language study:
6. Practise speaking what happened and future plans
7. Write diary

**4. Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham khảo chính:**

**9.1. Giáo trình chính:**

- 1, *Professional English for Tourism Training - Textbook KS1 + KS2*. Hanoi Open University -Faculty of Tourism. 2007
- 2, *English for International Tourism – Textbook*. Longman Press. England. 2007.
- 3, *English for International Tourism – Workbook*. Longman Press. England. 2007.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

1. Trish Stott & Angela Buckingham. *At your Service*. OxfordUniversity Press. 2009.
2. Michael Duckworth. *High Season*. OxfordUniversity Press. 2009.

## **10. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, Học viện Ngoại giao.  
<https://www.dav.edu.vn/vi/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/dai-hoc-cao-dang/118-chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-ngon-ngu-anh.html>. Tải xuống ngày 20/12/2017.
2. Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.  
<http://huflit.edu.vn/Chuong-trinh-dao-tao-NN/chuong-trinh-dao-tao-nganh-ngon-ngu-anh-164.html>. Tải xuống ngày 20/10/2017.
3. Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội.  
<http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/chuong-trinh-giao-duc-dai-hoc-nganh-ngon-ngu-anh/>. Tải xuống ngày 10/9/2017.
4. Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.  
<http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/chuong-trinh-giao-duc-dai-hoc-nganh-ngon-ngu-anh/>. Tải xuống ngày 8/8/2017.
5. Chương trình đào tạo ngành Biên phiên dịch, Đại học Eastern Mediterranean University.  
<https://www1.emu.edu.tr/en/programs/translation-and-interpretation-undergraduate-program/890?tab=curriculum>. Tải xuống ngày 6/12/2017
6. Chương trình đào tạo ngành Biên phiên dịch, Đại học Singapore University of Social Sciences  
<http://www.unisim.edu.sg/programmes/programme-details/Pages/BA-Translation-and-Interpretation.aspx>. Tải xuống ngày 16/10/2017
7. Chương trình đào tạo ngành Biên phiên dịch, Đại học Bilkent University.  
<https://catalog.bilkent.edu.tr/current/dep/d89.html>. Tải xuống ngày 9/12/2017
8. Chương trình đào tạo ngành Biên phiên dịch, Đại học Atılım University  
<http://mtb.atilim.edu.tr/academicprograms/curriculum/id/179?lang=en>. Tải xuống ngày 20/12/2017

## **11. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **11.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:**

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;
- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;
- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

**11.2.** Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra; Trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trưởng phòng QT,VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

**11.3.** Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

**11.4.** Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

**11.5.** Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS,TS Nguyễn Mạnh An**